

**PHỤ LỤC IV**  
**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                             | Đoạn đường                                                              |                                                                                         | Giá đất |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                   | Từ                                                                      | Đến                                                                                     | VT1     |
| 1     | Xã Phong Điền                                                                                                     |                                                                         |                                                                                         |         |
| 1.1   | Các Trục hành chính<br>Trung tâm huyện Phong<br>Điền                                                              | Trục số 4, 5, 8, 10, 14 Khu dân cư Thương mại, dịch vụ<br>thị trấn (cũ) |                                                                                         | 2.900   |
|       |                                                                                                                   | Trục Đường số 12                                                        |                                                                                         | 2.400   |
| 1.2   | Đường Chiêm Thành Tấn<br>(Trục số 7, Khu Trung<br>tâm Thương mại - Hành<br>chính huyện - nay là xã<br>Phong Điền) | Đường tỉnh 923 (mới)                                                    | Đường Trương Duy Toàn                                                                   | 2.900   |
| 1.3   | Đường Trương Duy Toàn                                                                                             | Đường Chiêm Thành Tấn                                                   | Trục số 4 (Khu Trung tâm<br>Thương mại - Hành chính<br>huyện - nay là xã Phong<br>Điền) | 3.400   |
| 1.4   | Đường vào Khu mộ cụ<br>Phan Văn Trị                                                                               | Lộ Vòng Cung                                                            | Cầu Cái Tắc                                                                             | 1.900   |
|       |                                                                                                                   | Cầu Cái Tắc                                                             | Hết ranh đất Khu mộ cụ<br>Phan Văn Trị                                                  | 1.600   |
|       |                                                                                                                   | Ranh đất Khu mộ cụ Phan<br>Văn Trị                                      | Rạch Tre                                                                                | 1.300   |
| 1.5   | Khu Trung tâm Thương<br>mại huyện Phong Điền<br>(nay là xã Phong Điền)                                            | Trục chính                                                              |                                                                                         | 4.700   |
|       |                                                                                                                   | Trục phụ                                                                |                                                                                         | 3.300   |
| 1.6   | Lộ Vòng Cung (Đường<br>tỉnh 923 cũ)                                                                               | Giáp ranh phường An Bình                                                | Cầu Trà Niên                                                                            | 3.100   |
|       |                                                                                                                   | Cầu Trà Niên                                                            | Cầu Tây Đô                                                                              | 6.300   |
|       |                                                                                                                   | Cầu Tây Đô                                                              | Cống Rạch Bần                                                                           | 5.720   |
|       |                                                                                                                   | Cống Rạch Bần                                                           | Cầu Rạch Miếu                                                                           | 3.600   |
|       |                                                                                                                   | Cầu Rạch Miếu                                                           | Giáp ranh phường Phước<br>Thới                                                          | 2.400   |
| 1.7   | Đường Nguyễn Thái Bình                                                                                            | Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh<br>923 cũ)                                     | Đường tỉnh 923 (mới)                                                                    | 3.100   |
| 1.8   | Đường Nguyễn Văn Cừ<br>nối dài                                                                                    | Giáp ranh phường An Bình                                                | Cầu Trà Niên (Đường tỉnh<br>923 mới)                                                    | 4.700   |
|       |                                                                                                                   | Cầu Trà Niên                                                            | Đường tỉnh 923 (mới)                                                                    | 5.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                            | Đoạn đường                                    |                                                        | Giá đất |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                  | Từ                                            | Đến                                                    | VT1     |
| 1.9   | Đường Phan Văn Trị<br>(Trục số 2, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền) | Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)              | Đường Chiêm Thành Tấn                                  | 7.900   |
|       |                                                                                                                  | Đường Chiêm Thành Tấn                         | Hết ranh Trung tâm Y tế dự phòng huyện Phong Điền (cũ) | 5.000   |
| 1.10  | Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái và các hẻm                                                         | Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái |                                                        | 5.600   |
|       |                                                                                                                  | Các hẻm                                       |                                                        | 4.700   |
| 1.11  | Tuyến Đường nối từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Cầu Tây Đô                                                            | Đường Nguyễn Văn Cừ                           | Cầu Tây Đô                                             | 4.700   |
| 1.12  | Đường vào Trường THPT Phan Văn Trị                                                                               | Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài                   | Trường THPT Phan Văn Trị                               | 2.900   |
| 1.13  | Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng                                                                                     | Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài                   | Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)                       | 4.500   |
| 1.14  | Đường tỉnh 918 (Hương lộ 28)                                                                                     | Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)              | Giáp ranh phường Long Tuyền                            | 2.400   |
|       |                                                                                                                  | Cầu Xẻo Tre                                   | Đường tỉnh 918 nâng cấp                                | 1.500   |
| 1.15  | Khu dân cư xã Tân Thới (cũ)                                                                                      | Cả khu                                        |                                                        | 1.600   |
| 1.16  | Tuyến Đường Cầu Nhiễm - Trường Thành                                                                             | Cầu Nhiễm                                     | Giáp ranh xã Trường Thành                              | 1.200   |
| 1.17  | Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)                                                                       | Giáp ranh phường Phước Thới                   | Tuyến Đường Cầu Nhiễm - Trường Thành                   | 1.200   |
|       |                                                                                                                  | Tuyến Đường Cầu Nhiễm - Trường Thành          | Giáp ranh xã Nhơn Ái                                   | 1.200   |
| 1.18  | Đường đi quanh Nhà khách Thành ủy                                                                                | Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)              | Hết ranh Nhà khách Thành ủy                            | 1.600   |
| 1.19  | Đường vào Trung tâm dạy nghề                                                                                     | Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)              | Hết ranh Trung tâm dạy nghề                            | 1.200   |
| 1.20  | Đường Diêu Huyền (Trục đường 13, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)  | Đường số 12                                   | Đường Nguyễn Thái Bình                                 | 3.400   |

| Số TT    | Tên đơn vị hành chính                                 | Đoạn đường                                   |                                         | Giá đất |
|----------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|          |                                                       | Từ                                           | Đến                                     | VT1     |
| <b>2</b> | <b>Xã Nhơn Ái</b>                                     |                                              |                                         |         |
| 2.1      | Quốc lộ 61C                                           | Giáp ranh phường Cái Răng                    | Cầu So Đũa                              | 3.000   |
|          |                                                       | Cầu So Đũa                                   | Giáp ranh xã Tân Hòa                    | 3.000   |
| 2.2      | Đường tỉnh 926                                        | Cầu Tây Đô                                   | Cầu Cây Cắm - Nhơn Ái                   | 1.600   |
|          |                                                       | Cầu Cây Cắm - Nhơn Ái                        | Giáp ranh xã Trường Long                | 1.300   |
| 2.3      | Đường tỉnh 932                                        | Trường Trung học Nhơn Nghĩa                  | Ngã ba Trung tâm xã Nhơn Nghĩa (cũ)     | 1.600   |
|          |                                                       | Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)           | Giáp ranh xã Tân Hòa                    | 1.500   |
|          |                                                       | Đường tỉnh 932                               | Giáp Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ) | 2.700   |
| 2.4      | Tuyến Đường Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái xã Nhơn Ái | Suốt tuyến                                   |                                         | 1.000   |
| 2.5      | Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)            | Giáp ranh xã Phong Điền                      | Đường đầu nối cầu Tây Đô                | 1.000   |
|          |                                                       | Đường tỉnh 926                               | Giáp ranh xã Tân Hòa                    | 1.000   |
| 2.6      | Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long                     | Cổng KH9                                     | Giáp ranh xã Trường Long                | 1.000   |
| 2.7      | Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C          | Giáp ranh phường An Bình (Cầu Vàm Xáng)      | Quốc lộ 61C                             | 1.050   |
|          |                                                       | Ngã ba Đường dẫn Cầu Vàm Xáng                | Đường tỉnh 932                          | 1.000   |
| 2.8      | Đường dẫn Cầu Tây Đô xã Nhơn Ái                       | Suốt tuyến                                   |                                         | 1.020   |
| 2.9      | Đường Vàm Xáng - Ba Láng                              | Suốt tuyến                                   |                                         | 1.050   |
| 2.10     | Đường vào Khu di tích lịch sử Giàn Gừa                | Suốt tuyến                                   |                                         | 1.000   |
| 2.11     | Khu tái định cư 7,24 ha xã Nhơn Nghĩa (cũ)            | Trục chính (Đường số 01), Đường tỉnh 932     |                                         | 2.700   |
|          |                                                       | Trục phụ (Các Trục Đường số 2, 3, 4, 5 và 6) |                                         | 2.100   |
| 2.12     | Khu tái định cư xã Nhơn Ái                            | Cả khu                                       |                                         | 1.600   |
| 2.13     | Khu vực chợ Vàm Xáng                                  | UBND xã Nhơn Nghĩa (cũ)                      | Đường tỉnh 932                          | 1.100   |
| <b>3</b> | <b>Xã Trường Long</b>                                 |                                              |                                         |         |
| 3.1      | Đường tỉnh 926                                        | Cầu Mương Cao                                | Cầu Kinh Tắc                            | 1.040   |
|          |                                                       | Cầu Kinh Tắc                                 | Cầu Ba Chu                              | 2.210   |
|          |                                                       | Cầu Càng Đước                                | Kênh Một Ngàn                           | 1.040   |

| Số TT    | Tên đơn vị hành chính                                                         | Đoạn đường                                                                                                     |                                           | Giá đất |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|          |                                                                               | Từ                                                                                                             | Đến                                       | VT1     |
| 3.2      | Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Thuận)                           | Cả khu                                                                                                         |                                           | 1.170   |
| 3.3      | Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Hòa)                             | Cả khu                                                                                                         |                                           | 1.170   |
| 3.4      | Khu dân cư thương mại xã Trường Long (Giáp Đường tỉnh 926, xã Trường Long cũ) | Cả khu                                                                                                         |                                           | 2.210   |
| 3.5      | Tuyến Đường An Khám - Ông Hào                                                 | Suốt tuyến                                                                                                     |                                           | 1.040   |
| 3.6      | Tuyến Đường Càng Đước - Vàm Bi                                                | Suốt tuyến                                                                                                     |                                           | 715     |
| 3.7      | Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long                                             | Cổng KH9                                                                                                       | Vàm Ông Hào                               | 715     |
| 3.8      | Tuyến Đường Trường Long - Vàm Bi                                              | Cầu Ba Chu                                                                                                     | Vàm Bi                                    | 715     |
| 3.9      | Tuyến Đường Vàm Bi - Trường Hòa - Bốn Tổng                                    | Suốt tuyến                                                                                                     |                                           | 715     |
| <b>4</b> | <b>Xã Thới Lai</b>                                                            |                                                                                                                |                                           |         |
| 4.1      | Khu Chợ Thới Lai (cũ)                                                         | Phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ (Thị trấn phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ cũ)                        |                                           | 7.500   |
|          |                                                                               | Bên kia sông xáng Ô Môn Chợ Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng (Bên kia sông chợ thị trấn Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng cũ) | Vàm Nhà Thờ                               | 1.400   |
| 4.2      | Đường Hồ Thị Thưởng                                                           | Ngã ba Thới Lai - xã Trường Thắng cũ về Trung tâm xã Trường Xuân                                               | Hết ranh Trường Cao đẳng nghề             | 2.100   |
|          |                                                                               |                                                                                                                | Ngã ba vào nhà lồng chợ Thới Lai hiện hữu | 3.000   |
| 4.3      | Khu dân cư Huệ Phát                                                           | Trục chính                                                                                                     |                                           | 3.000   |
|          |                                                                               | Trục phụ                                                                                                       |                                           | 1.800   |
| 4.4      | Khu hành chính xã Thới Lai (Trừ phần tiếp giáp Đường tỉnh 922)                | Cả khu                                                                                                         |                                           | 3.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                                                  | Đoạn đường                                                            |                                           | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                                        | Từ                                                                    | Đến                                       | VT1     |
| 4.5   | Đường Nguyễn Thị Huỳnh (Đường tỉnh 922)                                                                                                | Cầu Sắt Lớn                                                           | Cầu Cồn Chen (Bên trái)                   | 2.300   |
|       |                                                                                                                                        |                                                                       | Cầu Cồn Chen (Bên phải)                   | 2.600   |
| 4.6   | Tuyến Lộ giao thông 4 mét cặp sông Xáng Ô Môn, trừ Khu dân cư Huệ Phát (Thị trấn Thới Lai (Trừ Khu dân cư Huệ Phát cũ))                | Cầu Sắt Lớn                                                           | Cầu Bà Đàm (Ranh xã Trường Thắng cũ)      | 1.000   |
| 4.7   | Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Bình cũ)                                        | Đường tỉnh 922                                                        | Cầu Đông Pháp                             | 1.500   |
|       |                                                                                                                                        | Cầu Đông Pháp                                                         | Giáp ranh xã Đông Thuận                   | 1.300   |
| 4.8   | Tuyến đường thị trấn Thới Lai - Trường Thành (Tuyến đường thị trấn Thới Lai - xã Tân Thạnh cũ)                                         | Cầu Kênh Đứng                                                         | Cầu Rạch Đình (Giáp ranh xã Trường Thành) | 1.100   |
| 4.9   | Đường huyện 21                                                                                                                         | Đường Hồ Thị Thương                                                   | Giáp ranh xã Trường Thành                 | 1.100   |
| 4.10  | Đường Võ Thị Diệp (Đường tỉnh 922)                                                                                                     | Cầu Tắc Cà Đi                                                         | Cầu Xẻo Xào (Bên trái)                    | 4.400   |
|       |                                                                                                                                        |                                                                       | Cầu Xẻo Xào (Bên phải)                    | 5.200   |
|       |                                                                                                                                        | Cầu Xẻo Xào                                                           | Cầu Sắt Lớn                               | 8.700   |
| 4.11  | Đường nội bộ thuộc dự án Mở rộng, phát triển đô thị mới và nâng cấp chợ Thới Lai hiện hữu, thị trấn Thới Lai (cũ) (Giai đoạn 01 và 02) | Đường số 01                                                           |                                           | 7.500   |
|       |                                                                                                                                        | Đường số 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16 |                                           | 6.800   |
| 4.12  | Khu đô thị mới huyện Thới Lai (cũ) (Các vị trí đã Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)              | Đường số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13           |                                           | 3.000   |
| 4.13  | Đường tỉnh 922 mới (Tuyến tránh Thới Lai)                                                                                              | Cầu Tắc Cà Đi                                                         | Cầu Cồn Chen                              | 2.800   |

| Số TT    | Tên đơn vị hành chính                                                                    | Đoạn đường                      |                                                  | Giá đất |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|          |                                                                                          | Từ                              | Đến                                              | VT1     |
| 4.14     | Đường tỉnh 922 mới                                                                       | Ngã ba Tuyến tránh              | Cầu Đường Xuồng (Giáp ranh xã Trường Thành)      | 2.800   |
| 4.15     | Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Trường Xuân A cũ) | Giáp ranh trường cao đẳng nghề  | Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên trái) | 2.000   |
|          |                                                                                          |                                 | Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên phải) | 1.600   |
| <b>5</b> | <b>Xã Đông Thuận</b>                                                                     |                                 |                                                  |         |
| 5.1      | Đường tỉnh 919                                                                           | Giáp ranh xã Cờ Đỏ              | Hết ranh xã Đông Thuận                           | 1.430   |
| 5.2      | Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận                                            | Giáp ranh xã Thới Lai           | Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên phải)               | 1.100   |
|          |                                                                                          | Giáp ranh xã Thới Lai           | Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên trái)               | 1.600   |
| 5.3      | Khu dân cư vượt lũ xã Đông Bình (cũ)                                                     | Trục chính                      |                                                  | 1.000   |
|          |                                                                                          | Trục phụ                        |                                                  | 900     |
| 5.4      | Khu dân cư xã Đông Thuận                                                                 | Trục chính                      |                                                  | 1.100   |
|          |                                                                                          | Trục phụ                        |                                                  | 1.000   |
| 5.5      | Đường dẫn hai bên Cầu Đông Thuận                                                         | Bên phải                        |                                                  | 1.100   |
|          |                                                                                          | Bên trái                        |                                                  | 1.100   |
| <b>6</b> | <b>Xã Trường Xuân</b>                                                                    |                                 |                                                  |         |
| 6.1      | Đường tỉnh 919                                                                           | Giáp ranh xã Đông Thuận         | Kênh Xáng Ô Môn                                  | 1.430   |
|          |                                                                                          | Kênh Xáng Ô Môn                 | Giáp ranh xã Trường Long Tây                     | 1.430   |
| 6.2      | Khu Thương mại Trường Xuân                                                               | Cả khu                          |                                                  | 3.185   |
| 6.3      | Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân A (từ ranh xã Thới Lai đến Kênh Ranh)                 | Giáp ranh xã Thới Lai           | Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân                   | 858     |
|          |                                                                                          | Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân  | Hết ranh Khu Thương mại Trường Xuân              | 2.080   |
|          |                                                                                          | Ranh Khu Thương mại Trường Xuân | Cổng Sáu Sung                                    | 715     |
|          |                                                                                          | Cổng Sáu Sung                   | Kênh Ranh (Giáp ranh tỉnh An Giang)              | 715     |
| 6.4      | Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Áp Phú Thọ)                                              | Trục chính                      |                                                  | 1.430   |
|          |                                                                                          | Trục phụ                        |                                                  | 1.040   |
| 6.5      | Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân A (Áp Trường Ninh 1)                                      | Trục chính                      |                                                  | 1.040   |
|          |                                                                                          | Trục phụ                        |                                                  | 715     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                            | Đoạn đường                               |                                                                                                    | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                  | Từ                                       | Đến                                                                                                | VT1     |
| 7     | <b>Xã Trường Thành</b>                                                           |                                          |                                                                                                    |         |
| 7.1   | Đường tỉnh 922 (cũ)                                                              | Giáp ranh phường Ô Môn<br>(Cầu Vàm Nhon) | Giáp ranh xã Thới Lai<br>(Cầu Tắc Cà Đi, Bên trái)                                                 | 1.200   |
|       |                                                                                  |                                          | Giáp ranh xã Thới Lai<br>(Cầu Tắc Cà Đi, Bên phải)                                                 | 1.500   |
| 7.2   | Đường tỉnh 922 (mới)                                                             | Giáp ranh phường Phước<br>Thới (Cầu KH8) | Giáp ranh xã Thới Lai<br>(Cầu Đường Xuồng)                                                         | 1.100   |
|       |                                                                                  | Ngã ba Đường tỉnh 922 cũ                 | Giáp ranh xã Thới Lai<br>(Cầu Tắc Cà Đi)                                                           | 1.500   |
| 7.3   | Tuyến Định Môn -<br>Trường Thành                                                 | Cầu Mường Huyện                          | Cầu Ba Đá                                                                                          | 1.100   |
| 7.4   | Tuyến Đường Ba Mít -<br>Cây Dầu (Trừ đoạn Cụm<br>dân cư vượt lũ Trường<br>Thành) | Cầu Ba Đá                                | Giáp ranh xã Phong Điền<br>(Rạch Cây Dầu)                                                          | 1.140   |
| 7.5   | Tuyến Chợ Ba Mít (Trừ<br>đoạn Cụm dân cư vượt lũ<br>Trường Thành)                | Ngã ba Cầu Ba Đá                         | Ngã ba tuyến Rạch Rừa                                                                              | 800     |
| 7.6   | Tuyến Thới Lai - Tân<br>Thạnh                                                    | Giáp ranh xã Thới Lai (Rạch<br>Đình)     | Hết Khu Trung tâm xã<br>Tân Thạnh (cũ)                                                             | 1.100   |
| 7.7   | Tuyến Thới Lai - Trường<br>Thành                                                 | Giáp ranh xã Thới Lai<br>(Kênh KH8)      | Giáp ranh Cụm dân cư<br>vượt lũ Trường Thành                                                       | 790     |
| 7.8   | Tuyến Rạch Rừa                                                                   | Rạch Cầu Nhiêm                           | Tuyến Đường Ba Mít -<br>Cây Dầu                                                                    | 790     |
| 7.9   | Cụm dân cư vượt lũ Định<br>Môn (Áp Định Mỹ)                                      | Trục chính                               |                                                                                                    | 1.100   |
|       |                                                                                  | Trục phụ                                 |                                                                                                    | 800     |
| 7.10  | Cụm dân cư vượt lũ<br>Trường Thành (Áp<br>Trường Trung)                          | Trục chính                               |                                                                                                    | 1.500   |
|       |                                                                                  | Trục phụ                                 |                                                                                                    | 1.100   |
| 8     | <b>Xã Cờ Đỏ</b>                                                                  |                                          |                                                                                                    |         |
| 8.1   | Chợ Cờ Đỏ                                                                        | Cầu Cờ Đỏ                                | Kênh Đứng (Trừ Khu<br>Chỉnh trang đô thị và cải<br>thiện môi trường sống tại<br>thị trấn Cờ Đỏ cũ) | 3.500   |
|       |                                                                                  | Cầu Cờ Đỏ                                | Kênh số 1 (Trừ Khu<br>Chỉnh trang đô thị và cải<br>thiện môi trường sống tại<br>thị trấn Cờ Đỏ cũ) | 2.700   |
|       |                                                                                  | Kênh số 1                                | Giáp ranh Khu dân cư<br>vượt lũ xã Thới Đông (cũ)                                                  | 1.300   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                                                                      | Đoạn đường                                                |                                                     | Giá đất |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                                                            | Từ                                                        | Đến                                                 | VT1     |
| 8.2   | Đường vào Trường Tiểu học thị trấn Cờ Đỏ                                                                                                                   | Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)                        | Đường thị trấn Cờ Đỏ - xã Thới Đông                 | 3.900   |
| 8.3   | Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)                                                                                                                         | Giáp ranh xã Thạnh Phú                                    | Cầu Cờ Đỏ                                           | 5.100   |
| 8.4   | Khu Chính trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ (cũ)                                                                                | Các lô nền tiếp giáp trực Đường Lê Đức Thọ và Hà Huy Giáp |                                                     | 5.900   |
|       |                                                                                                                                                            | Trục chính (Chiều rộng 25 mét) (Đường số 4)               |                                                     | 5.100   |
|       |                                                                                                                                                            | Trục phụ (Chiều rộng 15 mét) (Đường số 12 và 13)          |                                                     | 4.200   |
|       |                                                                                                                                                            | Các trục còn lại                                          |                                                     | 3.400   |
| 8.5   | Khu dân cư Khmer, xã Cờ Đỏ                                                                                                                                 | Cả khu                                                    |                                                     | 800     |
| 8.6   | Khu hành chính xã Cờ Đỏ (Trừ phần tiếp giáp đường Hà Huy Giáp)                                                                                             | Cả khu                                                    |                                                     | 3.100   |
| 8.7   | Khu tái định ấp Thới Hòa B, thị trấn Cờ Đỏ (cũ)                                                                                                            | Đường số 01, Đường số 03, Đường số 04, Đường số 09        |                                                     | 2.700   |
|       |                                                                                                                                                            | Đường số 07, Đường số 02                                  |                                                     | 2.600   |
|       |                                                                                                                                                            | Đường số 05, Đường số 06                                  |                                                     | 2.200   |
|       |                                                                                                                                                            | Đường số 08                                               |                                                     | 1.700   |
| 8.8   | Đường Lê Đức Thọ (Đường tỉnh 922) (Bên phải tiếp giáp trực đường giao thông; Bên trái tiếp giáp mương lộ hướng từ huyện Thới Lai cũ đến thị trấn Cờ Đỏ cũ) | Ngã ba giao Đường Lê Đức Thọ - Hà Huy Giáp                | Cầu Kênh Ngang                                      | 5.500   |
|       |                                                                                                                                                            | Cầu Kênh Ngang                                            | Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên trái)                   | 2.500   |
|       |                                                                                                                                                            | Cầu Kênh Ngang                                            | Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên phải)                   | 1.700   |
| 8.9   | Đường Nguyễn Văn Nhung (Đường tỉnh 921)                                                                                                                    | Đường Hà Huy Giáp                                         | Cầu Kinh Bốn Tổng (Thâm hậu tới sông Xáng Thốt Nốt) | 4.200   |
|       |                                                                                                                                                            | Cầu Kênh Bốn Tổng                                         | Cầu Năm Châu (Giáp ranh xã Thạnh Phú)               | 3.400   |
| 8.10  | Đường ô tô đến Trung Tâm xã Thới Xuân (cũ)                                                                                                                 | Đường tỉnh 919                                            | Cầu Kênh Lồng Ống (Hai bên)                         | 1.600   |
|       |                                                                                                                                                            | Cầu Kênh Lồng Ống                                         | Cầu Kênh Lò Thiêu (Hai bên)                         | 900     |
|       |                                                                                                                                                            | Cầu Kênh Lò Thiêu                                         | Cầu số 4 (Sông Xáng Thốt Nốt) (Bên trái)            | 800     |
|       |                                                                                                                                                            | Cầu số 4                                                  | Cầu Nóc Bàng                                        | 700     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                                                             | Đoạn đường                                                    |                                                      | Giá đất |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                                   | Từ                                                            | Đến                                                  | VT1     |
| 8.11      | Cụm dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)                                                                                              | Các lô nền tiếp giáp Đường Cờ Đỏ - xã Thới Đông               |                                                      | 1.400   |
|           |                                                                                                                                   | Trục chính (Hai bên nhà lồng chợ)                             |                                                      | 1.100   |
|           |                                                                                                                                   | Các trục còn lại                                              |                                                      | 800     |
| <b>9</b>  | <b>Xã Đông Hiệp</b>                                                                                                               |                                                               |                                                      |         |
| 9.1       | Đường tỉnh 922 (Bên phải tiếp giáp trục đường giao thông, Bên trái tiếp giáp mương lộ Hướng từ ranh xã Thới Lai đến xã Đông Hiệp) | Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)                          | Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên trái) | 800     |
|           |                                                                                                                                   | Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)                          | Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên phải) | 1.100   |
|           |                                                                                                                                   | Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ) | Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên trái)        | 900     |
|           |                                                                                                                                   | Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ) | Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên phải)        | 1.400   |
|           |                                                                                                                                   | Ranh Trường THCS Đông Hiệp                                    | Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên trái)                        | 800     |
|           |                                                                                                                                   | Giáp ranh đất Trường THCS Đông Hiệp                           | Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên phải)                        | 1100    |
| 9.2       | Đường tỉnh 922 (mới)                                                                                                              | Giáp ranh xã Thới Lai                                         | Ngã ba giao Đường tỉnh 922 (cũ)                      | 940     |
| 9.3       | Đường vào Trường Mẫu giáo, Tiểu học Đông Hiệp 1                                                                                   | Đường tỉnh 922                                                | Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Hiệp               | 800     |
| 9.4       | Đường vào Trường Tiểu học Đông Thắng                                                                                              | Đường tỉnh 922                                                | Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Thắng              | 900     |
| 9.5       | Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng                                                                                             | Đường tỉnh 922                                                | Giáp ranh xã Thới Hưng                               | 1300    |
| 9.6       | Khu Chợ Đông Hiệp                                                                                                                 | Cả khu                                                        |                                                      | 1.600   |
| 9.7       | Cụm dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp                                                                                                   | Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 922                           |                                                      | 1.400   |
|           |                                                                                                                                   | Đường nội bộ có lộ giới (4 - 7 - 4) mét                       |                                                      | 1.100   |
|           |                                                                                                                                   | Đường nội bộ có lộ giới (3 - 5 - 3) mét                       |                                                      | 900     |
|           |                                                                                                                                   | Các trục còn lại                                              |                                                      | 800     |
| <b>10</b> | <b>Xã Trung Hưng</b>                                                                                                              |                                                               |                                                      |         |
| 10.1      | Đường tỉnh 921                                                                                                                    | Cầu Xẻo Xây lớn                                               | Cầu Cái He                                           | 1.900   |
|           |                                                                                                                                   | Cầu Cái He                                                    | Cầu Ngã Tư (Chợ xã) (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)         | 2.400   |
|           |                                                                                                                                   | Cầu Ngã Tư                                                    | Giáp ranh xã Thạnh Phú                               | 900     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                 | Đoạn đường                                                                                                           |                                                                | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                       | Từ                                                                                                                   | Đến                                                            | VT1     |
| 10.2      | Đường tỉnh 921B                                                                       | Giáp ranh phường Trung Nhứt                                                                                          | Đường tỉnh 921                                                 | 800     |
| 10.3      | Đường ô tô đến Trung tâm xã Trung Thạnh (cũ)                                          | Cầu Bắc Đông (Trừ Khu dân cư xã Trung Thạnh (cũ), Điểm Bắc Đông)                                                     | Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ) (Điểm Lấp Vò) | 1.400   |
| 10.4      | Đường số 12 vào Trường Mầm non Trung Hưng 1                                           | Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Trung Hưng)                                                               | Rạch Ngã Tư                                                    | 1.300   |
| 10.5      | Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng                                                      | Các lô nền xung quanh chợ Trung Hưng (Điểm chợ xã Trung Hưng)                                                        |                                                                | 3.100   |
|           |                                                                                       | Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921 (Điểm chợ xã Trung Hưng)                                                         |                                                                | 2.400   |
|           |                                                                                       | Các lô nền còn lại (Điểm chợ xã Trung Hưng)                                                                          |                                                                | 1.300   |
|           |                                                                                       | Toàn cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Ba Đá)                                                               |                                                                | 800     |
| 10.6      | Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ)                                                | Các lô nền tiếp giáp trực chính cặp sông Thốt Nốt và trục Đường từ Cầu Lấp Vò đến trục Đường số 2 Cụm dân cư vượt lũ |                                                                | 1.100   |
|           |                                                                                       | Các lô nền còn lại                                                                                                   |                                                                | 800     |
| 10.7      | Khu tái định cư Bắc Đông (Xã Trung Thạnh cũ)                                          | Cả khu                                                                                                               |                                                                | 2.300   |
| <b>11</b> | <b>Xã Thạnh Phú</b>                                                                   |                                                                                                                      |                                                                |         |
| 11.1      | Đường tỉnh 921                                                                        | Ranh xã Trung Hưng                                                                                                   | Cầu Huyện Chơn                                                 | 900     |
|           |                                                                                       | Cầu Huyện Chơn                                                                                                       | Cầu Hội Đồng Khương (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)                   | 1.200   |
|           |                                                                                       | Cầu Hội Đồng Khương                                                                                                  | Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Cầu Năm Châu)                              | 900     |
| 11.2      | Đường Nông trường Cờ Đỏ (Trục Đường vào Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ) (Hai bên) | Đường tỉnh 919                                                                                                       | Kênh 1                                                         | 1.200   |
|           |                                                                                       | Kênh 1                                                                                                               | Kênh 4                                                         | 900     |
|           |                                                                                       | Kênh 4                                                                                                               | Kênh 8 (Giáp ranh xã Thạnh An)                                 | 600     |
| 11.3      | Đường tỉnh 919                                                                        | Giáp ranh xã Cờ Đỏ                                                                                                   | Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh                                        | 2.300   |
| 11.4      | Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Phú                                                       | Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921                                                                                  |                                                                | 1.500   |
|           |                                                                                       | Các lô nền còn lại                                                                                                   |                                                                | 900     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                             | Đoạn đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                        | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                   | Từ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đến                                    | VT1     |
| <b>12</b> | <b>Xã Thới Hưng</b>                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                        |         |
| 12.1      | Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng                                                             | Đường tỉnh 922 (Giáp ranh xã Đông Hiệp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cầu Kinh Ấp 3                          | 1.200   |
|           |                                                                                                   | Cầu Kinh Ấp 3 (cầu số 5)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Kinh 200 (Giáp ranh phường Thới Long)  | 1.500   |
| <b>13</b> | <b>Xã Vĩnh Thạnh</b>                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                        |         |
| 13.1      | Quốc lộ 80                                                                                        | Giáp ranh tỉnh An Giang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cổng số 7,5                            | 1.500   |
|           |                                                                                                   | Cổng số 7,5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cổng số 9,5                            | 1.000   |
|           |                                                                                                   | Cổng số 9,5                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cổng Lý Chiêu                          | 1.700   |
|           |                                                                                                   | Cổng Lý Chiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cổng Thầy Pháp (Trung tâm xã)          | 4.200   |
|           |                                                                                                   | Cổng Thầy Pháp (Trung tâm xã)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Giáp ranh xã Thạnh Quới (Cổng Nhà Thờ) | 4.200   |
| 13.2      | Trung tâm hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là Trung tâm hành chính xã)                            | Toàn bộ các tuyến Đường số: 34, 41, 43, 47, 53, 8, 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                        | 3.100   |
|           |                                                                                                   | Tuyến Đường số 11 (Từ Đường số 41 đến Đường số 55)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        | 3.100   |
| 13.3      | Khu tái định cư Trung tâm Thương mại và Dân cư Thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh) | Toàn bộ các tuyến Đường số: 38, 40                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        | 1.300   |
|           |                                                                                                   | Đường số 6 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                        | 1.300   |
|           |                                                                                                   | Đường số 8 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                        | 1.300   |
|           |                                                                                                   | Đường số 37 (Từ Đường số 6 đến Đường số 8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                        | 1.300   |
| 13.4      | Khu tái định cư và dân cư hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)                      | Các lô nền tiếp giáp Đường nội bộ song song với Đường Phù Đồng Thiên Vương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                        | 3.100   |
|           |                                                                                                   | Các lô nền còn lại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                        | 1.300   |
|           |                                                                                                   | Các lô nền đã có Quyết định giá đất cụ thể gồm: B2 - 11, B2 - 12, B2 - 13, B2 - 14, B2 - 15, B2 - 16, B2 - 17, B2 - 18, B2 - 19, B2 - 20, B2 - 21, B2 - 22, B2 - 23, B2 - 24, B2 - 25, B2 - 35, B2 - 36, B2 - 37, B2 - 38, B2 - 39, B2 - 40, B2 - 41, B2 - 42, B2 - 43, B2 - 44, B2 - 45, B2 - 46, B2 - 47, B2 - 48, B2 - 49, B5 - 21, B5 - 23, B5 - 24, B5 - 45, B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20. |                                        | 1.520   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                             | Đoạn đường                                                                                                                                                                                            |                                   | Giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|       |                                                                                   | Từ                                                                                                                                                                                                    | Đến                               | VT1     |
| 13.4  | Khu tái định cư và dân cư hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)      | B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20. |                                   | 1.520   |
|       |                                                                                   | B5 - 25, B5 - 32, C2 - 01, C3 - 01, C3 - 20, B2 - 1, B2 - 26, B2 - 34.                                                                                                                                |                                   | 1.520   |
| 13.5  | Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Vĩnh Thạnh (cũ)                                       | Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80                                                                                                                                                        |                                   | 4.000   |
|       |                                                                                   | Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong cụm dân cư vượt lũ                                                                                                                                     |                                   | 800     |
|       |                                                                                   | Các tuyến đường chính trong cụm Khu dân cư vượt lũ                                                                                                                                                    |                                   | 750     |
| 13.6  | Trung tâm Thương mại và Dân cư thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh) | Vị trí lô nền cặp đường nội bộ song song đường Phù Đồng Thiên Vương                                                                                                                                   |                                   | 3.100   |
| 13.7  | Đường Bờ Tràm                                                                     | Kênh Thắng Lợi 1                                                                                                                                                                                      | Kênh Bốn Tổng                     | 500     |
| 13.8  | Đường ô tô vào Trung tâm xã Thạnh Lộc (T7) (Nay là xã Vĩnh Thạnh)                 | Sau 50 mét Quốc lộ 80                                                                                                                                                                                 | Kênh Thắng Lợi 1 (Hết Đường T7)   | 500     |
| 13.9  | Đường Thắng Lợi 1                                                                 | Ngã ba giao Đường T7 với Kênh Thắng Lợi 1                                                                                                                                                             | Đường Bờ Tràm                     | 600     |
| 13.10 | Đường Sĩ Công                                                                     | Kênh Bà Chiêu                                                                                                                                                                                         | Giáp ranh phường Trung Nhứt       | 500     |
| 13.11 | Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi                                                            | Giáp ranh xã Vĩnh Trinh                                                                                                                                                                               | Kênh Bốn Tổng (Kênh số 10)        | 600     |
| 13.12 | Tuyến Đường nối lên Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi                                      | Đường Phù Đồng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)                                                                                                                                                           | Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi          | 600     |
| 13.13 | Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (cũ)                                              | Suốt tuyến                                                                                                                                                                                            |                                   | 500     |
| 13.14 | Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (Sáu Bọng) (cũ)                                   | Suốt tuyến                                                                                                                                                                                            |                                   | 500     |
| 13.15 | Đường Phù Đồng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)                                       | Sau Quốc lộ 80                                                                                                                                                                                        | Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi | 3.400   |
|       |                                                                                   | Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi                                                                                                                                                                     | Giáp ranh xã Thạnh Quới           | 3.850   |
| 13.16 | Khu dân cư chợ Số 8                                                               | Các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80                                                                                                                                                                       |                                   | 1.300   |
|       |                                                                                   | Các lô nền tiếp giáp các đường nội bộ                                                                                                                                                                 |                                   | 500     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                       | Đoạn đường                                                                                                 |                                                  | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                             | Từ                                                                                                         | Đến                                              | VT1     |
| 13.17     | Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Mỹ (số 8) (cũ)                                                  | Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80                                                             |                                                  | 1.300   |
|           |                                                                                             | Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ                                          |                                                  | 500     |
| <b>14</b> | <b>Xã Vĩnh Trinh</b>                                                                        |                                                                                                            |                                                  |         |
| 14.1      | Quốc lộ 80                                                                                  | Cầu Đường Xuông (Giáp phường Thốt Nốt)                                                                     | Giáp ranh tỉnh An Giang (Trừ Cụm dân cư vượt lũ) | 1.890   |
| 14.2      | Đường T3 Bờ Ót                                                                              | Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh                                                                 | Kênh Thắng Lợi 1                                 | 455     |
| 14.3      | Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi                                                                      | Giáp ranh phường Thốt Nốt                                                                                  | Tuyến tránh thành phố Long Xuyên                 | 1.170   |
| 14.4      | Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh                                                            | Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80                                                             |                                                  | 1.170   |
|           |                                                                                             | Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ                                          |                                                  | 455     |
|           |                                                                                             | Vị trí các lô nền tiếp giáp từ đoạn Quốc lộ 80 đến đường T3 Bờ Ót (Trong Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh) |                                                  | 1.000   |
| 14.5      | Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 1)                            | Trục chính                                                                                                 |                                                  | 3.980   |
|           |                                                                                             | Trục phụ                                                                                                   |                                                  | 3.700   |
| 14.6      | Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc                                                                | Giáp ranh phường Thốt Nốt                                                                                  | Đường T3 Bờ Ót                                   | 650     |
| 14.7      | Tuyến tránh thành phố Long Xuyên                                                            | Trên địa bàn xã Vĩnh Trinh                                                                                 |                                                  | 1.170   |
| 14.8      | Tuyến Đường nối từ đường dẫn vào Cầu Vàm Cống vào Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ) | Tuyến tránh thành phố Long Xuyên                                                                           | Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)        | 690     |
| 14.9      | Tuyến Đường nối từ Quốc lộ 80 đến Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)                 | Quốc lộ 80                                                                                                 | Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)        | 690     |
| 14.10     | Tuyến Đường Rạch Ngã Chùa                                                                   | Quốc lộ 80                                                                                                 | Cầu Đình Vĩnh Trinh                              | 690     |
|           |                                                                                             | Cầu Ba Mao                                                                                                 | Giáp ranh phường Thốt Nốt                        | 690     |
| 14.11     | Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 1                                                                | Đường T3 Bờ Ót                                                                                             | Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh                          | 690     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                     | Đoạn đường                                                        |                                                  | Giá đất |
|-----------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                                                           | Từ                                                                | Đến                                              | VT1     |
| 14.12     | Tuyến Đường Kênh Bà Chiêu                                 | Kênh Ông Xếp (Giáp ranh phường Thốt Nốt)                          | Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh                          | 690     |
| 14.13     | Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 2                              | Giáp ranh phường Thốt Nốt                                         | Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh                          | 690     |
| 14.14     | Tuyến Đường Kênh Lộ Mới                                   | Kênh Bà Chiêu                                                     | Giáp ranh phường Thốt Nốt                        | 690     |
| <b>15</b> | <b>Xã Thạnh An</b>                                        |                                                                   |                                                  |         |
| 15.1      | Quốc lộ 80                                                | Giáp ranh xã Thạnh Quới                                           | Cổng Sao Mai                                     | 3.000   |
|           |                                                           | Cổng Sao Mai                                                      | Cầu Thầy Ký                                      | 4.900   |
|           |                                                           | Cầu Thầy Ký                                                       | Kênh B (Giáp ranh tỉnh An Giang)                 | 4.700   |
| 15.2      | Đường Kênh Thầy Ký (Bờ phía Đông)                         | Quốc lộ 80                                                        | Cầu Bờ Bao                                       | 600     |
| 15.3      | Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)                             | Bờ Kênh Cái Sắn                                                   | Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh Quới)               | 600     |
|           |                                                           | Kênh Đồn Đông (Giáp ranh xã Thạnh Quới)                           | Giáp ranh tỉnh An Giang                          | 640     |
| 15.4      | Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Thạnh An (nay là xã Thạnh An) | Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ |                                                  | 800     |
| 15.5      | Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Thắng (nay là xã Thạnh An)    | Cả khu                                                            |                                                  | 600     |
| 15.6      | Đường tỉnh 921C                                           | Giáp ranh xã Thạnh Quới                                           | Cầu Kênh C1                                      | 640     |
| 15.7      | Đường huyện 54                                            | Đường tỉnh 916 (Ngã ba xã Thạnh Lợi (cũ))                         | Kênh C2                                          | 600     |
| <b>16</b> | <b>Xã Thạnh Quới</b>                                      |                                                                   |                                                  |         |
| 16.1      | Quốc lộ 80                                                | Cổng Nhà Thờ                                                      | Đầu cầu Láng Sen                                 | 1.890   |
|           |                                                           | Đầu cầu Láng Sen                                                  | Giáp ranh xã Thạnh An (Cổng số 15,5)             | 1.330   |
| 16.2      | Đường tỉnh 919 (Bồn Tổng - Một Ngàn)                      | Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh (Cầu Láng Chim)                           | Giáp ranh xã Thạnh Phú                           | 858     |
| 16.3      | Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)                             | Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh An)                                  | Giáp ranh xã Thạnh An                            | 455     |
|           |                                                           | Quốc lộ 80                                                        | Cầu Cái Sắn                                      | 455     |
| 16.4      | Đường Nam Kênh Đồn Đông (Đoạn D - H)                      | Giáp ranh xã Thạnh An                                             | Hết ranh xã Thạnh Quới (Giáp ranh tỉnh An Giang) | 455     |
| 16.5      | Đường số 12 (Trung tâm hành chính xã Thạnh Quới)          | Kênh Cổng 12                                                      | Kênh FM (Nhà thờ)                                | 455     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                      | Đoạn đường                                                        |                                                     | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                            | Từ                                                                | Đến                                                 | VT1     |
| 16.6      | Chợ Láng Sen và Dân cư nông thôn xã Thạnh Quới                             | Đường số 03, 09 và các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80                |                                                     | 1.755   |
|           |                                                                            | Toàn bộ các tuyến Đường số 01, 02, 04, 05, 06, 07, 08             |                                                     | 1.170   |
| 16.7      | Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh An (cũ)                                        | Cả khu                                                            |                                                     | 455     |
| 16.8      | Cụm dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ (mở rộng) xã Thạnh Quới                        | Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp đường nội bộ cấp Quốc lộ 80   |                                                     | 1.755   |
|           |                                                                            | Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ |                                                     | 585     |
| <b>17</b> | <b>Xã Hòa Tú</b>                                                           |                                                                   |                                                     |         |
| 17.1      | Đường tỉnh 936B                                                            | Giáp ranh tỉnh Cà Mau                                             | Trường THCS Hòa Tú 2                                | 1.100   |
|           |                                                                            | Trường THCS Hòa Tú 2                                              | Đường tỉnh 940                                      | 1.400   |
|           |                                                                            | Đường tỉnh 940                                                    | Giáp ranh xã Ngọc Tố                                | 900     |
| 17.2      | Đường tỉnh 940                                                             | Giáp ranh xã Nhu Gia                                              | Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)                       | 2.200   |
|           |                                                                            | Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)                                     | Giáp ranh phường Vĩnh Phước                         | 1.700   |
| 17.3      | Đường tỉnh 940 (cũ)                                                        | Đường tỉnh 940                                                    | Giáp ranh phường Vĩnh Phước                         | 1.400   |
| 17.4      | Đường huyện 15                                                             | Đường tỉnh 940 (Vòng xoay ấp Hòa Phương)                          | Giáp ranh xã Ngọc Tố                                | 1.100   |
| 17.5      | Đường huyện 50                                                             | Đường tỉnh 936B                                                   | Giáp ranh xã Nhu Gia                                | 450     |
| 17.6      | Đường huyện 54                                                             | Đường huyện 15                                                    | Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ) | 1.300   |
|           |                                                                            | Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)               | Đường huyện 51                                      | 1.100   |
| 17.7      | Đường huyện 51                                                             | Đường tỉnh 940                                                    | Giáp ranh xã Ngọc Tố                                | 1.300   |
| 17.8      | Đường huyện 52 (Dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất Tôm - Lúa hữu cơ) | Giáp ranh xã Nhu Gia                                              | Đường đal Hòa Đê - Hòa Đức                          | 600     |
| 17.9      | Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))       | Giáp ranh xã Nhu Gia                                              | Giáp Sông Đĩnh                                      | 1.900   |
|           |                                                                            | Giáp Sông Đĩnh                                                    | Giáp ranh xã Ngọc Tố                                | 900     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                    | Đoạn đường                                                           |                                                | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------|
|           |                                                          | Từ                                                                   | Đến                                            | VT1     |
| 17.10     | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B) | Đường tỉnh 940                                                       | Giáp ranh xã Ngọc Tổ                           | 700     |
| 17.11     | Khu trung tâm xã                                         |                                                                      |                                                |         |
| 17.11.1   | Đường D2                                                 | Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ) (Đường tỉnh 937) | Đường huyện 51                                 | 1.368   |
| 17.11.2   | Đường D4; Đường D5                                       | Đường tỉnh 940                                                       | Đường D1                                       | 1.368   |
| 17.12     | Đường vào Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh        | Đường tỉnh 940                                                       | Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh        | 500     |
| 17.13     | Đường đal khu vực Chợ Dương Kiển                         | Đường tỉnh 936B                                                      | Đường tỉnh 940 cũ                              | 820     |
| 17.14     | Đường đal Dương Kiển (Cấp UBND xã)                       | Đường tỉnh 936B                                                      | Kênh Cô Hai                                    | 400     |
| 17.15     | Đường đal (Hòa Nhò A)                                    | Đường tỉnh 940 (cũ)                                                  | Đường tỉnh 940                                 | 400     |
| <b>18</b> | <b>Xã Gia Hòa</b>                                        |                                                                      |                                                |         |
| 18.1      | Quốc lộ 1                                                | Cầu Xẻo Tra                                                          | Hết ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân        | 2.800   |
|           |                                                          | Giáp ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân                             | Hết ranh đất Quán Cafe Thùy Trang              | 2.400   |
|           |                                                          | Giáp ranh đất Quán Cafe Thùy Trang                                   | Hết ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái | 2.800   |
|           |                                                          | Giáp ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái                      | Giáp ranh xã Nhu Gia                           | 2.100   |
| 18.2      | Đường huyện 53                                           | Quốc lộ 1                                                            | Hết ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng       | 800     |
|           |                                                          | Giáp ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng                            | Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)            | 550     |
| 18.3      | Đường huyện 52                                           | Cầu Gia Hòa                                                          | Hết ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình          | 600     |
|           |                                                          | Giáp ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình                               | Giáp ranh xã Nhu Gia                           | 500     |
| 18.4      | Đường huyện 50                                           | Giáp ranh xã Nhu Gia                                                 | Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)            | 450     |
| 18.5      | Khu vực chợ Hòa Khanh                                    | Quốc lộ 1                                                            | Chùa Trà Cuôn                                  | 1.000   |
|           |                                                          | Chùa Trà Cuôn                                                        | Kênh Đê ngăn mặn                               | 800     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                  | Đoạn đường                                |                                            | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|           |                                        | Từ                                        | Đến                                        | VT1     |
| 18.6      | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây | Giáp ranh xã Nhu Gia                      | Giáp ranh xã Phú Lộc                       | 500     |
| 18.7      | Đường đal Đào Viên                     | Quốc lộ 1                                 | Hết đường                                  | 500     |
| 18.8      | Đường đal Đất Đỏ                       | Quốc lộ 1                                 | Cổng Phú Lộc                               | 400     |
| 18.9      | Đường đal Trà É                        | Quốc lộ 1                                 | Vào hết tuyến đường đal                    | 400     |
| 18.10     | Đường đal vào Đay sô                   | Quốc lộ 1                                 | Giáp Đường đal Bưng Thum (Gần Nhà văn hóa) | 500     |
| 18.11     | Đường đal đi Bưng Thum                 | Quốc lộ 1                                 | Trường Tiểu học Bưng Thum                  | 500     |
|           |                                        | Trường Tiểu học Bưng Thum                 | Hết Đường đal giáp xã Lâm Tân              | 400     |
| 18.12     | Đường đal ấp Nhon Hòa - Thanh Thới     | Đường huyện 53                            | Giáp ranh xã Phú Lộc                       | 400     |
| 18.13     | Đường đal Thanh Bình                   | Quốc lộ 1                                 | Chùa Huệ Quang                             | 450     |
| 18.14     | Đường đal Lung Lá                      | Đường huyện 53                            | Đường huyện 50                             | 450     |
| <b>19</b> | <b>Xã Nhu Gia</b>                      |                                           |                                            |         |
| 19.1      | Quốc lộ 1                              | Cầu Nhu Gia mới                           | Cầu Cản Đước                               | 3.500   |
|           |                                        | Cầu Cản Đước                              | Giáp ranh phường Mỹ Xuyên                  | 2.800   |
|           |                                        | Cầu Nhu Gia mới                           | Đường tỉnh 940                             | 3.800   |
|           |                                        | Đường tỉnh 940                            | Hết ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2   | 3.000   |
|           |                                        | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2 | Giáp ranh xã Gia Hòa                       | 2.500   |
| 19.2      | Đường tỉnh 940                         | Quốc lộ 1                                 | Cầu Kênh Nhất                              | 1.800   |
|           |                                        | Cầu Kênh Nhất                             | Cầu Chàng Ré                               | 1.300   |
|           |                                        | Cầu Chàng Ré                              | Giáp ranh xã Hòa Tú                        | 1.400   |
|           |                                        | Quốc lộ 1                                 | Giáp ranh xã Lâm Tân                       | 1.000   |
| 19.3      | Đường huyện 58                         | Quốc lộ 1                                 | Đường huyện 57                             | 450     |
| 19.4      | Đường huyện 57                         | Đường huyện 58                            | Giáp ranh xã Ngọc Tố                       | 450     |
| 19.5      | Đường huyện 52                         | Giáp ranh xã Gia Hòa (Cổng Tân Hòa)       | Đường đal ấp Vĩnh A                        | 700     |
|           |                                        | Đường đal ấp Vĩnh A                       | Ngã tư giao với Đường tỉnh 940             | 500     |
|           |                                        | Ngã tư giao với Đường tỉnh 940            | Giáp ranh xã Hòa Tú                        | 450     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                        | Đoạn đường                                     |                                           | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|       |                                              | Từ                                             | Đến                                       | VT1     |
| 19.6  | Đường huyện 50                               | Ngã tư Phước Hòa                               | Giáp ranh xã Hòa Tú                       | 450     |
|       |                                              | Ngã tư Phước Hòa                               | Giáp ranh xã Gia Hòa                      | 450     |
| 19.7  | Đường huyện 56                               | Đường Trung Nhị                                | Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1 | 1.400   |
|       |                                              | Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1      | Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2         | 950     |
|       |                                              | Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2             | Giáp ranh xã Mỹ Tú                        | 950     |
|       |                                              | Quốc lộ 1                                      | Kênh Phú Thuận                            | 800     |
|       |                                              | Kênh Phú Thuận                                 | Ngã ba Đê ngăn mặn                        | 600     |
|       |                                              | Ngã ba Đê ngăn mặn                             | Giáp ranh xã Ngọc Tổ                      | 500     |
| 19.8  | Đường Trung Nhị (Quốc lộ 1 (cũ))             | Quốc lộ 1                                      | Sông Nhu Gia                              | 3.200   |
| 19.9  | Đường Trung Trắc (Quốc lộ 1 (cũ))            | Sông Nhu Gia                                   | Quốc lộ 1                                 | 4.000   |
| 19.10 | Đường đal hẻm Chung Ken                      | Đường Trung Trắc                               | Kênh Chùa                                 | 1.300   |
| 19.11 | Đường đal vào Chùa Nhu Gia                   | Đường Trung Trắc                               | Giáp ranh xã Lâm Tân                      | 1.200   |
| 19.12 | Khu vực chợ Nhu Gia                          | Các tuyến đường nội bộ trong khu trung tâm chợ |                                           | 4.800   |
| 19.13 | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây       | Giáp ranh xã Hòa Tú                            | Cầu Long Hòa 1                            | 1.000   |
|       |                                              | Cầu Long Hòa 1                                 | Giáp ranh xã Gia Hòa                      | 500     |
| 19.14 | Đường đal vào Khu du lịch sinh thái Vườn Cò  | Đường tỉnh 940                                 | Hết đất Nhà ông Lê Minh Chính             | 500     |
| 19.15 | Đường nhựa Vĩnh B - Phước Hòa                | Đường huyện 52                                 | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây    | 480     |
|       |                                              | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây         | Ngã tư Phước Hòa                          | 450     |
| 19.16 | Tuyến Cầu Cần Đước                           | Cầu Cần Đước                                   | Kênh 19 Tháng 5                           | 400     |
| 19.17 | Đường đal vào Khu dân cư ấp Rạch Sên         | Quốc lộ 1 (Đường loại 3)                       | Hết ranh đất Trường học Rạch Sên          | 450     |
| 19.18 | Đường đal ấp Cần Đước                        | Quốc lộ 1                                      | Cầu Chùa Cần Đước                         | 550     |
|       |                                              | Cầu Chùa Cần Đước                              | Kênh 19 Tháng 5                           | 400     |
| 19.19 | Đường đal Trường Mẫu giáo Cần Đước (Hai bên) | Quốc lộ 1                                      | Kênh Phú Thuận                            | 650     |
|       |                                              | Kênh Phú Thuận                                 | Đê ngăn mặn                               | 500     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính              | Đoạn đường                                                   |                                                              | Giá đất |
|-----------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                    | Từ                                                           | Đến                                                          | VT1     |
| 19.20     | Đường Đê ngăn mặn                  | Đường huyện 56                                               | Giáp ranh xã Ngọc Tố                                         | 580     |
| 19.21     | Đường nhựa Khu 4                   | Đường Trung Trắc                                             | Cổng Tư Hôn                                                  | 620     |
|           |                                    | Cổng Tư Hôn                                                  | Ngã ba Cây xăng Đông Tú                                      | 580     |
|           |                                    | Ngã ba Cây xăng Đông Tú                                      | Đường tỉnh 940                                               | 510     |
| <b>20</b> | <b>Xã Ngọc Tố</b>                  |                                                              |                                                              |         |
| 20.1      | Đường tỉnh 936                     | Giáp ranh phường Mỹ Xuyên                                    | Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937                | 700     |
|           |                                    | Ngã ba Đường tỉnh 937                                        | Bến phà Dù Tho                                               | 850     |
|           |                                    | Bến phà Dù Tho                                               | Ngã ba ấp Hòa Hình (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)      | 700     |
|           |                                    | Ngã ba ấp Hòa Hình (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)      | Cổng Đập Đá                                                  | 650     |
| 20.2      | Đường tỉnh 936B                    | Ngã ba ấp Hòa Hình (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)      | Giáp ranh xã Hòa Tú                                          | 700     |
| 20.3      | Đường huyện 51                     | Giáp ranh xã Hòa Tú                                          | Đường tỉnh 936                                               | 450     |
| 20.4      | Đường huyện 55 (Tuyến nhánh)       | Đường huyện 51                                               | Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Sang (Đoạn trải nhựa)          | 450     |
| 20.5      | Đường huyện 15                     | Đường tỉnh 936                                               | Hết ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1                     | 500     |
|           |                                    | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1                    | Hết ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)                         | 670     |
|           |                                    | Giáp ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)                        | Giáp ranh xã Hòa Tú                                          | 500     |
| 20.6      | Đường tỉnh 937 (Đường huyện 56 cũ) | Giáp ranh phường Mỹ Xuyên                                    | Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937                | 1.300   |
| 20.7      | Đường huyện 56                     | Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937                | Ngã ba Đường huyện 56 (Cấp Khu Thê thao Đa năng Tham Đôn cũ) | 600     |
|           |                                    | Ngã ba Đường huyện 56 (Cấp Khu Thê thao Đa năng Tham Đôn cũ) | Giáp ranh xã Nhu Gia                                         | 450     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                | Đoạn đường                                                                                                   |                                             | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|           |                                                                      | Từ                                                                                                           | Đến                                         | VT1     |
| 20.8      | Đường huyện 56 (cũ)                                                  | Ngã ba Đường huyện 56 (Cấp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)                                                 | Ngã ba Đường huyện 56 (Hướng về xã Nhu Gia) | 450     |
| 20.9      | Đường huyện 57                                                       | Giáp ranh phường Mỹ Xuyên                                                                                    | Đường tỉnh 936                              | 700     |
|           |                                                                      | Đường tỉnh 936                                                                                               | Giáp ranh xã Nhu Gia                        | 450     |
| 20.10     | Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)) | Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937                                                                | Cầu Dù Tho                                  | 1.100   |
|           |                                                                      | Cầu Dù Tho                                                                                                   | Giáp ranh xã Hòa Tú                         | 900     |
|           |                                                                      | Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936                                                                           |                                             | 550     |
| 20.11     | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây                               | Giáp ranh phường Khánh Hòa (Sông Cổ Cò)                                                                      | Giáp ranh xã Hòa Tú                         | 500     |
| 20.12     | Đường đal trước UBND xã Ngọc Tổ (cũ)                                 | Đường tỉnh 936                                                                                               | Hết ranh đất Trường THCS Ngọc Tổ            | 1.400   |
| 20.13     | Khu vực chợ Cổ Cò                                                    | Khu Trung tâm chợ (Giới hạn bởi: Cầu Hòa Lý, Sông Cổ Cò, Đường đal vào Cầu Miếu Lắm, Đường tỉnh 936 và 936B) |                                             | 1.800   |
| 20.14     | Khu tái định cư Tham Đôn                                             | Các tuyến đường trong Khu tái định cư                                                                        |                                             | 1.945   |
| 20.15     | Đường nhựa Bung Chùm - Trà Mệt                                       | Chùa Tắc Gồng                                                                                                | Cầu Trà Mệt                                 | 450     |
|           |                                                                      | Cầu Trà Mệt                                                                                                  | Giáp ranh phường Mỹ Xuyên                   | 500     |
| <b>21</b> | <b>Xã Trường Khánh</b>                                               |                                                                                                              |                                             |         |
| 21.1      | Quốc lộ 60                                                           | Giáp ranh xã Đại Ngãi                                                                                        | Hết ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp      | 1.300   |
|           |                                                                      | Giáp ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp                                                                      | Cầu Trường Khánh                            | 2.800   |
|           |                                                                      | Cầu Trường Khánh                                                                                             | Giáp ranh phường Sóc Trăng                  | 2.800   |
| 21.2      | Đường tỉnh 932D                                                      | Quốc lộ 60                                                                                                   | Cầu Thanh Niên Trường Thành B               | 750     |
|           |                                                                      | Cầu Thanh Niên Trường Thành B                                                                                | Giáp ranh xã Phú Tâm                        | 600     |
| 21.3      | Đường tỉnh 935B                                                      | Giáp ranh xã Đại Ngãi                                                                                        | Giáp ranh xã Tân Thạnh                      | 500     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                            | Đoạn đường                                   |                                             | Giá đất |
|-------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|       |                                                  | Từ                                           | Đến                                         | VT1     |
| 21.4  | Đường huyện 21                                   | Giáp ranh xã Nhơn Mỹ                         | Quốc lộ 60                                  | 500     |
|       |                                                  | Quốc lộ 60                                   | Cầu Kênh Cây Dương                          | 450     |
|       |                                                  | Cầu Kênh Cây Dương                           | Rạch Mây Hắt                                | 400     |
| 21.5  | Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)             | Giáp ranh xã Đại Ngãi                        | Giáp ranh xã Tân Thạnh                      | 450     |
| 21.6  | Đường huyện 23                                   | Đường tỉnh 935B                              | Giáp ranh xã Đại Ngãi (Cầu Ngang)           | 450     |
| 21.7  | Đường cấp hông Chợ                               | Quốc lộ 60                                   | Kênh Cầu Đen                                | 2.700   |
|       |                                                  | Đầu ranh đất ông Ngoãn                       | Hết ranh đất ông Rét                        | 2.400   |
|       |                                                  | Đầu ranh đất Ký Tuôi                         | Hết ranh đất ông Nghĩa                      | 2.100   |
| 21.8  | Các Đường còn lại trong khu vực chợ Trường Khánh | Đầu ranh đất ông Bình                        | Hết ranh đất Năm Kha                        | 650     |
|       |                                                  | Quốc lộ 60                                   | Cầu Bà Chín                                 | 570     |
|       |                                                  | Quốc lộ 60                                   | Cầu Ông Tích                                | 570     |
|       |                                                  | Cầu Trường Khánh                             | Cầu Năm Thắng                               | 700     |
|       |                                                  | Đầu ranh đất ông Kia                         | Hết ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B | 700     |
|       |                                                  | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B | Suốt tuyến                                  | 730     |
|       |                                                  | Cầu Bà Chín                                  | Cầu Thanh Niên Trường Thành B               | 550     |
|       |                                                  | Hẻm Bác Sĩ Năm                               | Hết ranh đất nhà ông Lót                    | 1.100   |
|       |                                                  | Hẻm Hai Tráng                                | Suốt hẻm                                    | 600     |
| 21.9  | Đường đal ấp Trường Thọ                          | Suốt tuyến                                   |                                             | 550     |
| 21.10 | Các Đường còn lại khu vực phía Nam sông Giảng Cơ | Lộ cặp Kênh Thầy Rùa: Quốc lộ 60             | Cầu Chữ Y (ấp Trường An)                    | 700     |
|       |                                                  | Cầu Chữ Y (Ấp Trường An)                     | Cầu Rạch Cọt                                | 600     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                   | Đoạn đường                                                                     |                                                                                | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                         | Từ                                                                             | Đến                                                                            | VT1     |
| 21.11     | Các Đường còn lại khu vực phía Bắc Sông Giảng Cơ        | Hẻm nhà Út Bá (đối diện ông Thạch Ngọc Bình, thửa đất số 346, tờ bản đồ số 05) | Suốt hẻm                                                                       | 530     |
|           |                                                         | Hẻm Đào Chúc (đối diện ông Tăng Lang, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 05)        | Rạch Trường Bình                                                               | 530     |
|           |                                                         | Hẻm ông Trần Tốt (đối diện thửa 283,1128, tờ bản đồ số 05)                     | Rạch Trường Bình                                                               | 530     |
|           |                                                         | Đường cấp Kênh Ông Cả: Quốc lộ 60                                              | Hết đất ông Diệu (đối diện đất bà Trần Thị Pho, thửa số 1103, tờ bản đồ số 01) | 450     |
|           |                                                         | Cầu Đen                                                                        | Hết ranh đất ông Giới                                                          | 580     |
|           |                                                         | Cầu Đen                                                                        | Hết ranh đất ông Són (đối diện thửa 407, 408, tờ bản đồ số 05)                 | 950     |
| 21.12     | Đường vào Trường Cấp 2 - 3                              | Quốc lộ 60                                                                     | Hết đường                                                                      | 800     |
| <b>22</b> | <b>Xã Đại Ngãi</b>                                      |                                                                                |                                                                                |         |
| 22.1      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                        | Giáp ranh xã Nhơn Mỹ                                                           | Cầu Đại Ngãi                                                                   | 1.650   |
|           |                                                         | Cầu Đại Ngãi                                                                   | Đường tỉnh 935B                                                                | 1.200   |
|           |                                                         | Đường tỉnh 935B                                                                | Giáp ranh xã Long Phú                                                          | 900     |
| 22.2      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (cũ)                   | Giao Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) và Đường tỉnh 935B                       | Hết ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú                                       | 650     |
|           |                                                         | Giáp ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú                                      | Hết ranh đất ông Đặng Văn Gỡ                                                   | 650     |
| 22.3      | Quốc lộ 60                                              | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                        | Cầu Mương Điều                                                                 | 1.500   |
|           |                                                         | Cầu Mương Điều                                                                 | Giáp ranh xã Trường Khánh                                                      | 1.300   |
| 22.4      | Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | Quốc lộ 60                                                                     | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                               | 1.300   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                     | Đoạn đường                                                 |                                                       | Giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------|
|       |                                                           | Từ                                                         | Đến                                                   | VT1     |
| 22.5  | Đường tỉnh 935B                                           | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                           | Giáp ranh xã Phú Hữu                                  | 650     |
| 22.6  | Đường huyện 20                                            | Cầu Mương Điều                                             | Giáp ranh xã Nhơn Mỹ                                  | 600     |
| 22.7  | Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)                      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                           | Giáp ranh xã Trường Khánh                             | 520     |
| 22.8  | Đường huyện 23 (Đường đal cặp kinh mới cũ)                | Kênh Bà Xắm                                                | Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bàu                           | 520     |
|       |                                                           | Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bàu                                | Đường đal liền 3 ấp                                   | 500     |
| 22.9  | Đường huyện 27                                            | Đường tỉnh 935B                                            | Giáp ranh xã Tân Thạnh                                | 520     |
| 22.10 | Các tuyến đường nội bộ xã                                 | Ngã ba Vĩnh Thuận                                          | Hẻm Bưu điện                                          | 2.000   |
|       |                                                           | Đường 2 bên nhà lồng chợ Đại Ngãi                          |                                                       | 4.800   |
|       |                                                           | Ngã ba Vĩnh Thuận                                          | Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)               | 3.000   |
|       |                                                           | Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)                    | Hết ranh đất Trạm cấp nước                            | 1.800   |
|       |                                                           | Ngã ba Vĩnh Thuận                                          | Ngã ba Năm Lân                                        | 3.000   |
|       |                                                           | Ngã ba Năm Lân                                             | Hết đất Bến phà cũ                                    | 1.700   |
|       |                                                           | Đường cặp Nhà thờ Đại Ngãi                                 | Suốt tuyến                                            | 900     |
|       |                                                           | Đầu ranh đất Bến phà Đại Ngãi                              | Hết ranh đất UBND thị trấn cũ (Giáp lộ hai chiều)     | 750     |
|       |                                                           | Các tuyến đường còn lại trong khu vực Nhà máy Lợi Dân (cũ) |                                                       | 2.400   |
|       |                                                           | Sông Hậu                                                   | Hết ranh đất ông Sĩ                                   | 1.600   |
| 22.11 | Đường cặp sông Saintard                                   | Giáp ranh đất ông Sĩ                                       | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)               | 1.800   |
|       |                                                           | Đầu ranh đất Bến phà cũ                                    | Hẻm Tây Nam                                           | 2.400   |
|       |                                                           | Hẻm Tây Nam                                                | Hết ranh đất Tư Sơn                                   | 1.700   |
|       |                                                           | Giáp ranh đất Tư Sơn                                       | Hẻm Bảy Công                                          | 1.100   |
| 22.12 | Đường xuống Bến phà Đại Ngãi                              | Hẻm Bảy Công                                               | Cầu An Đức                                            | 950     |
|       |                                                           | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                           | Giáp Bến phà Đại Ngãi                                 | 1.300   |
| 22.13 | Đường nối vào Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú | Đường huyện 27                                             | Giáp ranh Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú | 1.537   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                       | Đoạn đường                                |                                              | Giá đất |
|-------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|       |                                             | Từ                                        | Đến                                          | VT1     |
| 22.14 | Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú | Đường N2                                  |                                              | 1.711   |
|       |                                             | Đường D1; Đường N1                        |                                              | 1.537   |
| 22.15 | Các tuyến hẻm nội bộ xã                     | Hẻm cấp Tiệm vàng Di Long                 | Suốt hẻm                                     | 1.500   |
|       |                                             | Hẻm ông Chà                               | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm ông Tỷ                                | Suốt hẻm                                     | 700     |
|       |                                             | Hẻm Ba Ánh                                | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Bảy Mol                               | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Năm Thắng                             | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm ông Nu                                | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm ông Huỳnh                             | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Bưu điện                              | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Thầy Nghĩa                            | Suốt hẻm                                     | 700     |
|       |                                             | Hẻm Ba Chấm                               | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Ngân hàng                             | Suốt hẻm                                     | 900     |
|       |                                             | Hẻm Tây Nam                               | Suốt hẻm                                     | 900     |
|       |                                             | Hẻm Lò Bún                                | Suốt hẻm                                     | 900     |
|       |                                             | Hẻm Cây Gòn                               | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Lợi Dân                               | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Bảy Công                              | Suốt hẻm                                     | 700     |
|       |                                             | Hẻm Điện Thờ Phật Mẫu                     | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Tổ Điện Lực                           | Suốt hẻm                                     | 800     |
|       |                                             | Hẻm Thiên Hậu Cung                        | Suốt hẻm                                     | 1.000   |
|       |                                             | Hẻm Đội thuế                              | Suốt hẻm                                     | 1.100   |
|       |                                             | Hẻm ông Trạng                             | Suốt hẻm                                     | 700     |
|       |                                             | Hẻm Hai Mảnh                              | Suốt hẻm                                     | 750     |
|       |                                             | Hẻm ông Hợp                               | Suốt hẻm                                     | 700     |
|       |                                             | Hẻm nhà ông Bọ                            | Hết nhà ông Vũ                               | 1.000   |
|       |                                             | Bến phà Đại Ngãi                          | Giáp ranh xã Nhơn Mỹ                         | 500     |
|       |                                             | Hẻm Ba Ngọt                               | Suốt hẻm                                     | 850     |
|       |                                             | Hẻm Ba Ngọt                               | Đường vào Trường Mẫu giáo                    | 850     |
|       |                                             | Đường vào Trường Mẫu giáo                 | Hết ranh đất Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ) | 1.000   |
|       |                                             | Giáp ranh Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ) | Hết đất ông Võ Văn Hai                       | 700     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                  | Đoạn đường                                                                                          |                                      | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
|           |                                        | Từ                                                                                                  | Đến                                  | VT1     |
| 22.16     | Các tuyến đường nông thôn ấp Thạnh Đức | Đầu ranh đất Bến phà Thạnh Đức (cũ)                                                                 | Giáp ranh đất Nhà máy nhiệt điện     | 500     |
|           |                                        | Đầu Vàm Sông Hậu (Cấp sông Saintard)                                                                | Đầu Kênh Bà Xắm                      | 500     |
|           |                                        | Ngã ba Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                                             | Ngã ba Đường đal xuống Bến phà (cũ)  | 520     |
| 22.17     | Đường ra Cống Bào Biền                 | Kênh Bà Xắm                                                                                         | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)     | 520     |
| 22.18     | Đường đal                              | Tuyến đường vào Khu tái định cư và các tuyến đường trong Khu tái định cư (Trừ các tuyến N2, D1, N1) |                                      | 500     |
| <b>23</b> | <b>Xã Tân Thạnh</b>                    |                                                                                                     |                                      |         |
| 23.1      | Đường tỉnh 933                         | Giáp ranh xã Long Phú                                                                               | Cầu Saintard                         | 1.800   |
| 23.2      | Đường tỉnh 935B                        | Giáp ranh xã Trường Khánh                                                                           | Cống Cái Xe (Cống số 1)              | 700     |
|           |                                        | Cống Cái Xe (Cống số 1)                                                                             | Đường tỉnh 934B                      | 500     |
| 23.3      | Đường tỉnh 934B                        | Giáp ranh phường Phú Lợi                                                                            | Giáp ranh xã Tài Văn                 | 1.300   |
| 23.4      | Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)   | Giáp ranh xã Trường Khánh                                                                           | Giáp ranh phường Sóc Trăng           | 540     |
| 23.5      | Đường huyện 24                         | Đường tỉnh 933                                                                                      | Đường tỉnh 935B                      | 400     |
| 23.6      | Đường huyện 25                         | Đường tỉnh 933                                                                                      | Cầu Xóm Rẫy                          | 500     |
| 23.7      | Đường huyện 26                         | Đầu cầu liên ấp Tân Qui A - Kokô                                                                    | Giáp ranh xã Long Phú                | 400     |
| 23.8      | Đường huyện 27                         | Sông Bào Biền                                                                                       | Giáp ranh xã Đại Ngãi                | 420     |
| 23.9      | Đường huyện 28                         | Đường tỉnh 935B                                                                                     | Đường huyện 26                       | 400     |
| 23.10     | Khu vực chợ Tân Thạnh                  | Đường tỉnh 935B                                                                                     | Sông Saintard                        | 600     |
| 23.11     | Khu vực chợ Cái Quanh                  | Cầu Cái Quanh                                                                                       | Hết đất ông Út Tài                   | 800     |
|           |                                        | Ngã ba chợ Cái Quanh                                                                                | Cầu Nhà Thờ                          | 800     |
| 23.12     | Đường cấp sông Saintard                | Cống Cái Quanh                                                                                      | Hết ranh đất Nhà quản lý Cống Cái Xe | 480     |
| 23.13     | Lộ Hàm Trinh                           | Sông Băng Long                                                                                      | Cống Bà Cầm                          | 480     |
| 23.14     | Đường đal còn lại                      | Đầu ranh đất ông Út Tài                                                                             | Đập Hai Hải                          | 500     |
|           |                                        | Cầu Sanitard                                                                                        | Hết ranh đất Nhà ông Đặng Văn Giữa   | 530     |
| 23.15     | Đường đal ấp Nhất (Ấp Ba)              | Giáp ranh phường Sóc Trăng                                                                          | Cầu Thanh Niên Trường An             | 400     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                        | Đoạn đường                                                         |                                                                             | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                              | Từ                                                                 | Đến                                                                         | VT1     |
| <b>24</b> | <b>Xã Long Phú</b>                           |                                                                    |                                                                             |         |
| 24.1      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)             | Giáp ranh xã Đại Ngãi                                              | Giáp ranh xã Trần Đề                                                        | 1.100   |
| 24.2      | Đường tỉnh 933                               | Giáp ranh xã Tân Thạnh                                             | Cầu Khoan Tang                                                              | 3.200   |
| 24.3      | Đường tỉnh 933C                              | Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C                       | Kênh Hai Bào                                                                | 3.000   |
|           |                                              | Kênh Hai Bào                                                       | Giáp ranh xã Trần Đề                                                        | 1.800   |
| 24.4      | Đường tỉnh 934B (Mạc Đĩnh Chi - Trần Đề)     | Giáp ranh xã Tài Văn                                               | Giáp ranh xã Liêu Tú                                                        | 950     |
| 24.5      | Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C | Đường Đặng Quang Minh                                              | Ngã ba giao Đường Đoàn Thê Trung với Đường tỉnh 933C                        | 3.000   |
| 24.6      | Đường huyện 26                               | Giáp ranh xã Tân Thạnh                                             | Giáp ranh xã Tài Văn                                                        | 450     |
| 24.7      | Đường huyện 27                               | Đường tỉnh 933                                                     | Cầu số 2                                                                    | 630     |
|           |                                              | Cầu số 2                                                           | Cầu qua sông Bào Biển                                                       | 500     |
| 24.8      | Đường huyện 29                               | Giáp ranh xã Trần Đề                                               | Giáp ranh xã Tài Văn                                                        | 450     |
| 24.9      | Đường Đoàn Thê Trung                         | Cầu Khoan Tang                                                     | Ngã ba giao Đường tỉnh 933C và Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C | 4.200   |
| 24.10     | Đường Đặng Quang Minh                        | Vòng xuyên Ngã ba giao Đường Đoàn Thê Trung                        | Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của          | 3.800   |
|           |                                              | Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                            | 3.800   |
| 24.11     | Đường Đặng Quang Minh nối dài                | Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Lương Định Của         | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                            | 3.300   |
| 24.12     | Các tuyến hẻm thuộc Đường Đặng Quang Minh    | Đường Đặng Quang Minh                                              | Giáp ranh Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2                                      | 1.800   |
|           |                                              | Đường nội ô khu chợ Đập còn lại                                    |                                                                             | 1.500   |
|           |                                              | Đường Đặng Quang Minh                                              | Suốt tuyến (Đà Lạt 3 cũ)                                                    | 500     |
|           |                                              | Hẻm cặp Trường Tiểu học Long Phú C                                 | Suốt hẻm                                                                    | 450     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                  | Đoạn đường                                                          |                                                  | Giá đất |
|-------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|       |                                                        | Từ                                                                  | Đến                                              | VT1     |
| 24.13 | Đường đal cấp Trường Trung học cơ sở thị trấn Long Phú | Đường Đặng Quang Minh                                               | Suốt tuyến                                       | 600     |
| 24.14 | Đường Lương Định Cửa                                   | Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Đặng Quang Minh nối dài | Ngã ba Đình Thần Năm Ông                         | 2.600   |
|       |                                                        | Ngã ba Đình Thần Năm Ông                                            | Cầu Tân Lập                                      | 4.620   |
| 24.15 | Các tuyến hẻm thuộc Đường Lương Định Cửa               | Hẻm cấp nhà lồng chợ Long Phú (Ấp 3)                                | Đường Lương Định Cửa (Đôi diện Đình Ông)         | 1.900   |
|       |                                                        | Các tuyến đường Khu Chăn nuôi (cũ)                                  |                                                  | 1.000   |
| 24.16 | Đường Nguyễn Trung Trực                                | Đường Đặng Quang Minh                                               | Cầu Ba Tre                                       | 1.500   |
|       |                                                        | Cầu Ba Tre                                                          | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ấp 2)          | 950     |
| 24.17 | Đường đal cấp Đình Nguyễn Trung Trực                   | Đường Đặng Quang Minh                                               | Suốt tuyến                                       | 500     |
| 24.18 | Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung               | Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung                                    | Khu tái định cư ấp Tân Lập                       | 1.150   |
|       |                                                        | Đường nội ô Chợ Tân Long (ấp 5)                                     | Suốt hẻm                                         | 2.000   |
| 24.19 | Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung               | Hẻm Trường Tiểu học Long Phú A                                      | Suốt hẻm                                         | 2.900   |
|       |                                                        | Hẻm Tiệm vàng Sơn                                                   | Suốt hẻm                                         | 2.900   |
| 24.20 | Đường đal cấp Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)  | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã tư)                           | Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ) | 500     |
|       |                                                        | Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)                    | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba)        | 400     |
| 24.21 | Đường xuống Bến phà (Ấp 1)                             | Đường cấp Ban chỉ huy quân sự huyện Long Phú (cũ)                   | Sông Hậu                                         | 700     |
| 24.22 | Đường đal cấp sông Băng Long (Ấp 4)                    | Cầu Băng Long (Đường Đoàn Thế Trung)                                | Cầu Tân Lập                                      | 2.900   |
|       |                                                        | Cầu Tân Lập                                                         | Cầu Khoan Tang                                   | 1.500   |
| 24.23 | Đường đal cấp sông Băng Long (Ấp 5)                    | Cầu Băng Long (Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C)        | Cầu qua Chùa Hải Long Phước                      | 1.150   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                        | Đoạn đường                                                 |                                       | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------|
|           |                                              | Từ                                                         | Đến                                   | VT1     |
| 24.24     | Đường đal Ấp 5 (Đường vào Nhà máy Mậu Xương) | Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C               | Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)   | 450     |
| 24.25     | Đường cặp Chùa Túc - Pray                    | Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C               | Hết ranh đất Chùa Túc - Pray          | 950     |
|           |                                              | Giáp ranh đất Chùa Túc - Pray                              | Ngã ba Lò Rèn                         | 450     |
| 24.26     | Đường đal vào Ấp Khoan Tang                  | Cầu Khoan Tang                                             | Hết ranh đất Nhà ông Thạch Com        | 450     |
| 24.27     | Lộ Vành Đai Sóc Mới - Tân Lập                | Cách cầu Tân Lập về hướng Tây 200 mét và hướng Bắc 200 mét |                                       | 550     |
| 24.28     | Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2                 | Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 5 mét         |                                       | 2.385   |
|           |                                              | Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 3,5 mét       |                                       | 1.956   |
| 24.29     | Khu tái định cư Ấp Tân Lập                   | Các tuyến đường trong Khu tái định cư                      |                                       | 1.956   |
| 24.30     | Đường đal vào khu Tà Lòi                     | Đường tỉnh 933                                             | Đường huyện 27                        | 400     |
| 24.31     | Đường đal Xả Chỉ                             | Đường tỉnh 933C                                            | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)      | 400     |
| 24.32     | Đường cặp UBND xã Long Phú (cũ)              | Đường tỉnh 933C                                            | Cầu qua Kênh Bà Xắm                   | 450     |
| <b>25</b> | <b>Xã Nhơn Mỹ</b>                            |                                                            |                                       |         |
| 25.1      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)             | Giáp ranh xã Thới An Hội                                   | Cầu Mương Khai 2                      | 1.400   |
|           |                                              | Cầu Mương Khai 2                                           | Cầu Rạch Mọt                          | 1.680   |
|           |                                              | Cầu Rạch Mọt                                               | Đập Lớn                               | 1.200   |
|           |                                              | Đập Lớn                                                    | Giáp ranh xã Đại Ngãi                 | 1.400   |
| 25.2      | Đường huyện 5B                               | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                           | Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Thới An Hội) | 1.100   |
| 25.3      | Đường huyện 6                                | Giáp ranh xã Kế Sách                                       | Giáp ranh xã Trường Khánh             | 700     |
| 25.4      | Đường huyện 6 (Tuyến tránh khắc phục sạt lở) | Cầu Ba Miếu                                                | Bến phà Năm Liêm                      | 700     |
| 25.5      | Đường huyện 20 (Lộ Khu 4)                    | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                           | Cầu Trường Tiền                       | 550     |
|           |                                              | Cầu Trường Tiền                                            | Giáp ranh xã Đại Ngãi                 | 400     |
| 25.6      | Đường xuống Bến phà                          | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                           | Bến phà mới                           | 1.050   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                 | Đoạn đường                                     |                                                          | Giá đất |
|-------|---------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|       |                                       | Từ                                             | Đến                                                      | VT1     |
| 25.7  | Đường đal Cầu Trắng                   | Giáp ranh xã Thới An Hội                       | Cầu An Phú Đông                                          | 450     |
| 25.8  | Đường đal                             | Cầu An Phú Đông                                | Cầu Kênh Tắc                                             | 400     |
|       |                                       | Cầu An Mỹ                                      | Giáp đường đal Cầu Trắng                                 | 400     |
|       |                                       | Cầu An Phú Đông                                | Cầu Mương Khai 2 (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu)) | 350     |
|       |                                       | Cầu số 4                                       | Cổng Năm Khù (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))     | 350     |
|       |                                       | Cầu số 6                                       | Cầu Trâm Bầu (giáp Đường huyện 5B)                       | 350     |
|       |                                       | Ngã tư Quốc lộ 91B (Ấp Mỹ Huê)                 | Cổng Âu Rạch Mộp                                         | 950     |
|       |                                       | Giáp ranh xã Kế Sách (Bờ Sông Quán)            | Cổng Thầy Ba                                             | 490     |
|       |                                       | Giáp ranh xã Kế Sách                           | Cầu Hai Lép                                              | 490     |
| 25.9  | Trục Đường giữa cồn Mỹ Phước          | Cầu Khém                                       | Đầu Cồn                                                  | 350     |
| 25.10 | Đường đal An Nghiệp                   | Giáp ranh xã Kế Sách                           | Cầu Sáu Hái                                              | 350     |
| 25.11 | Đường đal Phụng An - An Nghiệp        | Cầu Bảy Phương                                 | Đường huyện 6 (Cầu Ba Miếu)                              | 350     |
| 25.12 | Tuyến Đường khu vực Trung tâm xã      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)               | Vàm Song Phụng                                           | 450     |
| 25.13 | Đường đal Rạch Bần                    | Cầu Rạch Bần                                   | Giáp ranh xã Đại Ngãi                                    | 350     |
| 25.14 | Đường đal Năm Nhất                    | Đường huyện 20                                 | Đường đal Rạch Bần                                       | 350     |
| 25.15 | Đường đal Kênh Xáng                   | Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy                       | Đập Lớn                                                  | 600     |
| 25.16 | Đường đal vào Cổng Âu Rạch Mộp        | Đường huyện 20 (Nhà bà Nguyễn Thị Nga)         | Cổng Âu Rạch Mộp                                         | 550     |
| 25.17 | Đường khu vực Trung tâm xã An Mỹ (cũ) | Ranh đất Trụ sở Công an xã                     | Cầu Đình                                                 | 500     |
| 25.18 | Đường đal còn lại                     | Cầu Trường Tiền                                | Bến đò An Mỹ                                             | 350     |
| 25.19 | Khu tái định cư                       | Quỹ đất tái định cư (04 tuyến đal khu vực chợ) |                                                          | 1.680   |
| 25.20 | Đường đal Chợ Nhơn Mỹ                 | Ngã tư xuống Bến phà                           | Chợ Nhơn Mỹ                                              | 980     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính            | Đoạn đường                                  |                                          | Giá đất |
|-------|----------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|---------|
|       |                                  | Từ                                          | Đến                                      | VT1     |
| 26    | Xã An Lạc Thôn                   |                                             |                                          |         |
| 26.1  | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)     | Cầu Mương Khai                           | 4.500   |
|       |                                  | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)     | Hết đất Trường cấp 2 - 3 (cũ)            | 4.500   |
|       |                                  | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)     | Hết ranh đất Mai Văn Dũng                | 4.500   |
|       |                                  | Cầu Mương Khai                              | Cầu Cái Cau                              | 1.800   |
|       |                                  | Cầu Cái Cau                                 | Cầu Cái Trâm                             | 1.500   |
|       |                                  | Cầu Cái Trâm                                | Cầu Phên Đen (Giáp ranh xã Thới An Hội)  | 1.500   |
| 26.2  | Đường huyện 1                    | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)            | Sông Hậu                                 | 1.800   |
| 26.3  | Đường huyện 3                    | Cầu Lộ Đá                                   | Cầu Lầu Bà                               | 1.500   |
| 26.4  | Đường huyện 3                    | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)            | Kênh Lộ Đá                               | 1.100   |
| 26.5  | Đường huyện 4                    | Cầu Sóc Tổng (ranh xã Thới An Hội)          | Giáp ranh xã Ba Trinh                    | 800     |
| 26.6  | Đường tỉnh 932                   | Giáp ranh xã Thới An Hội (Sông Rạch Vọp)    | Giáp ranh Cầu Ấp Phên Đen xã An Lạc Thôn | 700     |
| 26.7  | Đường tỉnh 932B                  | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)     | Cống Rạch Bôi                            | 3.000   |
|       |                                  | Cống Rạch Bôi                               | Cầu Rạch Bần (Ranh xã Xuân Hòa cũ)       | 3.000   |
|       |                                  | Cầu Rạch Bần (Ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ) | Cầu Bờ Dọc                               | 1.100   |
|       |                                  | Cầu Bờ Dọc                                  | Đập Chín La                              | 850     |
|       |                                  | Đập Chín La                                 | Giáp ranh xã Đại Hải                     | 700     |
| 26.8  | Tuyến tránh Đường tỉnh 932B      | Rạch Bần                                    | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | 1.500   |
| 26.9  | Đường chợ chính                  | Đầu ranh đất Hoàng Ba                       | Hết ranh đất ông Lê Trọng Lập            | 5.000   |
|       |                                  | Giáp ranh đất ông Lê Trọng Lập              | Sông Hậu                                 | 3.200   |
|       |                                  | Đầu ranh đất ông Dư (Nước Đá)               | Hết ranh đất Chùa Bà                     | 3.200   |
|       |                                  | Đầu ranh đất ông Sành                       | Hết ranh đất ông Tư Minh                 | 3.200   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                          | Đoạn đường                                   |                                         | Giá đất |
|-------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|       |                                                | Từ                                           | Đến                                     | VT1     |
| 26.9  | Đường chợ chính                                | Đầu ranh đất Tiệm vàng Hồng Nguyên           | Cầu ông Lý Ó                            | 3.000   |
|       |                                                | Cầu ông Lý Ó                                 | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | 4.800   |
|       |                                                | Đầu ranh đất bà Bảy Lành (Giáp ranh Chùa Bà) | Cầu Kênh Đào                            | 1.800   |
| 26.10 | Đường Khu Hành Chính                           | Đường tỉnh 932B                              | Rạch Mương Khai                         | 1.800   |
| 26.11 | Đường bờ sông                                  | Đầu ranh đất Nguyễn Văn Lượng                | Ngã ba Tám Khải                         | 1.300   |
|       |                                                | Đầu ranh đất bà Nguyễn Ngọc Thảo             | Sông Cái Côn                            | 1.500   |
| 26.12 | Đường vô phân viện                             | Đầu ranh đất ông Quốc Lương                  | Hết ranh đất Mười Kết                   | 1.800   |
| 26.13 | Đường đal Trường Tiểu học                      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)             | Đường Khu Hành Chính                    | 1.800   |
| 26.14 | Đường đal Trường Trung học                     | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)             | Đường Khu Hành Chính                    | 1.300   |
| 26.15 | Đường Dân Sinh Hàng Cầu ấp An Ninh             | Giáp ranh Xưởng tôn Hồng Cúc                 | Sông Hậu                                | 1.400   |
| 26.16 | Khu tái định cư An Lạc Thôn                    | Đường D4 (Đường trục chính)                  |                                         | 1.780   |
|       |                                                | Đường D3; Đường N1; Đường N2 (Đường nội bộ)  |                                         | 1.450   |
| 26.17 | Đường huyện 1 đến Nghĩa trang liệt sĩ          | Suốt tuyến                                   |                                         | 350     |
| 26.18 | Đường mới về UBND xã Trinh Phú (cũ)            | Đường tỉnh 932                               | UBND xã Trinh Phú (cũ)                  | 720     |
| 26.19 | Đường đal mở rộng                              | Cầu Hai Nam                                  | Cầu Thanh Niên Ấp 1                     | 350     |
|       |                                                | Cầu Ba Chợ                                   | Giáp ranh xã Đại Hải                    | 350     |
| 26.20 | Đường Thanh Tâm - Tha La (Ấp 1)                | Cầu số 1                                     | Cầu Tha La                              | 350     |
| 26.21 | Đường Cái Cau bờ Bắc                           | Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn (cũ)          | Hết ranh Chùa Thiên Phước               | 350     |
| 26.22 | Đường vào Khu căn cứ Huyện ủy (xã Xuân Hòa cũ) | Đường tỉnh 932B                              | Giáp ranh xã Đại Hải                    | 400     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                        | Đoạn đường                           |                                     | Giá đất |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|           |                                                                              | Từ                                   | Đến                                 | VT1     |
| 26.23     | Đường xã Nông Thôn Mới xã Xuân Hòa (cũ) nối Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | Đường tỉnh 932B                      | Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ   | 600     |
| 26.24     | Đường Cầu Lộ Đất                                                             | Cầu Lộ Đất                           | Đường huyện 3                       | 350     |
| <b>27</b> | <b>Xã Kế Sách</b>                                                            |                                      |                                     |         |
| 27.1      | Đường tỉnh 932                                                               | Đường Phan Văn Hùng                  | Hết ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách | 2.800   |
|           |                                                                              | Giáp ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách | Cầu Na Tung                         | 1.800   |
| 27.2      | Đường tỉnh 932 (Đường Vòng cung cũ)                                          | Trường Tiểu học Kế Sách 1            | Cầu Trắng                           | 2.100   |
| 27.3      | Đường tỉnh 932C (Đường huyện 2 cũ)                                           | Cầu Bưng Tiết                        | Cầu Kế Thành                        | 720     |
| 27.4      | Đường tỉnh 932C                                                              | Cầu Kế Thành                         | Cầu số 1                            | 720     |
| 27.5      | Đường huyện 7 (Ấp An Phú)                                                    | Đường tỉnh 932                       | Đường Vành Đai                      | 1.200   |
| 27.6      | Đường 30 Tháng 4                                                             | Đầu ranh đất Nhà Thầy Lén            | Cầu sắt Kế Sách                     | 8.200   |
| 27.7      | Đường Ung Công Uẩn                                                           | Đầu cầu An Mỹ                        | Ngã tư Ung Công Uẩn                 | 5.300   |
|           |                                                                              | Ngã Tư Ung Công Uẩn                  | Đường Cách Mạng Tháng Tám           | 4.800   |
|           |                                                                              | Cầu An Mỹ                            | Ngã ba Bến đò                       | 6.300   |
|           |                                                                              | Ngã ba Bến đò                        | Cổng Mười Mốt                       | 5.000   |
|           |                                                                              | Cổng Mười Mốt                        | Sông Quán (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)    | 3.000   |
| 27.8      | Đường Phan Văn Hùng                                                          | Đường tỉnh 932                       | Cầu sắt Kế Sách                     | 5.800   |
|           |                                                                              | Cầu sắt Kế Sách                      | Hết ranh đất Trường Mẫu giáo        | 4.700   |
|           |                                                                              | Giáp ranh đất Trường Mẫu giáo        | Cầu Trắng                           | 3.200   |
| 27.9      | Đường Cách Mạng Tháng Tám                                                    | Đường tỉnh 932                       | Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)          | 2.000   |
| 27.10     | Đường 3 Tháng 2                                                              | Suốt tuyến                           |                                     | 5.000   |
| 27.11     | Đường Bạch Đằng                                                              | Suốt tuyến                           |                                     | 3.000   |
| 27.12     | Đường Nguyễn Văn Thor                                                        | Suốt tuyến                           |                                     | 6.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                             | Đoạn đường                                |                           | Giá đất |
|-------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------|---------|
|       |                                                                   | Từ                                        | Đến                       | VT1     |
| 27.13 | Đường Lê Văn Lợi                                                  | Đường 30 Tháng 4                          | Đường Phan Văn Hùng       | 3.000   |
| 27.14 | Đường Nguyễn Trung Tĩnh                                           | Đường 30 Tháng 4                          | Đường Lê Văn Lợi          | 1.600   |
| 27.15 | Đường Thiều Văn Chỏi                                              | Đường Phan Văn Hùng                       | Cổng 575                  | 3.000   |
| 27.16 | Đường Lê Lợi                                                      | Cầu Sắt                                   | Đường Phan Văn Hùng       | 2.000   |
|       |                                                                   | Cầu Sắt                                   | Kênh 8 mét                | 1.500   |
| 27.17 | Đường Nguyễn Hoàng Huy                                            | Cầu Suối Tiên                             | Bến đò cũ                 | 3.000   |
| 27.18 | Đường đal đi Kế Thành                                             | Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nội)                | Cầu Bưng Tiết (Kế Thành)  | 1.500   |
| 27.19 | Đường xuống Bến đò cũ                                             | Bến đò                                    | Đường huyện 6             | 3.000   |
| 27.20 | Đường đal Khu tái định cư Phương Nam (Đường vô Trụ sở Công an cũ) | Đường Ung Công Uẩn                        | Đường Thiều Văn Chỏi      | 1.500   |
| 27.21 | Đường Lê Văn Tám (Ấp An Thành)                                    | Đường Phan Văn Hùng                       | Đường Cách Mạng Tháng Tám | 2.800   |
| 27.22 | Đường đal An Ninh 2 (Dọc Sông số 1)                               | Bến đò                                    | Cổng Trạm Xăng dầu        | 1.300   |
| 27.23 | Đường Đầu Nối vào Trung tâm Thương mại                            | Đường Nguyễn Hoàng Huy                    | Giáp Trung tâm Thương mại | 1.500   |
|       |                                                                   | Giáp Trung tâm Thương mại                 | Rạch An Nghiệp            | 1.500   |
| 27.24 | Đường đal Khu tái định cư Trung tâm thương mại ấp An Ninh 2       | Suốt tuyến                                |                           | 1.500   |
| 27.25 | Hẻm 1 (Vũ Hùng - 6 Gầm)                                           | Đường Bạch Đằng                           | Đường 30 Tháng 4          | 2.700   |
| 27.26 | Hẻm 2 (Nhà Châu Văn Lâm)                                          | Đường Bạch Đằng                           | Đường 30 Tháng 4          | 1.500   |
| 27.27 | Hẻm 3 (Bà Giàu)                                                   | Giáp ranh nhà bà Giàu                     | Hết đất ông Hà Ngọc Em    | 1.500   |
| 27.28 | Hẻm 4 (Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị)                             | Suốt tuyến                                |                           | 2.700   |
| 27.29 | Đường trong Khu dân cư - Thương mại                               | Khu A, K1, K2, I1, I2, G1, G2, E1, F1, F2 |                           | 3.800   |
|       |                                                                   | Khu H1, H2, E2                            |                           | 3.500   |
|       |                                                                   | Khu B, C, D                               |                           | 3.000   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                 | Đoạn đường                              |                                         | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                                       | Từ                                      | Đến                                     | VT1     |
| 27.30     | Đường N11 (ấp An Khương)              | Đường tỉnh 932 (Đường vòng cung cũ)     | Cầu Bưng Túc                            | 1.000   |
| <b>28</b> | <b>Xã Thới An Hội</b>                 |                                         |                                         |         |
| 28.1      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)      | Cầu Trà Ếch (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)      | Cổng Hai Liềm                           | 1.500   |
|           |                                       | Cổng Hai Liềm                           | Cầu Rạch Vọp                            | 2.600   |
|           |                                       | Cầu Rạch Vọp                            | Cầu Phèn Đen (Giáp ranh xã An Lạc Thôn) | 1.400   |
| 28.2      | Đường tỉnh 932                        | Trụ sở Đảng ủy xã                       | Cầu Ninh Thới                           | 2.800   |
|           |                                       | Cầu Ninh Thới                           | Cầu Hai Vọng                            | 1.400   |
|           |                                       | Cầu Hai Vọng                            | Cầu Chùa PôThiThLâng                    | 1.000   |
|           |                                       | Cầu Chùa PôThiThLâng                    | Cầu Trắng                               | 1.300   |
| 28.3      | Đường Phan Văn Hùng                   | Cầu Trắng                               | Giáp ranh xã Kế Sách                    | 2.100   |
| 28.4      | Đường huyện 5B                        | Cầu Chùa PôThiThLâng                    | Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)       | 1.000   |
| 28.5      | Đường huyện 4                         | Cầu Sóc Tổng (Giáp ranh xã An Lạc Thôn) | Cầu Xóm Đồng                            | 1.800   |
|           |                                       | Cầu Xóm Đồng                            | Cổng 8 Chanh                            | 2.400   |
|           |                                       | Cổng 8 Chanh                            | Hết ranh trụ sở Đảng ủy xã              | 2.800   |
|           |                                       | Cầu Ninh Thới                           | Cầu Thị Hồ                              | 900     |
|           |                                       | Cầu Thị Hồ                              | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | 870     |
|           |                                       | Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | Hết ranh Trụ sở UBND xã                 | 1.800   |
| 28.6      | Đường về cầu đi Trinh Phú (tuyến mới) | Đường huyện 4                           | Cầu Thới An Hội - Trinh Phú             | 1.700   |
| 28.7      | Đường vòng cung Trường Mậu giáo       | Đường tỉnh 932                          | Đường huyện 4                           | 1.800   |
| 28.8      | Khu vực Chợ cũ                        | Cầu qua Chợ cũ                          | Nhà thờ Tin Lành                        | 700     |
| 28.9      | Đường đal Cầu Trắng                   | Cầu Trắng                               | Giáp ranh xã Nhơn Mỹ                    | 700     |
| 28.10     | Chợ Cầu Lộ                            | Các đường nội bộ trong Chợ              |                                         | 2.400   |
| 28.11     | Chợ An Lạc Tây                        | Các đường nội bộ trong Chợ              |                                         | 1.300   |
| <b>29</b> | <b>Xã Đại Hải</b>                     |                                         |                                         |         |
| 29.1      | Quốc lộ 1A                            | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                | Giáp ranh phường Ngã Bảy                | 2.600   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính     | Đoạn đường                                                  |                                           | Giá đất |
|-------|---------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|       |                           | Từ                                                          | Đến                                       | VT1     |
| 29.2  | Đường tỉnh 932B (cũ)      | Quốc lộ 1A                                                  | Cổng Vũ Đảo                               | 1.800   |
|       |                           | Cổng Vũ Đảo                                                 | Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê                | 1.100   |
|       |                           | Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê                                  | Cầu Mang Cá 1                             | 1.350   |
|       |                           | Cầu Mang Cá 1                                               | Ngã ba giao Đường tỉnh 932B               | 800     |
|       |                           | Ngã ba giao Đường tỉnh 932B                                 | Giáp ranh xã An Lạc Thôn                  | 800     |
| 29.3  | Đường tỉnh 932B           | Quốc lộ 1A                                                  | Kênh thủy lợi (Cổng Vũ Đảo)               | 945     |
|       |                           | Kênh thủy lợi (Cổng Vũ Đảo)                                 | Giáp Đường dẫn cầu Mang cá 1 và Mang cá 2 | 820     |
|       |                           | Đường tỉnh 932B (cũ)                                        | Đường tỉnh 932C                           | 750     |
|       |                           | Đường tỉnh 932C                                             | Ngã ba giao Đường tỉnh 932B (cũ)          | 820     |
| 29.4  | Đường tỉnh 932C           | Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải                            | Cầu Số 1 (Giáp ranh xã Kế Sách)           | 700     |
| 29.5  | Đường huyện 3             | Đường tỉnh 932B                                             | Rạch Đường Độn (Giáp ranh xã An Lạc Thôn) | 400     |
| 29.6  | Đường huyện 4             | Đường tỉnh 932B                                             | Hết ranh Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát      | 600     |
|       |                           | Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát                                 | Hết ranh Trường Tiểu học Ba Trinh         | 820     |
|       |                           | Giáp ranh Trường Tiểu học Ba Trinh                          | Giáp ranh xã An Lạc Thôn                  | 700     |
| 29.7  | Khu vực Chợ Mang Cá       | Hết ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải                             | Hết ranh Chùa Thánh Tịnh Phụng Thiên      | 1.300   |
|       |                           | Khu vực nhà lồng Chợ Mang Cá                                |                                           | 1.100   |
| 29.8  | Đường Mang Cá - Đại Thành | Cầu Đen                                                     | Giáp ranh phường Ngã Bảy                  | 1.000   |
| 29.9  | Đường Kênh Lầu            | Cầu Mang Cá 1                                               | Hết ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)        | 850     |
|       |                           | Ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)                              | Quốc lộ 1A                                | 1.300   |
| 29.10 | Đường cặp Kênh Nam Hải    | Quốc lộ 1A                                                  | Hết lộ đạl hiện hữu                       | 400     |
|       |                           | Quốc lộ 1A (Ranh Nhà thờ Đại Hải) hướng qua Nhà thờ Tân Hải | Hết lộ đạl hiện hữu                       | 450     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                  | Đoạn đường                                                             |                                                                      | Giá đất |
|-----------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                        | Từ                                                                     | Đến                                                                  | VT1     |
| 29.11     | Đường cấp Kênh 25 (Vnsat)                                              | Trạm bơm Mang Cá                                                       | Quốc lộ 1A                                                           | 350     |
| 29.12     | Tuyến Đường Tập đoàn 2 ấp Đông Hải (Phía bên sông đối diện Quốc lộ 1A) | Cổng Tiếp Nhứt (Ấp Ba Rinh)                                            | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                                             | 400     |
| 29.13     | Khu Trung tâm Đảng ủy xã Đại Hải                                       | Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Đại Hải                                    | Cầu Mạnh Chi                                                         | 550     |
|           |                                                                        | Cầu Mạnh Chi                                                           | Giáp ranh xã An Lạc Thôn                                             | 450     |
|           |                                                                        | Đường huyện 4                                                          | Hết ranh Đài tưởng niệm                                              | 500     |
| 29.14     | Đường Đảng Ủy - Đường huyện 4 (Lầu Bà)                                 | Hết đất Dương Phúc Mãi                                                 | Cầu Lầu Bà 2 (Đường huyện 3)                                         | 400     |
| 29.15     | Khu tái định cư Quốc lộ 1A, giai đoạn 1, 2                             | Suốt tuyến                                                             |                                                                      | 1.300   |
| <b>30</b> | <b>Xã Phú Tâm</b>                                                      |                                                                        |                                                                      |         |
| 30.1      | Quốc lộ 1A                                                             | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                                               | Hết ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Hết thửa số 669, tờ bản đồ số 8) | 2.500   |
|           |                                                                        | Giáp ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Giáp thửa số 669, tờ bản đồ số 8) | Hết ranh đất UBND thị trấn (cũ)                                      | 4.500   |
|           |                                                                        | Giáp ranh đất UBND thị trấn (cũ)                                       | Giáp ranh xã Thuận Hòa                                               | 2.800   |
| 30.2      | Đường tỉnh 932                                                         | Cầu Phú Tâm                                                            | Hết ranh đất Trạm Y tế                                               | 3.000   |
|           |                                                                        | Giáp ranh đất Trạm Y tế                                                | Kênh Ống Bọng                                                        | 1.600   |
|           |                                                                        | Kênh Ống Bọng                                                          | Giáp ranh xã Kế Sách                                                 | 1.100   |
| 30.3      | Đường tỉnh 932D                                                        | Đường tỉnh 939B                                                        | Giáp ranh xã Thuận Hòa                                               | 500     |
| 30.4      | Đường tỉnh 939B                                                        | Giáp ranh xã Thuận Hòa                                                 | Hết ranh đất Cây xăng Quang Minh                                     | 1.300   |
|           |                                                                        | Giáp ranh đất Cây xăng Quang Minh                                      | Cầu Chợ Thuận Hòa                                                    | 1.600   |
| 30.5      | Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)                                       | Quốc lộ 1A                                                             | Đường vào Khu tái định cư Xây Đá                                     | 4.000   |
|           |                                                                        | Đường vào Khu tái định cư Xây Đá                                       | Đường Trần Hưng Đạo                                                  | 2.300   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính              | Đoạn đường                                                 |                                   | Giá đất |
|-------|------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|       |                                    | Từ                                                         | Đến                               | VT1     |
| 30.6  | Đường tỉnh 939B                    | Đường Trần Hưng Đạo                                        | Cầu 30 Tháng 4                    | 900     |
|       |                                    | Cầu 30 Tháng 4                                             | Cầu Bảy Quýt                      | 600     |
| 30.7  | Đường Hùng Vương                   | Quốc lộ 1A                                                 | Đường Phạm Ngũ Lão                | 4.600   |
|       |                                    | Đường Phạm Ngũ Lão                                         | Đường Trần Hưng Đạo               | 4.000   |
| 30.8  | Đường Trần Hưng Đạo                | Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)                           | Đường Hùng Vương                  | 2.500   |
| 30.9  | Đường Lý Thường Kiệt               | Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)                           | Đường Hùng Vương                  | 1.300   |
| 30.10 | Đường Bạch Đằng                    | Đường Hùng Vương                                           | Giáp ranh xã Thuận Hòa            | 570     |
| 30.11 | Đường Ngô Quyền                    | Đường tỉnh 939B                                            | Cổng Ông Minh                     | 1.100   |
|       |                                    | Cổng Ông Minh                                              | Giáp ranh xã Thuận Hòa            | 750     |
| 30.12 | Đường huyện 93                     | Cổng Thuận Hòa                                             | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien          | 550     |
| 30.13 | Đường huyện 94                     | Đường tỉnh 932                                             | Cầu Kênh 79                       | 800     |
|       |                                    | Cầu Kênh 79                                                | Cầu Bảy Quýt                      | 600     |
| 30.14 | Đường huyện 97                     | Đường huyện 94                                             | Giáp ranh xã Thuận Hòa            | 500     |
| 30.15 | Đường A4 (Đường vào UBND thị trấn) | Đường Hùng Vương                                           | Hết ranh đất Trụ sở UBND thị trấn | 1.300   |
| 30.16 | Đường Miếu Quan Đế                 | Giáp ranh đất Miếu Quan Đế                                 | Kênh Lương Sơn Bá                 | 400     |
|       |                                    | Kênh Lương Sơn Bá                                          | Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh | 400     |
| 30.17 | Đường Giồng Cát đi Mỏ Neo          | Cầu Giồng Cát                                              | Mỏ Neo (Giáp ranh xã Đại Hải)     | 420     |
| 30.18 | Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh  | Đường tỉnh 932                                             | Kênh Lương Sơn Bá                 | 800     |
|       |                                    | Kênh Lương Sơn Bá                                          | Giáp ranh xã Trường Khánh         | 500     |
| 30.19 | Chợ Thuận Hòa                      | Đường hai bên nhà lồng Chợ                                 |                                   | 7.000   |
|       |                                    | Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ                         |                                   | 6.000   |
| 30.20 | Chợ Phú Tâm                        | Đường hai bên nhà lồng Chợ                                 |                                   | 4.300   |
|       |                                    | Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ                         |                                   | 1.000   |
| 30.21 | Khu tái định cư Xây Đá             | Khu tái định cư Xây Đá đã đầu tư cơ sở hạ tầng             |                                   | 1.600   |
|       |                                    | Vị trí tiếp giáp Khu tái định cư chưa đầu tư cơ sở hạ tầng |                                   | 1.100   |
| 30.22 | Khu tái định cư Quốc lộ 1A         | Các đường khác trong Khu tái định cư                       |                                   | 2.300   |
|       |                                    | Các vị trí tiếp giáp Khu tái định cư                       |                                   | 1.700   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                         | Đoạn đường                                                         |                                                                   | Giá đất |
|-----------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                               | Từ                                                                 | Đến                                                               | VT1     |
| <b>31</b> | <b>Xã An Ninh</b>                             |                                                                    |                                                                   |         |
| 31.1      | Quốc lộ 1A                                    | Giáp ranh xã Thuận Hòa                                             | Hết ranh đất Cây xăng Mỹ Trân                                     | 3.500   |
|           |                                               | Giáp ranh đất Cây xăng Mỹ Trân                                     | Hết công (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)                                   | 4.680   |
|           |                                               | Giáp công (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)                                   | Giáp ranh phường Sóc Trăng                                        | 5.700   |
| 31.2      | Tuyến tránh Quốc lộ 60                        | Cầu Kênh 30 Tháng 4                                                | Giáp ranh xã Thuận Hòa                                            | 4.500   |
| 31.3      | Đường tỉnh 938                                | Giáp ranh phường Sóc Trăng                                         | Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)                     | 850     |
|           |                                               | Đường tỉnh 932 (Đường đi Chông Nô cũ)                              | Hết ranh đất Trường tiểu học An Ninh D                            | 1.000   |
|           |                                               | Giáp ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D                            | Đường tỉnh 939                                                    | 800     |
| 31.4      | Đường tỉnh 939                                | Đường tỉnh 938 (Cầu Trắng)                                         | Hết ranh đất Nhà máy Ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04) | 1.300   |
|           |                                               | Giáp ranh đất Nhà máy ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04) | Giáp ranh xã Mỹ Hương                                             | 600     |
| 31.5      | Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ) | Đường tỉnh 938                                                     | Cầu Kênh 76                                                       | 400     |
|           |                                               | Cầu Kênh 76                                                        | Đường huyện 90                                                    | 350     |
|           |                                               | Đường huyện 90                                                     | Cầu Bung Tróp A                                                   | 800     |
|           |                                               | Cầu Bung Tróp A                                                    | Hết đất Chùa Peng Som Rath                                        | 600     |
|           |                                               | Chùa Peng Som Rath                                                 | Cầu An Trạch                                                      | 1.300   |
|           |                                               | Cầu An Trạch                                                       | Quốc lộ 1A                                                        | 1.700   |
| 31.6      | Đường tỉnh 932                                | Quốc lộ 1A                                                         | Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A                               | 2.000   |
|           |                                               | Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A                                | Giáp ranh xã Thuận Hòa                                            | 1.600   |
| 31.7      | Đường huyện 90 (Đi Sóc Vồ)                    | Đường Sóc Vồ                                                       | Kênh 26 Tháng 3                                                   | 800     |
|           |                                               | Kênh 26 Tháng 3                                                    | Kênh 77                                                           | 650     |
|           |                                               | Kênh 77                                                            | Đường tỉnh 932 nối dài                                            | 650     |
| 31.8      | Đường huyện 93                                | Đường Sóc Vồ                                                       | Đường tỉnh 932 nối dài                                            | 500     |
|           |                                               | Đường tỉnh 932 nối dài                                             | Giáp ranh xã Thuận Hòa                                            | 500     |
| 31.9      | Đường huyện 90 (Đi xã Hồ Đắc Kien)            | Đường tỉnh 932 nối dài                                             | Cầu An Hiệp B                                                     | 500     |
|           |                                               | Cầu An Hiệp B                                                      | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                                          | 400     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                           | Đoạn đường                                               |                                                           | Giá đất |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                 | Từ                                                       | Đến                                                       | VT1     |
| 31.10     | Đường Sóc Vồ                                                    | Quốc lộ 1A                                               | Cầu Sóc Vồ                                                | 560     |
|           |                                                                 | Cầu Sóc Vồ                                               | Đường tỉnh 938                                            | 450     |
| 31.11     | Hẻm Ấp Châu Thành                                               | Các Hẻm xóm 1, 2, 3, 4 thuộc Ấp Châu Thành               |                                                           | 400     |
| 31.12     | Chợ An Trạch                                                    | Hai bên và dãy dưới nhà lồng chợ                         |                                                           | 1.800   |
| 31.13     | Khu tái định cư                                                 | Cả khu                                                   |                                                           | 750     |
| 31.14     | Đường vào Khu tái định cư                                       | Suốt tuyến                                               |                                                           | 850     |
| 31.15     | Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp qua Khu tái định cư           | Suốt tuyến                                               |                                                           | 750     |
| 31.16     | Hẻm Chợ Bó Thảo                                                 | Đầu ranh đất bà Lếng (Thửa đất số 1176, tờ bản đồ số 06) | Hết ranh đất bà Nguyên (Thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 6) | 1.400   |
|           |                                                                 | Đầu ranh đất bà Dân (Thửa đất số 1178, tờ bản đồ số 6)   | Hết ranh đất ông Xe (Thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 6)    | 1.300   |
| 31.17     | Các hẻm trung tâm xã An Ninh cũ (ấp Châu Thành, xã An Ninh mới) | Các hẻm thuộc ấp Châu Thành                              |                                                           | 600     |
|           |                                                                 | Hai bên nhà lồng Chợ cũ (Chợ Bó Thảo)                    |                                                           | 1.140   |
|           |                                                                 | Đường vào Sân bóng cũ                                    |                                                           | 400     |
| <b>32</b> | <b>Xã Thuận Hòa</b>                                             |                                                          |                                                           |         |
| 32.1      | Quốc lộ 1A                                                      | Giáp ranh xã An Ninh                                     | Giáp ranh xã Phú Tâm                                      | 1.400   |
| 32.2      | Quốc lộ 60                                                      | Giáp ranh xã An Ninh                                     | Giáp ranh phường Sóc Trăng                                | 4.333   |
| 32.3      | Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)                                 | Giáp ranh xã Phú Tâm                                     | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                                  | 800     |
| 32.4      | Đường tỉnh 932                                                  | Giáp ranh xã An Ninh                                     | Hết ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A                    | 1.000   |
|           |                                                                 | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A                  | Hết ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm                             | 1.400   |
|           |                                                                 | Giáp ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm                           | Giáp ranh xã Phú Tâm                                      | 2.300   |
| 32.5      | Đường huyện 90                                                  | Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)                          | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                                  | 350     |
| 32.6      | Tuyến Đê Bao Thuận Hòa (Đường huyện 93)                         | Giáp ranh xã Phú Tâm                                     | Hết ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)                           | 500     |
|           |                                                                 | Giáp ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)                         | Giáp ranh xã An Ninh                                      | 450     |
| 32.7      | Đường huyện 95                                                  | Cầu Ông Cường                                            | Giáp ranh xã Phú Tâm                                      | 500     |
| 32.8      | Đường huyện 96                                                  | Đường đal Kênh 30 Tháng 4                                | Giáp ranh xã Trường Khánh                                 | 500     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                    | Đoạn đường                      |                                               | Giá đất |
|-----------|------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                                          | Từ                              | Đến                                           | VT1     |
| 32.9      | Đường huyện 97                           | Quốc lộ 1A                      | Kênh Hai Sum                                  | 800     |
|           |                                          | Kênh Hai Sum                    | Giáp ranh xã Phú Tâm                          | 700     |
| 32.10     | Đường vào Trại Giồng                     | Quốc lộ 1A                      | Trại thực nghiệm giống vật nuôi               | 450     |
| 32.11     | Đường bao quanh Đảng ủy xã Thuận Hòa     | Đường huyện 97                  | Hết đất Trường Tiểu học Thuận Hòa B           | 500     |
|           |                                          | Suốt tuyến                      |                                               | 450     |
|           |                                          | Đường huyện 97                  | Hết đất Trạm Y tế xã Thuận Hòa                | 450     |
| 32.12     | Đường vào UBND xã Thuận Hòa              | Đường tỉnh 932                  | Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Thuận Hòa         | 530     |
| 32.13     | Đường vào Khu du lịch văn hoá Giếng Tiên | Đường tỉnh 932                  | Cổng vào Khu du lịch văn hóa Giếng Tiên       | 700     |
| 32.14     | Đường đal Sa Bâu                         | Đường huyện 93                  | Đường đal Kênh Ông Ưống                       | 350     |
| 32.15     | Đường đal Kênh 6 A1                      | Quốc lộ 1A                      | Rạch Hàng Bần                                 | 350     |
| 32.16     | Đường đal Kênh Ông Ưống                  | Đường huyện 93                  | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                      | 350     |
| 32.17     | Đường đal Tư Lung - Bảy Trang            | Đường huyện 93                  | Giáp ranh xã An Ninh                          | 350     |
| 32.18     | Đường đal Kênh Cống 1                    | Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14) | Đường đal Kênh Ông Ưống                       | 350     |
| 32.19     | Đường đal Rạch Trà Canh Ruộng            | Đường đal Kênh 85, Ấp Trà Canh  | Đường đal Tư Lung - Bảy Trang                 | 350     |
| 32.20     | Đường đal Kênh 30 Tháng 4                | Hết ranh đất ông Hoàng          | Cầu 30 Tháng 4                                | 550     |
|           |                                          | Cầu 30 Tháng 4                  | Giáp ranh phường Sóc Trăng                    | 400     |
| 32.21     | Đường đal                                | Đường tỉnh 932                  | Chùa Bốn Mặt                                  | 350     |
|           |                                          | Đường tỉnh 932                  | Đường đal 135                                 | 450     |
|           |                                          | Đường tỉnh 932                  | Đường vào Đình Phước Hưng                     | 450     |
|           |                                          | Giáp ranh đất ông Hoàng         | Cổng Chùa ChamPa                              | 490     |
|           |                                          | Cổng chùa ChamPa                | Hết ranh đất bà Hạnh                          | 550     |
| <b>33</b> | <b>Xã Hồ Đắc Kien</b>                    |                                 |                                               |         |
| 33.1      | Quốc lộ 1A                               | Giáp ranh xã Đại Hải            | Giáp ranh xã Phú Tâm                          | 1.900   |
| 33.2      | Đường huyện 92                           | Đường huyện 93                  | Cầu Kênh Cũ                                   | 650     |
|           |                                          | Cầu Kênh Cũ                     | Đường bê tông Phân Trường Phú Lợi             | 600     |
| 33.3      | Đường đal                                | Đường huyện 92                  | Cầu Kênh Gòn (Phía trước UBND xã Hồ Đắc Kien) | 1.200   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                          | Đoạn đường                              |                                                  | Giá đất |
|-------|------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|       |                                                | Từ                                      | Đến                                              | VT1     |
| 33.4  | Đường huyện 93                                 | Giáp ranh xã Đại Hải                    | Giáp ranh xã Phú Tâm                             | 450     |
| 33.5  | Tuyến Đường vào Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kien    | Đường huyện 93                          | Hết ranh đất Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kien         | 450     |
| 33.6  | Đường Kênh 12                                  | Cầu Hai Giỏi                            | Cầu Đắc Thắng (Cầu phía trước Trụ sở Đảng ủy xã) | 350     |
| 33.7  | Đường Kênh Sáu Lái                             | Đường huyện 93                          | Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới                    | 350     |
| 33.8  | Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)  | Cầu Kênh Gòn (Từ tâm 54) đi xã Mỹ Hương | Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng                     | 400     |
|       |                                                | Giáp ranh đất Trại Y tế xã Hồ Đắc Kien  | Giáp ranh xã Đại Hải                             | 400     |
|       |                                                | Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng            | Giáp ranh xã Mỹ Hương                            | 400     |
| 33.9  | Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh mới "Ba Rinh mới B" | Giáp ranh xã Đại Hải                    | Giáp ranh xã Mỹ Hương                            | 350     |
| 33.10 | Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh cũ                  | Giáp ranh xã Đại Hải                    | Đường Kênh 12 (Cầu Đắc Thắng)                    | 400     |
| 33.11 | Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh cũ                   | Giáp ranh xã Đại Hải                    | Kênh Tân Phước                                   | 400     |
| 33.12 | Đường Bờ bao Phân Trường                       | Giáp ranh xã Đại Hải                    | Giáp ranh xã Long Hưng                           | 400     |
| 33.13 | Đường tỉnh 939B                                | Giáp ranh xã Thuận Hòa                  | Cầu An Tập                                       | 2.500   |
|       |                                                | Cầu An Tập                              | Hết ranh đất Trụ sở VNPT                         | 2.300   |
|       |                                                | Giáp ranh đất Trụ sở VNPT               | Giáp ranh xã Mỹ Hương                            | 800     |
| 33.14 | Khu vực nhà lồng Chợ (Thiện Mỹ cũ)             | Đường hai bên nhà lồng chợ              |                                                  | 2.600   |
|       |                                                | Đường phía sau nhà lồng chợ             |                                                  | 2.300   |
| 33.15 | Đường huyện 90                                 | Đường tỉnh 939B                         | Giáp ranh xã An Ninh                             | 900     |
| 33.16 | Đường Mỹ Phú - Mỹ Tân                          | Cầu Năm Thơi                            | Giáp ranh xã Long Hưng                           | 400     |
| 33.17 | Đường Điện Huyện B                             | Đường huyện 90                          | Giáp ranh xã An Ninh                             | 400     |
| 33.18 | Đường Tân Phước                                | Vật liệu xây dựng Sáu Long              | Giáp ranh xã Long Hưng                           | 400     |
| 33.19 | Đường Kênh Ông Ưống                            | Suốt tuyến                              |                                                  | 400     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                | Đoạn đường                                       |                                                  | Giá đất |
|-----------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                                                      | Từ                                               | Đến                                              | VT1     |
| 33.20     | Đường Kênh Ranh Mỹ An - Mỹ Đức                       | Suốt tuyến                                       |                                                  | 400     |
| 33.21     | Đường đal Giao Thông A                               | Mương Khai A                                     | Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)    | 400     |
| 33.22     | Đường Mương Khai A                                   | Cầu Đường Láng                                   | Cầu Sắt                                          | 400     |
| 33.23     | Đường Mương Khai B                                   | Cầu Sắt                                          | Giáp ranh xã Mỹ Hương                            | 400     |
| <b>34</b> | <b>Xã Mỹ Tú</b>                                      |                                                  |                                                  |         |
| 34.1      | Đường tỉnh 940                                       | Cầu số 1                                         | Cầu số 2                                         | 750     |
|           |                                                      | Cầu số 2                                         | Cổng Mỹ Phước                                    | 600     |
|           |                                                      | Cổng Mỹ Phước                                    | Cầu Cái Trầu mới                                 | 850     |
|           |                                                      | Cầu Cái Trầu mới                                 | Giáp ranh xã Lâm Tân                             | 600     |
| 34.2      | Đường tỉnh 938                                       | Giáp ranh xã Mỹ Hương                            | Đường đal Ô Quên                                 | 600     |
|           |                                                      | Đường đal Ô Quên                                 | Rạch Lộ Bể                                       | 700     |
|           |                                                      | Rạch Lộ Bể                                       | Giáp ranh xã Lâm Tân                             | 700     |
| 34.3      | Đường ô tô Trung tâm xã Hưng Phú cũ (Đường tỉnh 939) | Kênh Ba Hữu                                      | Cầu Tư Thành                                     | 850     |
|           |                                                      | Cầu Tư Thành                                     | Giáp ranh xã Mỹ Phước                            | 500     |
| 34.4      | Đường A1 (Đường tỉnh 939)                            | Giáp ranh xã Mỹ Hương                            | Đường Quang Trung                                | 1.800   |
|           |                                                      | Đường Quang Trung                                | Cầu Kênh 1 Tháng 5                               | 4.000   |
|           |                                                      | Cầu Kênh 1 Tháng 5                               | Kênh Ba Hữu                                      | 1.500   |
| 34.5      | Đường huyện 82                                       | Đường tỉnh 940                                   | Giáp ranh xã Mỹ Phước (Cầu Kinh số 3)            | 600     |
| 34.6      | Đường huyện 84                                       | Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)                     | Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng | 1.300   |
|           |                                                      | Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng | Cầu Béc Trang                                    | 600     |
|           |                                                      | Cầu Béc Trang                                    | Giáp ranh xã Mỹ Phước                            | 500     |
| 34.7      | Đường huyện 86                                       | Giáp ranh xã Long Hưng                           | Cầu Trà Cú Cạn                                   | 400     |
|           |                                                      | Cầu Trà Cú Cạn                                   | Hết ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A             | 550     |
|           |                                                      | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A            | Đường tỉnh 940                                   | 400     |
| 34.8      | Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)                       | Đường tỉnh 938                                   | Giáp ranh xã Nhu Gia                             | 350     |
| 34.9      | Đường huyện 89                                       | Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)                   | Giáp ranh xã Mỹ Hương                            | 350     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính              | Đoạn đường                         |                                     | Giá đất |
|-------|------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|       |                                    | Từ                                 | Đến                                 | VT1     |
| 34.10 | Đường Trần Hưng Đạo                | Giáp ranh xã Long Hưng             | Kênh Ba Vội                         | 700     |
|       |                                    | Kênh Ba Vội                        | Hết ranh đất Nhà ông Sáu Cao        | 1.400   |
|       |                                    | Giáp ranh đất Nhà ông Sáu Cao      | Đập Chín Lờ                         | 2.200   |
|       |                                    | Đập Chín Lờ                        | Cầu Ba Thắng                        | 5.800   |
|       |                                    | Cầu Ba Thắng                       | Đập Sáu Giúp                        | 2.700   |
|       |                                    | Đập Sáu Giúp                       | Kênh số 1 (Áp Mỹ Hòa)               | 1.500   |
| 34.11 | Đường Phạm Ngũ Lão                 | Suốt tuyến                         |                                     | 3.800   |
| 34.12 | Đường Nguyễn Đình Chiểu            | Suốt tuyến                         |                                     | 3.800   |
| 34.13 | Đường Lý Thường Kiệt               | Đường Hùng Vương                   | Hết ranh đất Nhà bà Bé              | 2.400   |
| 34.14 | Đường Hùng Vương                   | Đường Điện Biên Phủ                | Đường Trần Phú                      | 4.200   |
|       |                                    | Đường Trần Phú                     | Đường Quang Trung                   | 6.800   |
|       |                                    | Đường Quang Trung                  | Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)        | 4.500   |
| 34.15 | Đường Lê Thánh Tông                | Đường Trần Hưng Đạo                | Đường Quang Trung                   | 3.800   |
| 34.16 | Đường Ngô Quyền                    | Cầu Ba Thắng (Đường Trần Hưng Đạo) | Cầu Đê Mỹ Phước (Đường Quang Trung) | 3.000   |
| 34.17 | Đường Võ Thị Sáu                   | Cầu Bệnh Viện                      | Đê Bé Bui                           | 600     |
| 34.18 | Đường Trần Phú                     | Giáp ranh xã Long Hưng             | Đường Đồng Khởi                     | 830     |
|       |                                    | Đường Đồng Khởi                    | Đường Võ Thị Sáu                    | 4.200   |
|       |                                    | Đường Võ Thị Sáu                   | Kênh Út Biện                        | 1.300   |
|       |                                    | Kênh Út Biện                       | Kênh số 1 (Áp Mỹ Hòa)               | 600     |
| 34.19 | Đường Đồng Khởi                    | Đường Trần Phú                     | Giáp ranh xã Mỹ Hương               | 1.000   |
| 34.20 | Đường 3 Tháng 2                    | Đường Trần Phú                     | Đường Điện Biên Phủ                 | 2.900   |
| 34.21 | Đường 30 Tháng 4                   | Đường Trần Phú                     | Đường Điện Biên Phủ                 | 1.800   |
| 34.22 | Đường Huỳnh Văn Triệu              | Đường Trần Phú                     | Đường Điện Biên Phủ                 | 1.500   |
| 34.23 | Đường Lý Tự Trọng                  | Đường 3 Tháng 2                    | Đường 30 Tháng 4                    | 2.400   |
| 34.24 | Đường Quang Trung (Đường tỉnh 940) | Giáp ranh xã Long Hưng             | Cầu Sáu Xôi                         | 1.900   |
|       |                                    | Cầu Sáu Xôi                        | Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)             | 4.900   |
|       |                                    | Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)            | Cầu Đê Mỹ Phước                     | 6.700   |
|       |                                    | Cầu Đê Mỹ Phước                    | Hết ranh đất bà Hân                 | 6.000   |
|       |                                    | Giáp ranh đất bà Hân               | Cầu số 1                            | 2.600   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                    | Đoạn đường                  |                                        | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|---------|
|           |                                                          | Từ                          | Đến                                    | VT1     |
| 34.25     | Đường Điện Biên Phủ                                      | Đường 30 Tháng 4            | Đường 3 Tháng 2                        | 3.000   |
| 34.26     | Đường Trung tâm Thương mại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa (cũ) | Dãy E                       |                                        | 22.000  |
| 34.27     | Đường F12                                                | Cầu Ba Thắng                | Nhà lồng Chợ mới                       | 2.500   |
| 34.28     | Đường D7 (Đường Trung tâm xã Long Hưng)                  | Đường Đồng Khởi             | Giáp ranh xã Long Hưng                 | 1.000   |
| 34.29     | Đường đal (Kho lương thực cũ)                            | Đường tỉnh 940              | Đường Trần Hưng Đạo                    | 850     |
| 34.30     | Đường đal (Chợ Cá)                                       | Đường tỉnh 940              | Giáp ranh đất ông Thom                 | 1.800   |
| 34.31     | Đường nhựa D9                                            | Đường Hùng Vương            | Đường 3 Tháng 2                        | 1.400   |
| 34.32     | Đường cũ Cầu Đồn                                         | Đường Hùng Vương            | Đường 3 Tháng 2                        | 550     |
| 34.33     | Đường đầu nối Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng     | Đường tỉnh 940              | Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng | 800     |
| 34.34     | Khu tái định cư Đường A1                                 | Cả khu                      |                                        | 1.500   |
| <b>35</b> | <b>Xã Long Hưng</b>                                      |                             |                                        |         |
| 35.1      | Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp                               | Giáp ranh xã Tân Phước Hưng | Cầu Mỹ Khánh                           | 900     |
|           |                                                          | Cầu Mỹ Khánh                | Cầu 1 Tháng 5                          | 1.100   |
|           |                                                          | Cầu 1 Tháng 5               | Cầu Đập Đá                             | 900     |
|           |                                                          | Kênh Đập Đá                 | Kênh Bắc Bộ                            | 600     |
|           |                                                          | Kênh Bắc Bộ                 | Kênh Miếu                              | 750     |
|           |                                                          | Kênh Miếu                   | Kênh Chín Mùi                          | 700     |
|           |                                                          | Kênh Chín Mùi               | Kênh Tư Lang                           | 750     |
|           |                                                          | Kênh Tư Lang                | Kênh Út Cứng                           | 750     |
|           |                                                          | Kênh Út Cứng                | Kênh Ka Rê                             | 750     |
| 35.2      | Đường tỉnh 940                                           | Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp  | Kênh Hai Bá                            | 900     |
|           |                                                          | Kênh Hai Bá                 | Cầu Nhà Thờ                            | 800     |
|           |                                                          | Cầu Nhà Thờ                 | Giáp ranh xã Mỹ Tú                     | 550     |
| 35.3      | Đường huyện 32 (Đường huyện 87C)                         | Cầu qua Nhà Văn hóa xã      | Cầu vượt Tân Phước                     | 600     |
|           |                                                          | Cầu vượt Tân Phước          | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien               | 450     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                        | Đoạn đường                     |                                                                                | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------|
|       |                                              | Từ                             | Đến                                                                            | VT1     |
| 35.4  | Đường huyện 85                               | Đường huyện 87B                | Đường tỉnh 940                                                                 | 920     |
|       |                                              | Đường tỉnh 940                 | Kênh Đập Đá                                                                    | 1.300   |
| 35.5  | Đường huyện 86                               | Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp     | Giáp ranh xã Mỹ Tú                                                             | 400     |
| 35.6  | Đường huyện 87                               | Giáp ranh xã Mỹ Tú             | Cầu vượt Mỹ Khánh                                                              | 500     |
|       |                                              | Cầu vượt Mỹ Khánh              | Cầu qua Nhà Văn hóa xã và nhánh đến Hết đất Trường Trung học cơ sở Long Hưng A | 600     |
| 35.7  | Đường huyện 87B                              | Giáp ranh xã Mỹ Tú             | Kênh Hai Bá                                                                    | 400     |
|       |                                              | Kênh Hai Bá                    | Cầu Vượt Mỹ Khánh                                                              | 600     |
|       |                                              | Cầu vượt Mỹ Khánh              | Cầu qua UBND xã                                                                | 750     |
|       |                                              | Cầu qua UBND xã                | Hết ranh Trung tâm Thương mại                                                  | 2.200   |
|       |                                              | Giáp ranh Trung tâm Thương mại | Hết ranh đất ông Lê Việt Hùng                                                  | 850     |
|       |                                              | Giáp ranh đất ông Lê Việt Hùng | Kênh 1 Tháng 5                                                                 | 780     |
|       |                                              | Kênh 1 Tháng 5                 | Kênh Đập Đá                                                                    | 550     |
|       |                                              | Kênh Đập Đá                    | Kênh Bắc Bộ                                                                    | 400     |
|       |                                              | Kênh Bắc Bộ                    | Kênh Miếu                                                                      | 750     |
|       |                                              | Kênh Miếu                      | Kênh Chín Mùi                                                                  | 450     |
|       |                                              | Kênh Chín Mùi                  | Kênh Ka Rê                                                                     | 500     |
| 35.8  | Đường huyện 80                               | Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp     | Kênh Hai Cao                                                                   | 500     |
|       |                                              | Kênh Hai Cao                   | Giáp ranh xã Mỹ Tú                                                             | 400     |
| 35.9  | Trung tâm Thương mại Long Hưng               | Dãy Khu phố 1                  |                                                                                | 3.200   |
|       |                                              | Dãy Khu phố 2, 3, 4            |                                                                                | 2.600   |
|       |                                              | Dãy Khu phố 5, 6               |                                                                                | 3.000   |
| 35.10 | Đường D3 - N6                                | Suốt tuyến                     |                                                                                | 1.800   |
| 35.11 | Đường D1 - N3                                | Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp     | Hết đất Chợ Long Hưng                                                          | 1.300   |
| 35.12 | Đường Ô tô đến Trung tâm xã (Đường huyện 81) | Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã    | Cầu Kênh 1.000                                                                 | 750     |
|       |                                              | Cầu Kênh 1.000                 | Cầu Nguyễn Việt Hồng                                                           | 400     |
|       |                                              | Cầu Nguyễn Việt Hồng           | Giáp ranh xã Mỹ Phước                                                          | 400     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính | Đoạn đường                                          |                                         | Giá đất |
|-------|-----------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|       |                       | Từ                                                  | Đến                                     | VT1     |
| 36    | Xã Mỹ Hương           |                                                     |                                         |         |
| 36.1  | Đường tỉnh 939        | Giáp ranh phường Mỹ Xuyên                           | Cầu Phú Mỹ 2                            | 800     |
|       |                       | Cầu Phú Mỹ 2                                        | Đường vào Chùa Bưng Cóc                 | 600     |
|       |                       | Đường vào Chùa Bưng Cóc                             | Cầu Trắng                               | 600     |
|       |                       | Cầu Trắng                                           | Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bơm)         | 1.800   |
|       |                       | Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bơm)                     | Đường vào Chợ Mỹ Hương                  | 1.000   |
|       |                       | Đường vào Chợ Mỹ Hương                              | Trường THPT Mỹ Hương                    | 2.400   |
|       |                       | Trường THPT Mỹ Hương                                | Cầu Bà Lui                              | 1.700   |
|       |                       | Cầu Bà Lui                                          | Giáp ranh xã Mỹ Tú                      | 1.800   |
| 36.2  | Đường tỉnh 939B       | Giáp ranh xã Mỹ Tú                                  | Hết ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ        | 1.000   |
|       |                       | Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ                   | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                | 850     |
| 36.3  | Đường tỉnh 938        | Đường tỉnh 939                                      | Cầu Trà Lây 1                           | 1.600   |
|       |                       | Cầu Trà Lây 1                                       | Cầu Thuận Hưng                          | 800     |
|       |                       | Cầu Thuận Hưng                                      | Giáp ranh xã Mỹ Tú                      | 800     |
| 36.4  | Đường huyện 88        | Đường tỉnh 938                                      | Cầu Ngang                               | 600     |
|       |                       | Cầu Ngang                                           | Giáp ranh xã Mỹ Tú                      | 450     |
| 36.5  | Đường huyện 88B       | Đường huyện 88                                      | Đường tỉnh 939                          | 350     |
|       |                       | Đường tỉnh 939                                      | Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien                | 700     |
| 36.6  | Đường huyện 89        | Đường tỉnh 939                                      | Kênh Phú Mỹ 1                           | 500     |
|       |                       | Kênh Phú Mỹ 1                                       | Giáp ranh xã Mỹ Tú                      | 450     |
| 36.7  | Đường A1              | Đường tỉnh 939B                                     | Giáp ranh xã Mỹ Tú                      | 1.500   |
| 36.8  | Đường Chợ Cá          | Đường Cầu Xẻo Gừa vào chợ và 2 dãy bên nhà lồng chợ |                                         | 3.000   |
| 36.9  | Đường vào sau Chợ mới | Đường tỉnh 939 (đường mới)                          | Đường cũ (vào chợ)                      | 2.000   |
| 36.10 | Đường đal             | Cầu Xẻo Gừa                                         | Hết ranh đất Trường Mẫu giáo (Xóm Lớn)  | 1.400   |
|       |                       | Cầu Xẻo Gừa                                         | Cầu Ông Tám Bàu                         | 1.400   |
|       |                       | Cầu Ông Tám Bàu                                     | Giáp sông Xẻo Gừa                       | 1.000   |
|       |                       | Đường tỉnh 939                                      | Hết ranh đất Kho phân Sầu Địa           | 1.500   |
|       |                       | Giáp ranh Chợ Xẻo Gừa                               | Hết ranh đất ông Trịnh Ngọc Ba          | 1.100   |
|       |                       | Cổng ranh Chợ Xẻo Gừa                               | Hết ranh đất Trại của ông Trần Văn Vạng | 1.400   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính        | Đoạn đường                                                        |                                         | Giá đất |
|-----------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                              | Từ                                                                | Đến                                     | VT1     |
| 36.11     | Đường Chợ Thuận Hưng         | Đường hai bên nhà lồng Chợ Thuận Hưng                             |                                         | 850     |
| 36.12     | Đường Chợ Cầu Trắng          | Đường hai bên nhà lồng Chợ Cầu Trắng                              |                                         | 850     |
| 36.13     | Đường Chợ Phú Mỹ             | Đường hai bên nhà lồng Chợ Phú Mỹ                                 |                                         | 850     |
|           |                              | Đường tỉnh 939                                                    | Kênh 2                                  | 600     |
| 36.14     | Đường đal Phú Túc            | Giáp ranh phường Phú Lợi                                          | Cổng Thủy Lợi                           | 550     |
|           |                              | Cổng Thủy Lợi                                                     | Hết đường đal                           | 500     |
| 36.15     | Khu dân cư Bà Lui            | Cả khu                                                            |                                         | 600     |
| 36.16     | Khu tái định cư xã Mỹ Hương  | Đường số 01                                                       |                                         | 2.271   |
| 36.17     | Khu tái định cư Thuận Hưng   | Giáp ranh Cầu Ngang đến Đường tỉnh 938 (tiếp giáp Đường huyện 88) |                                         | 1.745   |
|           |                              | Đường số 01                                                       |                                         | 1.608   |
| <b>37</b> | <b>Xã Tân Long</b>           |                                                                   |                                         |         |
| 37.1      | Quốc lộ 61B (Đường tỉnh 937) | Giáp ranh xã Phú Lộc                                              | Hết ranh đất Trường Mầm non Thạnh Tân   | 750     |
|           |                              | Giáp ranh đất Trường Mầm non Thạnh Tân                            | Cầu 14 Tháng 9                          | 850     |
|           |                              | Cầu 14 Tháng 9                                                    | Cầu Ông Tàu                             | 750     |
|           |                              | Cầu Ông Tàu                                                       | Hết ranh đất Cây xăng Mười Biết         | 1.000   |
|           |                              | Giáp ranh đất Cây xăng Mười Biết                                  | Cầu Cái Trầu                            | 1.200   |
|           |                              | Cầu Cái Trầu                                                      | Hết ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1 | 2.000   |
|           |                              | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1                          | Cầu Ba Bọng                             | 1.500   |
|           |                              | Cầu Ba Bọng                                                       | Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình    | 900     |
|           |                              | Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình                             | Giáp ranh phường Ngã Năm                | 700     |
| 37.2      | Đường tỉnh 938               | Quốc lộ 61B                                                       | Kênh Cầu Xéo                            | 600     |
|           |                              | Kênh Cầu Xéo                                                      | Giáp ranh xã Lâm Tân                    | 500     |
| 37.3      | Đường huyện 61               | Cầu treo Đường huyện 61                                           | Giáp ranh xã Phú Lộc                    | 400     |
|           |                              | Quốc lộ 61B                                                       | Giáp ranh xã Lâm Tân                    | 400     |
| 37.4      | Đường huyện 71               | Cầu Ba Bọng                                                       | Giáp ranh phường Ngã Năm                | 400     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                  | Đoạn đường                             |                                          | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|---------|
|           |                                        | Từ                                     | Đến                                      | VT1     |
| 37.5      | Đường huyện 75 (Đoạn Mỹ Hòa - Mỹ Hiệp) | Giáp ranh phường Ngã Năm               | Giáp ranh phường Mỹ Quới                 | 400     |
| 37.6      | Đường huyện 64                         | Đường huyện 61                         | Giáp ranh xã Lâm Tân                     | 400     |
| 37.7      | Đường huyện 60                         | Quốc lộ 61B                            | Giáp ranh xã Lâm Tân                     | 400     |
| 37.8      | Đường Ấp Long Thạnh                    | Cầu Cái Trầu                           | Cầu Xéo                                  | 1.000   |
| 37.9      | Đường vào phố                          | Đầu ranh đất Nhà ông Ty                | Hết ranh đất Nhà ông Hiệp                | 500     |
| <b>38</b> | <b>Xã Phú Lộc</b>                      |                                        |                                          |         |
| 38.1      | Quốc lộ 1                              | Cầu Xẻo Tra                            | Hết ranh đất UBND xã Phú Lộc             | 3.800   |
|           |                                        | Giáp ranh đất UBND xã Phú Lộc          | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây   | 2.500   |
|           |                                        | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây | Giáp ranh tỉnh Cà Mau (Cầu Nàng Rền)     | 1.400   |
| 38.2      | Quốc lộ 61B                            | Quốc lộ 1                              | Kênh Hai Tài                             | 3.500   |
|           |                                        | Kênh Hai Tài                           | Cầu Sa Di                                | 2.100   |
|           |                                        | Cầu Sa Di                              | Giáp ranh xã Tân Long                    | 750     |
| 38.3      | Đường tỉnh 937B (cũ)                   | Quốc lộ 1                              | Đường Nguyễn Huệ                         | 1.400   |
|           |                                        | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây | Cầu Cống                                 | 1.300   |
|           |                                        | Cầu Cống                               | Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà    | 2.100   |
|           |                                        | Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà  | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây   | 950     |
| 38.4      | Đường huyện 64                         | Đầu cầu Xẻo Tra                        | Cống Thái Văn Ba                         | 800     |
|           |                                        | Cống Thái Văn Ba                       | Giáp ranh xã Lâm Tân                     | 650     |
| 38.5      | Đường huyện 61                         | Đường huyện 66                         | Đường huyện 65                           | 500     |
| 38.6      | Đường huyện 63                         | Giáp ranh xã Lâm Tân                   | Quốc lộ 61B                              | 500     |
| 38.7      | Đường huyện 65                         | Đường huyện 61                         | Giáp ranh xã Tân Long                    | 700     |
| 38.8      | Đường huyện 66                         | Quốc lộ 61B                            | Đường huyện 65                           | 500     |
| 38.9      | Đường huyện 68 (Lộ Kinh Ngay)          | Vòng xuyên Đường tỉnh 937B             | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây   | 2.500   |
|           |                                        | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây | Giáp ranh xã Vĩnh Lợi                    | 1.800   |
| 38.10     | Đường Văn Ngọc Chính                   | Cầu Phú Lộc                            | Đường Nguyễn Trung Trục                  | 3.700   |
|           |                                        | Đường Nguyễn Trung Trục                | Hết ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 16 | 1.400   |
|           |                                        | Cầu Phú Lộc                            | Đường Nguyễn Văn Trỗi                    | 1.200   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                 | Đoạn đường              |                                        | Giá đất |
|-------|---------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|---------|
|       |                                       | Từ                      | Đến                                    | VT1     |
| 38.11 | Đường Nguyễn Văn Trỗi                 | Quốc lộ 1               | Cầu Bào Lớn                            | 1.100   |
|       |                                       | Cầu Bào Lớn             | Giáp ranh tỉnh Cà Mau                  | 650     |
| 38.12 | Đường 1 Tháng 5                       | Đường Văn Ngọc Chính    | Đường 30 Tháng 4                       | 3.700   |
| 38.13 | Đường Nguyễn Đức Mạnh                 | Đường Văn Ngọc Chính    | Đường 30 Tháng 4                       | 4.000   |
| 38.14 | Đường Trần Hưng Đạo                   | Quốc lộ 1               | Đường Nguyễn Trung Trục                | 3.800   |
| 38.15 | Đường Lý Thường Kiệt                  | Đường Văn Ngọc Chính    | Đường 30 Tháng 4                       | 3.200   |
| 38.16 | Đường Điện Biên Phủ                   | Đường Văn Ngọc Chính    | Đường 30 Tháng 4                       | 2.600   |
| 38.17 | Đường cấp công Viên                   | Quốc lộ 1               | Đường Trần Phú                         | 2.400   |
| 38.18 | Đường 30 Tháng 4                      | Quốc lộ 1               | Đường Nguyễn Trung Trục                | 4.000   |
|       |                                       | Đường Nguyễn Trung Trục | Cầu 30 Tháng 4                         | 3.600   |
|       |                                       | Cầu 30 Tháng 4          | Đầu Lộ Rẫy Mới                         | 1.100   |
| 38.19 | Đường Lý Tự Trọng                     | Quốc lộ 1               | Bệnh viện Đa khoa (cũ)                 | 2.400   |
| 38.20 | Đường Ngô Quyền                       | Cầu Phú Lộc             | Đường Nguyễn Trung Trục                | 2.200   |
|       |                                       | Đường Nguyễn Trung Trục | Miếu Bà                                | 1.300   |
| 38.21 | Đường Nguyễn Trung Trục               | Quốc lộ 61B             | Đường 30 Tháng 4                       | 3.200   |
| 38.22 | Đường Trần Văn Bảy                    | Quốc lộ 61B             | Đường huyện 64                         | 2.400   |
| 38.23 | Đường Cách Mạng Tháng Tám             | Quốc lộ 1               | Giáp ranh ấp Thạnh Điền (hết tuyến)    | 1.300   |
| 38.24 | Đường Trần Phú                        | Cầu Công viên           | Đường Nguyễn Văn Trỗi                  | 2.200   |
| 38.25 | Đường Nguyễn Huệ                      | Cầu 30 Tháng 4          | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây | 2.900   |
| 38.26 | Đường nhà lồng Chợ                    | Đường Trần Hưng Đạo     | Đường Văn Ngọc Chính                   | 3.700   |
|       |                                       | Đường Văn Ngọc Chính    | Giáp Bờ kè sông Phú Lộc                | 3.500   |
| 38.27 | Đường số 1                            | Đường Văn Ngọc Chính    | Đường Trần Hưng Đạo                    | 2.000   |
| 38.28 | Đường số 2                            | Đường Trần Hưng Đạo     | Đường 30 Tháng 4                       | 2.500   |
| 38.29 | Đường Khu dân cư ấp 2                 | Suốt tuyến              |                                        | 1.300   |
| 38.30 | Đường đal (Phía sau nhà ông Hai Minh) | Đường Nguyễn Văn Trỗi   | Đường cấp Công viên                    | 1.800   |
| 38.31 | Đường số 1                            | Đầu ranh đất ông Nguyễn | Hết ranh đất bà Đồ                     | 4.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính           | Đoạn đường                     |                                           | Giá đất |
|-------|---------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|       |                                 | Từ                             | Đến                                       | VT1     |
| 38.32 | Đường số 2                      | Đầu ranh đất Bác sĩ Dũng       | Hết ranh đất Nhà ông Quách Hưng Đại       | 3.000   |
| 38.33 | Đường số 3                      | Đầu ranh đất Lý Phước Bình     | Hết ranh đất Nhà ông Trần Ngọc Minh Thành | 3.800   |
| 38.34 | Đường số 4                      | Cầu Trương Từ                  | Hết ranh đất Nhà ông Hùng                 | 4.000   |
| 38.35 | Đường đal ấp Phú Tân            | Giáp ranh xã Gia Hòa           | Giáp ranh xã Lâm Tân                      | 550     |
| 38.36 | Đường đal ấp Thạnh Điền         | Cầu Bào Lớn                    | Giáp ranh xã Gia Hòa                      | 500     |
| 38.37 | Đường đal cặp Nhà Văn Hóa       | Quốc lộ 1                      | Đường Trần Văn Bảy                        | 700     |
| 38.38 | Hẻm 1 (Cầu Xẻo Tra)             | Quốc lộ 1                      | Đường Cách Mạng Tháng Tám                 | 700     |
| 38.39 | Hẻm 4 (Cặp nhà bà Mai)          | Quốc lộ 61B                    | Đường Ngô Quyền                           | 700     |
| 38.40 | Đường đal (Nhà ông Hòa)         | Đường 30 Tháng 4               | Hẻm 8                                     | 800     |
| 38.41 | Đường đal (Nhà ông Kiêm)        | Đường 30 Tháng 4               | Hẻm 8                                     | 600     |
| 38.42 | Đường đal (Cặp Chùa Xa Mau 2)   | Quốc lộ 1                      | Đường Nguyễn Huệ                          | 450     |
| 38.43 | Đường đal (Cặp Nhà ông Tây)     | Đường huyện 64                 | Đường Trần Văn Bảy                        | 600     |
| 38.44 | Hẻm 6 (Cặp Kênh Trạm Thủy Nông) | Suốt hẻm                       |                                           | 600     |
| 38.45 | Hẻm 7 (Cặp Huyện đội cũ)        | Quốc lộ 1                      | Suốt hẻm                                  | 750     |
| 38.46 | Hẻm 8 (Cặp UBND huyện cũ)       | Quốc lộ 1                      | Đường Nguyễn Huệ                          | 800     |
| 38.47 | Hẻm 9 (Cặp Nhà ông Lai)         | Suốt hẻm                       |                                           | 750     |
| 38.48 | Hẻm 10                          | Quốc lộ 1                      | Đường Nguyễn Huệ                          | 700     |
| 38.49 | Hẻm 11                          | Quốc lộ 1                      | Chùa Phật                                 | 700     |
| 38.50 | Hẻm 12                          | Quốc lộ 1                      | Đường Nguyễn Huệ                          | 600     |
| 38.51 | Hẻm 13 (Cầu Đình)               | Suốt hẻm                       |                                           | 600     |
| 38.52 | Đường cặp Trạm Y tế             | Đường huyện 68                 | Suốt tuyến                                | 2.400   |
| 38.53 | Đường Chợ                       | Đường tỉnh 937B                | Cầu Bà Kía                                | 2.100   |
|       |                                 | Đầu ranh đất ông Hấu (Lý Đông) | Hết ranh đất Tiêu Thanh Đức               | 2.100   |
|       |                                 | Đầu ranh đất ông Lý Bạc Hó     | Hết đất ông Ngô Ìa                        | 1.100   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính        | Đoạn đường                             |                                              | Giá đất |
|-------|------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|       |                              | Từ                                     | Đến                                          | VT1     |
| 38.53 | Đường Chợ                    | Đầu ranh đất Nhà ông Lý Hún            | Cầu Trương Từ                                | 1.100   |
|       |                              | Đầu ranh đất Nhà ông Quách Hùng Thương | Hết ranh đất Nhà ông Trịnh Thành Công        | 1.100   |
| 38.54 | Đường đal (Kênh Ba Huê)      | Đầu ranh đất Nhà ông Tăng Dươl         | Hết ranh đất Nhà ông Đình Công Hùng          | 650     |
| 38.55 | Đường cấp sông               | Đường tỉnh 937B                        | Hết ranh đất Nhà ông Bành Thiệu Văn (ông Sô) | 850     |
|       |                              | Đầu ranh đất Nhà bà Lâm Thị Thủy       | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây       | 850     |
|       |                              | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây | Hết ranh đất Nhà bà Lê ấp Kinh Ngay          | 850     |
| 38.56 | Kênh Giồng Chùa              | Đầu ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh     | Hết ranh đất Chùa Lộc Hòa                    | 850     |
|       |                              | Giáp ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh    | Hết ranh đất Nhà ông Lâm Ngọc Giàu           | 850     |
| 38.57 | Lộ ấp Công Điền              | Quốc lộ 1                              | Giáp ranh tỉnh Cà Mau                        | 540     |
| 38.58 | Đường đal cấp Trạm Thủy nông | Quốc lộ 61B                            | Đường đal ấp Trương Hiền                     | 600     |
| 38.59 | Đường đal ấp Xóm Tro 1       | Đường tỉnh 937B (cũ)                   | Hết đất Nhà ông Dương Hoàng Đăng             | 750     |
|       |                              | Giáp ranh Trạm cấp nước phía sau       | Hết ranh đất Tô Nam Tin                      | 750     |
| 38.60 | Đường ấp số 8                | Đầu ranh đất ông Tấn Cang              | Hết ranh đất ông Trịnh Phol                  | 750     |
|       |                              | Đầu ranh đất ông Vũ Văn Hoàng          | Hết ranh đất ông Tiền Buộl                   | 1.300   |
|       |                              | Đầu ranh đất ông Dương Phal            | Hết ranh đất Ngô Văn Thắng                   | 760     |
|       |                              | Đường tỉnh 937B (cũ)                   | Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa                 | 750     |
|       |                              | Cầu Bà Kía                             | Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa                 | 750     |
|       |                              | Đầu ranh đất ông Ngô Sang              | Hết ranh đất ông Danh Hiền                   | 780     |
| 38.61 | Đường ấp số 9                | Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Luận      | Hết ranh đất ông Hứa Đen                     | 850     |
|       |                              | Giáp ranh đất ông Hứa Đen              | Hết đất Nhà máy Kim Hưng                     | 1.000   |
| 38.62 | Đường Bào Cát - Quang Vinh   | Đường tỉnh 937B (cũ)                   | Giáp ranh xã Vĩnh Lợi                        | 500     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                  | Đoạn đường                                            |                                                      | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------|
|           |                                        | Từ                                                    | Đến                                                  | VT1     |
| 38.63     | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây | Giáp ranh xã Gia Hòa                                  | Quốc lộ 1                                            | 700     |
|           |                                        | Quốc lộ 1                                             | Đường tỉnh 937B (cũ)                                 | 1.700   |
|           |                                        | Đường tỉnh 937B (cũ)                                  | Đường huyện 68                                       | 800     |
|           |                                        | Đường huyện 68                                        | Đường tỉnh 937B (cũ)<br>(Ngã ba Kênh thủy lợi)       | 900     |
|           |                                        | Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)           | Giáp ranh xã Vĩnh Lợi                                | 700     |
| <b>39</b> | <b>Xã Vĩnh Lợi</b>                     |                                                       |                                                      |         |
| 39.1      | Đường tỉnh 937B                        | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây                | Cầu Chợ                                              | 700     |
|           |                                        | Cầu Chợ                                               | Hết ranh đất ông Hà Văn Đường                        | 900     |
|           |                                        | Giáp ranh đất ông Hà Văn Đường                        | Giáp ranh phường Mỹ Quới (Cầu Bờ Tây)                | 700     |
| 39.2      | Đường huyện 61<br>(Đường huyện 5 cũ)   | Đầu ranh đất ông Bi (Đường tỉnh 937B)                 | Hết ranh đất bà Muối                                 | 700     |
|           |                                        | Giáp ranh đất Bà Muối                                 | Hết ranh đất bà Lê Thị Nhung                         | 550     |
|           |                                        | Giáp ranh đất bà Lê Thị Nhung                         | Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ           | 650     |
|           |                                        | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ           | Giáp ranh xã Phú Lộc                                 | 550     |
| 39.3      | Đường huyện 65                         | Giáp ranh xã Tân Long                                 | Giáp ranh xã Phú Lộc                                 | 550     |
| 39.4      | Đường huyện 68                         | Giáp ranh phường Mỹ Quới (Đầu ranh đất ông Khẩn)      | Cầu Bảy Âm                                           | 750     |
|           |                                        | Cầu Bảy Âm                                            | Giáp ranh xã Phú Lộc                                 | 600     |
| 39.5      | Đường huyện 67                         | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (cầu ông Oanh) | Cầu số 8                                             | 600     |
|           |                                        | Cầu số 8                                              | Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)                      | 650     |
|           |                                        | Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)                       | Hết ranh đất ông Bành Phong (Ấp Quang Vinh)          | 650     |
| 39.6      | Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây | Giáp ranh phường Mỹ Quới                              | Đường tỉnh 937B                                      | 700     |
|           |                                        | Đường tỉnh 937B                                       | Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương) | 800     |
|           |                                        | Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)  | Giáp ranh xã Phú Lộc                                 | 900     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                            | Đoạn đường                                   |                                       | Giá đất |
|-----------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------|---------|
|           |                                                  | Từ                                           | Đến                                   | VT1     |
| 39.7      | Đường giao thông nông thôn Vĩnh Thành - Vĩnh Lợi | Đường tỉnh 937B                              | Hết ranh đất Thánh Thất Hư Vô Cảnh    | 800     |
|           |                                                  | Giáp ranh Thánh Thất Hư Vô Cảnh              | Kênh 30 mét (Kênh Xáng Nàng Rền)      | 600     |
| 39.8      | Khu Chợ trung tâm                                | Các tuyến đường bộ trong khu vực chợ         |                                       | 800     |
| 39.9      | Đường đăl ấp 15                                  | Đầu ranh đất ông Trần Văn Đạt (Chân Cầu Chợ) | Kênh Nàng Rền                         | 700     |
|           |                                                  | Đầu ranh đất ông Sang                        | Cầu Tây Nhỏ                           | 550     |
|           |                                                  | Đường tỉnh 937B                              | Cầu Treo (Cầu Ông Xe)                 | 700     |
| 39.10     | Đường đăl ấp 17                                  | Cầu Bà Út Đồn                                | Đường huyện 65                        | 550     |
| <b>40</b> | <b>Xã Lâm Tân</b>                                |                                              |                                       |         |
| 40.1      | Đường tỉnh 938                                   | Giáp ranh xã Tân Long                        | Giáp ranh xã Mỹ Tú                    | 600     |
| 40.2      | Đường tỉnh 940 (mới)                             | Giáp ranh xã Nhu Gia                         | Cổng Tuân Tức                         | 600     |
|           |                                                  | Cổng Tuân Tức                                | Giáp ranh xã Mỹ Tú                    | 500     |
| 40.3      | Đường tỉnh 940 (cũ)                              | Cổng Tuân Tức                                | Giáp ranh xã Nhu Gia (Chùa Thạnh Phú) | 500     |
| 40.4      | Đường huyện 69                                   | Giáp ranh xã Tân Long (Cầu Rạch Chóc)        | Kênh 85                               | 540     |
| 40.5      | Đường huyện 64 (Huyện 1 cũ)                      | Giáp ranh xã Phú Lộc                         | Hết ranh đất Nhà máy Lai Thành        | 480     |
|           |                                                  | Giáp ranh đất Nhà máy Lai Thành              | Giáp ranh xã Tân Long                 | 400     |
| 40.6      | Đường huyện 63 (Huyện 5 cũ)                      | Giáp ranh xã Phú Lộc                         | Cầu Tân Định                          | 480     |
|           |                                                  | Cầu Tân Định                                 | Đường huyện 61                        | 400     |
| 40.7      | Đường huyện 61 (Huyện 2 cũ)                      | Giáp ranh xã Tân Long                        | Kênh Mương Điều Chắc Tức              | 400     |
|           |                                                  | Kênh Mương Điều Chắc Tức                     | Kênh Rạch Trúc                        | 500     |
|           |                                                  | Kênh Rạch Trúc                               | Đường đăl Kiết Thắng - Kiết Thống     | 400     |
|           |                                                  | Đường đăl Kiết Thắng - Kiết Thống            | Đường huyện 63                        | 500     |
|           |                                                  | Đường huyện 63                               | Đường tỉnh 940                        | 450     |
| 40.8      | Đường huyện 62                                   | Đường huyện 61                               | Giáp ranh xã Gia Hòa                  | 400     |
| 40.9      | Đường huyện 60 (Đường 14 Tháng 9 cũ)             | Giáp ranh xã Tân Long                        | Kênh Rạch Trúc                        | 400     |
| 40.10     | Đường ấp Trung Hòa                               | Đường huyện 63                               | Cầu giáp ranh ấp Trung Bình           | 550     |
| 40.11     | Đường Trung Thống - Tân Định                     | Đường huyện 63                               | Đường huyện 61                        | 620     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                             | Đoạn đường                                          |                                                    | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|
|           |                                                   | Từ                                                  | Đến                                                | VT1     |
| 40.12     | Khu vực Xóm Phố                                   | Đầu đất Chùa Trà É (Chùa Muni Srās Keo)             | Đường huyện 61                                     | 800     |
| 40.13     | Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)        | Đường huyện 61                                      | Đường tỉnh 940                                     | 550     |
| 40.14     | Đường đal Kiết Thống - Kiết Thắng (Đường liên xã) | Đường huyện 61 (Ngã tư Kiết Thắng - Kiết Lợi)       | Đường huyện 61 (Ngã ba Kiết Thống)                 | 400     |
| 40.15     | Đường đal ấp Kiết Hòa                             | Cổng Mương Còi                                      | Kênh Rạch Trúc                                     | 400     |
| 40.16     | Đường đal ông Thái (Đoạn 1)                       | Kênh Mương Điều Chắc Túc                            | Kênh Hai Trường                                    | 450     |
| 40.17     | Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)        | Đường đal Kiết Lợi - Trà Do                         | Đường huyện 61                                     | 450     |
| <b>41</b> | <b>Xã Thạnh Thới An</b>                           |                                                     |                                                    |         |
| 41.1      | Đường tỉnh 935                                    | Giáp ranh xã Tài Văn                                | Cầu An Nô                                          | 800     |
|           |                                                   | Cầu An Nô                                           | Cầu So Đũa                                         | 750     |
|           |                                                   | Cầu So Đũa                                          | Cầu Mỹ Thanh (Giáp ranh phường Khánh Hòa)          | 600     |
| 41.2      | Đường tỉnh 936B                                   | Giáp ranh xã Liêu Tú                                | Đường huyện 35                                     | 550     |
| 41.3      | Đường huyện 35                                    | Đường tỉnh 936B                                     | Giáp ranh phường Mỹ Xuyên                          | 450     |
| 41.4      | Đường huyện 36                                    | Đường tỉnh 935                                      | Cầu Thạnh Thới An                                  | 500     |
|           |                                                   | Cầu Thạnh Thới An                                   | Giáp ranh xã Liêu Tú                               | 450     |
| <b>42</b> | <b>Xã Tài Văn</b>                                 |                                                     |                                                    |         |
| 42.1      | Đường tỉnh 934                                    | Giáp ranh phường Mỹ Xuyên                           | Hết ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ) | 2.400   |
|           |                                                   | Giáp ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ) | Cầu Tài Văn                                        | 1.800   |
|           |                                                   | Cầu Tài Văn                                         | Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn                | 2.000   |
|           |                                                   | Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn                | Cầu Trà Đức                                        | 1.500   |
|           |                                                   | Cầu Trà Đức                                         | Giáp ranh xã Liêu Tú                               | 1.100   |
| 42.2      | Đường tỉnh 935                                    | Đường tỉnh 934 (Ngã ba Tài Văn)                     | Hết ranh đất Cây xăng Châu Khoa                    | 1.000   |
|           |                                                   | Giáp ranh đất Cây xăng Châu Khoa                    | Giáp ranh xã Thạnh Thới An                         | 800     |
| 42.3      | Đường tỉnh 934B                                   | Giáp ranh xã Tân Thạnh                              | Cầu Bưng Chông                                     | 1.100   |
|           |                                                   | Cầu Bưng Chông                                      | Giáp ranh xã Long Phú                              | 1.000   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                       | Đoạn đường                                      |                                             | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|           |                                             | Từ                                              | Đến                                         | VT1     |
| 42.4      | Đường huyện 32 (Đường vào chùa Lao Vên)     | Đoạn trên địa bàn xã Tài Văn                    |                                             | 700     |
| 42.5      | Đường huyện 31                              | Đường tỉnh 934B                                 | Cầu Trinh Sương                             | 700     |
|           |                                             | Cầu Trinh Sương                                 | Ranh Kênh Tiếp Nhựt                         | 560     |
| 42.6      | Khu vực chợ Tài Văn                         | Suốt tuyến                                      |                                             | 1.000   |
| 42.7      | Đường đal                                   | Kênh Tiếp Nhựt (cầu đối diện chùa Băng Tone Sa) | Ngã ba (gần đường vào Chùa Chông Prek)      | 500     |
|           |                                             | Đường tỉnh 934                                  | Cầu Bung Sa Trong (cầu ông Lùng)            | 500     |
|           |                                             | Đường đal vào ấp Bung Chông                     | Hết ranh đất ông Trần Văn Khải              | 400     |
|           |                                             | Kênh Tiếp Nhựt                                  | Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Tài Văn | 400     |
|           |                                             | Salatel ấp Chắc Tung (Xóm Giữa)                 | Đường đal vào ấp Bung Chông                 | 400     |
|           |                                             | Cầu Tài Công                                    | Đường tỉnh 934B                             | 400     |
|           |                                             | Kênh Tiếp Nhựt (Cầu Chợ cũ)                     | Cầu ông Sóc (Xóm Ngọn)                      | 400     |
| 42.8      | Đường đal cặp kênh 96 Long Hưng (phía đông) | Suốt tuyến                                      |                                             | 400     |
| 42.9      | Đường đal phía Tây kênh 96 Long Hưng        | Kênh Tiếp Nhựt                                  | Đường tỉnh 934B                             | 400     |
| 42.10     | Đường đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh             | Suốt tuyến                                      |                                             | 400     |
| 42.11     | Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)              | Kênh Ông Liếm                                   | Cầu Tài Công                                | 400     |
| <b>43</b> | <b>Xã Liêu Tú</b>                           |                                                 |                                             |         |
| 43.1      | Đường tỉnh 934                              | Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng                    | Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú) | 1.500   |
|           |                                             | Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)     | Hết ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú     | 1.600   |
|           |                                             | Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú        | Cầu Trà Môn                                 | 1.500   |
|           |                                             | Cầu Trà Môn                                     | Hết ranh đất Cây xăng Thuận An              | 1.100   |
|           |                                             | Giáp ranh đất Cây xăng Thuận An                 | Giáp ranh xã Tài Văn                        | 1.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính     | Đoạn đường                                 |                                  | Giá đất |
|-------|---------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|       |                           | Từ                                         | Đến                              | VT1     |
| 43.2  | Đường tỉnh 936B           | Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng               | Cổng Tổng Cánh                   | 480     |
|       |                           | Cổng Tổng Cánh                             | Giáp ranh xã Thanh Thới An       | 550     |
| 43.3  | Đường tỉnh 934B           | Giáp ranh xã Trần Đề                       | Giáp ranh xã Long Phú            | 1.100   |
| 43.4  | Khu vực chợ Viên Bình     | Đường hai bên hông chợ Viên Bình           |                                  | 820     |
| 43.5  | Đường huyện 32            | Đường tỉnh 934                             | Chùa Lao Vên (Cầu Chùa Lao Vên)  | 1.000   |
|       |                           | Trường Mẫu giáo (Cầu Chùa Lao Vên)         | Đường tỉnh 936B                  | 500     |
| 43.6  | Đường huyện 36            | Suốt tuyến                                 |                                  | 500     |
| 43.7  | Đường Đại Nôn - Tổng Cánh | Đường tỉnh 934                             | Kênh Chệt Yệu                    | 450     |
|       |                           | Kênh Chệt Yệu                              | Cầu Tổng Cánh                    | 450     |
|       |                           | Cầu Tổng Cánh                              | Cổng Tổng Cánh (Đường tỉnh 936B) | 450     |
| 43.8  | Đường đal                 | Đầu ranh đất ông Trịnh Hữu Bình (Thầy Đức) | Cầu Ông Đảo                      | 400     |
|       |                           | Bến đò cũ Tổng Cánh qua đất ông Hải        | Hết ranh đất ông Tám Tạo         | 400     |
|       |                           | Cầu sắt ông Thại                           | Hết ranh đất ông Lâm Phel        | 400     |
|       |                           | Giáp ranh đất ông Tám Tạo                  | Đê ngăn mặn                      | 400     |
|       |                           | Giáp ranh đất ông Tô Văn Tĩnh              | Hết ranh đất ông Trần Phước Tâm  | 400     |
|       |                           | Đầu ranh đất ông Châu Ngọc Tân             | Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cơ   | 500     |
|       |                           | Đầu ranh đất Nhà ông Lưu Quốc Phong        | Cổng Tổng Cánh (Đường tỉnh 936B) | 400     |
|       |                           | Chùa Băng Phniết                           | Giáp ranh xã Trần Đề             | 400     |
| 43.9  | Đường đal chợ Viên Bình   | Chợ Viên Bình                              | Trường Mẫu giáo                  | 500     |
|       |                           | Đường tỉnh 934                             | Hết ranh Trường Mầm non Liêu Tú  | 500     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính            | Đoạn đường                                                |                                                       | Giá đất |
|-----------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------|
|           |                                  | Từ                                                        | Đến                                                   | VT1     |
| <b>44</b> | <b>Xã Lịch Hội Thượng</b>        |                                                           |                                                       |         |
| 44.1      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | Giáp ranh xã Trần Đề                                      | Giáp ranh xã Vĩnh Hải (Cầu Mỹ Thanh 2)                | 550     |
| 44.2      | Đường tỉnh 936B                  | Giáp ranh xã Liêu Tú                                      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                      | 550     |
| 44.3      | Đường tỉnh 934                   | Giáp ranh xã Trần Đề                                      | Cầu Hội Trung                                         | 2.000   |
|           |                                  | Cầu Hội Trung                                             | Cầu Huyện Đội                                         | 2.400   |
|           |                                  | Cầu Huyện Đội                                             | Hết ranh đất Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng  | 2.800   |
|           |                                  | Giáp ranh đất ông Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng | Giáp ranh xã Liêu Tú                                  | 1.900   |
| 44.4      | Đường tỉnh 933C                  | Giáp ranh xã Trần Đề                                      | Kênh Ba Mới                                           | 700     |
|           |                                  | Kênh Ba Mới                                               | Kênh Tư Mới                                           | 800     |
|           |                                  | Kênh Tư Mới                                               | Cầu Nhà máy Khánh Hưng                                | 1.000   |
|           |                                  | Đường tỉnh 934 (Lộ Sóc Giữa)                              | Ngã ba Chùa Pôthi Prúk                                | 1.500   |
|           |                                  | Ngã tư Hòa Đức                                            | Ngã tư cây Vông                                       | 3.400   |
|           |                                  | Ngã tư cây Vông                                           | Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp                               | 2.200   |
|           |                                  | Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp                                   | Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng          | 1.200   |
|           |                                  | Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng              | Hết ranh đất chùa Sóc Tia                             | 1.000   |
|           |                                  | Giáp ranh đất chùa Sóc Tia                                | Giáp ranh xã Trần Đề (Kênh Sáu Quế 1)                 | 700     |
| 44.5      | Đường Hai Bà Trưng               | Đường tỉnh 934                                            | Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A | 6.500   |
|           |                                  | Giáp ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A    | Hết ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng               | 9.500   |
|           |                                  | Giáp ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng                  | Ngã tư Phố Dưới                                       | 5.000   |
| 44.6      | Khu tái định cư Lịch Hội Thượng  | Đường trong Khu tái định cư                               |                                                       | 2.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính | Đoạn đường                               |                                              | Giá đất |
|-------|-----------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|       |                       | Từ                                       | Đến                                          | VT1     |
| 44.7  | Đường nhựa            | Đầu ranh Nhà ông Ngô Văn Nguyên          | Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Cam            | 9.500   |
|       |                       | Đầu ranh đất Nhà bà Trần Huyền Trang     | Hết ranh đất Nhà ông La Văn Trung            | 9.500   |
|       |                       | Ngã tư Ông Xưa                           | Ngã tư Hòa Đức                               | 6.500   |
|       |                       | Ngã tư Thanh Vân                         | Hết ranh đất Nhà ông Hấu                     | 7.000   |
|       |                       | Ngã tư ông Nía                           | Hết ranh quán cafe ông Ni                    | 7.000   |
|       |                       | Ngã tư Hòa Thành                         | Hết ranh đất Trường Tiểu học A               | 4.000   |
|       |                       | Ngã tư Hòa Đức                           | Hết ranh đất nhà bà Yến Ông Dín              | 4.200   |
|       |                       | Đầu quán Thanh Vân                       | Cổng Ông Hiệp                                | 3.500   |
|       |                       | Sân trước Chùa Ông Bồn                   | Giáp nhà lồng Chợ                            | 4.500   |
|       |                       | Sân trước Chùa Ông Bồn                   | Cầu Hội Đồng                                 | 3.400   |
|       |                       | Ngã tư Phố Dưới                          | Hết ranh đất Nhà ông Xía                     | 3.200   |
|       |                       | Giáp ranh đất Nhà ông Xía                | Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng | 1.400   |
|       |                       | Cổng Ông Hiệp                            | Cầu Vĩnh Tường                               | 3.200   |
|       |                       | Đầu ranh đất Chùa Phước Đức Cổ Miếu      | Cầu Vĩnh Tường                               | 2.500   |
| 44.8  | Các tuyến Hẻm         | Hẻm cặp Nhà ông Liên Tấn                 | Trường Tiểu học B                            | 1.800   |
|       |                       | Hẻm cặp Trường Tiểu học B                | Suốt hẻm                                     | 600     |
|       |                       | Hẻm nhà ông Tám Điếc                     | Suốt hẻm                                     | 700     |
|       |                       | Hẻm nhà ông Lâm Sướng                    | Suốt hẻm                                     | 700     |
|       |                       | Hẻm Quán Thanh Vân (cặp nhà ông Hấu)     | Giáp nhà lồng Chợ                            | 5.000   |
|       |                       | Hẻm Nhà ông Huỳnh Chứ                    | Suốt hẻm                                     | 600     |
| 44.9  | Đường đal             | Kênh Ông Thầy Pháp                       | Kênh Ông Vinh                                | 800     |
|       |                       | Đầu ranh đất Huyện Đội                   | Kênh Ông Vinh                                | 600     |
|       |                       | Đường Sóc Bì Hội Trung từ Đường tỉnh 934 | Đường tỉnh 933C (Ngã tư Cây Vông)            | 800     |
|       |                       | Kênh Thầy Pháp                           | Kênh Giồng Chát                              | 500     |
|       |                       | Đường đal cặp Nhà ông Dên                | Suốt tuyến                                   | 600     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                  | Đoạn đường                                |                                              | Giá đất |
|-----------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|           |                                                        | Từ                                        | Đến                                          | VT1     |
| 44.9      | Đường đal                                              | Cầu Vĩnh Tường                            | Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng       | 1.100   |
|           |                                                        | Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng    | Ngã ba Bằng Lăng                             | 800     |
|           |                                                        | Ngã tư Chùa Hội Phước                     | Quốc lộ 936B                                 | 500     |
| 44.10     | Đường gom Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng       | Giáp ranh xã Trần Đề                      | Giáp ranh xã Liêu Tú                         | 500     |
| 44.11     | Đường tránh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng     | Ngã ba Đường tỉnh 933C (Chùa Hai Ông Cọp) | Ngã ba Đường tỉnh 933C (Ngã ba Bằng Lăng)    | 700     |
| <b>45</b> | <b>Xã Trần Đề</b>                                      |                                           |                                              |         |
| 45.1      | Đường vào Khu tái định cư Nam Sông Hậu                 | Đường tỉnh 934                            | Đường Trục Đê bao An ninh Quốc phòng         | 2.100   |
| 45.2      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                       | Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)               | Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)                | 3.200   |
|           |                                                        | Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)             | Hết ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực       | 3.800   |
|           |                                                        | Giáp ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực   | Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)     | 4.200   |
|           |                                                        | Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)  | Cổng Bẫy Giá                                 | 3.800   |
|           |                                                        | Cổng Bẫy Giá                              | Cổng Tầm Vu                                  | 3.000   |
|           |                                                        | Cổng Tầm Vu                               | Hết ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó              | 3.000   |
|           |                                                        | Giáp ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó          | Cầu Sáu Quế 2                                | 2.500   |
|           |                                                        | Cầu Sáu Quế 2                             | Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng                 | 2.500   |
|           |                                                        | Cầu Ngan Rô                               | Kênh Quốc Hội                                | 1.500   |
| 45.3      | Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây không giáp kênh)        | Kênh Quốc Hội                             | Kênh Xả Chỉ - Long Phú                       | 1.200   |
|           |                                                        | Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)               | Đường đal (Giáp ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát) | 3.000   |
|           |                                                        | Đầu ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát           | Ngã ba Đường tỉnh 934B                       | 2.100   |
| 45.4      | Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây, giáp kênh thủy lợi cũ) | Ngã ba Đường tỉnh 934B                    | Kênh 2 Mới                                   | 3.000   |
|           |                                                        | Kênh 2 Mới                                | Hết ranh đất ông Trương Văn Đăng             | 3.200   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                             | Đoạn đường                                                       |                                                           | Giá đất |
|-------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
|       |                                                   | Từ                                                               | Đến                                                       | VT1     |
| 45.5  | Đường tỉnh 933C                                   | Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng                                     | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                          | 1.400   |
|       |                                                   | Giáp ranh xã Long Phú                                            | Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng (Kênh 1 mới)                 | 650     |
| 45.6  | Đường tỉnh 934                                    | Cầu Bấy Giá                                                      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba đèn xanh đèn đỏ) | 3.000   |
|       |                                                   | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Nhà ông Nghiêm)                | Đường 19 Tháng 5                                          | 2.800   |
|       |                                                   | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                 | Cầu Đen                                                   | 2.100   |
|       |                                                   | Cầu Đen                                                          | Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng                              | 1.500   |
| 45.7  | Đường tỉnh 934B                                   | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                 | Kênh Bồn Bồn                                              | 1.500   |
|       |                                                   | Kênh Bồn Bồn                                                     | Đường tỉnh 933C                                           | 1.300   |
|       |                                                   | Đường tỉnh 933C                                                  | Giáp ranh xã Liêu Tú                                      | 1.000   |
| 45.8  | Đường huyện 34                                    | Đầu ranh đất Nhà ông Chính Phương (Đối diện Thánh Thất Đại Ân 2) | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                          | 600     |
|       |                                                   | Cầu Bưng Cốc                                                     | Cổng Ông Til                                              | 700     |
|       |                                                   | Cổng Ông Til                                                     | Đường tỉnh 933C                                           | 550     |
|       |                                                   | Cầu Bưng Cốc                                                     | Đập Ngan Rô                                               | 600     |
| 45.9  | Đường 30 Tháng 4                                  | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                 | Đường vào Cảng cá Trần Đề                                 | 3.000   |
| 45.10 | Đường 19 Tháng 5                                  | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                 | Hết ranh đất Trại Biên phòng Trần Đề                      | 3.000   |
| 45.11 | Đường vào Khu hành chính                          | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                 | Đường Lăng Ông                                            | 3.000   |
| 45.12 | Đường 27 Tháng 7                                  | Đường tỉnh 934                                                   | Đường Lăng Ông                                            | 1.800   |
| 45.13 | Đường 22 Tháng 12                                 | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                 | Giáp ranh đất Công an huyện (cũ)                          | 1.800   |
| 45.14 | Đường Lăng Ông                                    | Đường 19 Tháng 5 (Đi Lăng Ông)                                   | Đường vào Khu tái định cư                                 | 1.600   |
| 45.15 | Đường Võ Thị Sáu (N1)                             | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                 | Trục Đê bao An ninh Quốc phòng                            | 3.000   |
| 45.16 | Đường từ Kênh Tư đến Cổng Bấy Giá                 | Cầu Kênh Tư                                                      | Đê ngăn mặn                                               | 2.500   |
| 45.17 | Đường vào Khu tái định cư Khu Công nghiệp Trần Đề | Suốt tuyến                                                       |                                                           | 4.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                   | Đoạn đường                                 |                                               | Giá đất |
|-------|-----------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|       |                                         | Từ                                         | Đến                                           | VT1     |
| 45.18 | Đường đal nối bến phà Cù Lao Dung       | Đầu ranh nhà ông Phan Văn Minh             | Bến Phà đi Cù Lao Dung                        | 1.300   |
| 45.19 | Đê ngăn mặn                             | Đường 30 Tháng 4                           | Kênh 2                                        | 1.300   |
|       |                                         | Kênh 2                                     | Hết ranh Khu công nghiệp                      | 1.000   |
|       |                                         | Giáp ranh Khu công nghiệp                  | Hết ranh đất bà Trần Thị Thanh Trinh          | 1.000   |
|       |                                         | Giáp ranh Trung tâm thương mại             | Ngã tư Khu hành chính                         | 1.800   |
|       |                                         | Ngã tư Khu hành chính                      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)              | 1.300   |
| 45.20 | Đường Trục Đê bao và An ninh Quốc Phòng | Đầu ranh Bến tàu SuperDong                 | Ngã tư Khu hành chính                         | 3.000   |
| 45.21 | Khu vực trong Cảng cá Trần Đề           | Khu vực dịch vụ gồm 02 khu vực: 4, 5       |                                               | 1.500   |
|       |                                         | Khu vực sản xuất gồm 03 khu vực: 1, 2, 3   |                                               | 1.300   |
| 45.22 | Đường phía sau Công an huyện (cũ)       | Đường 22 Tháng 12                          | Đường Đê ngăn mặn                             | 1.000   |
| 45.23 | Đường đal (Hướng đi Nhà ông Hóa)        | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)           | Cuối đường (Kênh Bạc Hia)                     | 700     |
| 45.24 | Đường đal Kinh 3                        | Suốt tuyến                                 |                                               | 700     |
| 45.25 | Đường đal                               | Đường tỉnh 934                             | Hết ranh đất Trường Tiểu học Trần Đề A        | 1.000   |
|       |                                         | Giáp ranh đất Trụ sở Đảng Ủy (cũ)          | Hết ranh đất Nhà Thầy Hòa                     | 820     |
|       |                                         | Giáp ranh Nhà Thầy Hòa                     | Cổng sau Nhà thờ Bấy Giá                      | 600     |
|       |                                         | Đường Quân khu từ Đường tỉnh 934           | Hết ranh đất Nhà ông Mười Sọ                  | 1.000   |
|       |                                         | Giáp ranh đất Nhà ông Mười Sọ              | Cầu 30 Tháng 4                                | 720     |
|       |                                         | Đường Mỏ Ó Tuyến 2                         | Suốt tuyến                                    | 820     |
| 45.26 | Đường đal (Cặp Kênh 01)                 | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)           | Đường đal Đê ngăn mặn                         | 700     |
| 45.27 | Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)          | Suốt tuyến                                 |                                               | 700     |
| 45.28 | Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ       | Đầu ranh Nhà ông Thầy Nhu (Đường huyện 34) | Suốt tuyến giáp Sông Ngan Rô (Đường huyện 34) | 1.000   |
|       |                                         | Đầu ranh đất Nhà ông Trí Nguyễn            | Hết ranh quán Cafe Ông Vinh (Đường huyện 34)  | 1.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                         | Đoạn đường                               |                                              | Giá đất |
|-------|-----------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|       |                                               | Từ                                       | Đến                                          | VT1     |
| 45.29 | Đường cấp Chợ Bấy Giá (Hai bên)               | Đường tỉnh 934                           | Hết ranh Chợ Bấy Giá                         | 1.000   |
| 45.30 | Đường trong Khu dân cư ấp Mỏ Ó                | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | Đường tỉnh 933C                              | 700     |
|       |                                               | Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư |                                              | 500     |
| 45.31 | Đường đal Cống 2 (Ông Khinh)                  | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | Kênh Sáu Quế 1                               | 600     |
| 45.32 | Đường đal (Cấp kênh 6 Quế 2)                  | Đường tỉnh 933C                          | Kênh 80                                      | 600     |
| 45.33 | Đường Kênh Ông Phục                           | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | Kênh Sáu Quế 1                               | 600     |
| 45.34 | Đường đal Kênh Hai Dao                        | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | Đường tỉnh 934                               | 500     |
| 45.35 | Đường đal cấp Trường Tiểu học Trần Đề B (mới) | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | Đường tỉnh 934                               | 500     |
| 45.36 | Đường đal (sau Đường 19 Tháng 5)              | Đường đal Lăng Ông                       | Ranh đất ông Nguyễn Văn Cờ                   | 500     |
| 45.37 | Đường đal Kênh 2                              | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | Đường Đê ngăn mặn                            | 500     |
| 45.38 | Đường đal Kênh 1 trong                        | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | Đường đal cấp Kênh Bồn Bồn                   | 600     |
| 45.39 | Đường đal (Đê ngăn mặn cũ)                    | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)         | Đường tỉnh 934                               | 500     |
| 45.40 | Đường đal cấp Nhà ông Triệu Sự                | Đường tỉnh 934                           | Kênh Tiếp Nhứt                               | 500     |
| 45.41 | Đường đal cấp Nhà ông Châu Văn Liên           | Đê ngăn mặn                              | Hết ranh đất Nhà ông Hứa Văn Dũng            | 500     |
| 45.42 | Đường đal Khu 3                               | Đường tỉnh 934 (cũ)                      | Đường đal cấp Kênh Tiếp Nhứt                 | 600     |
| 45.43 | Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ             | Ngã ba Trụ sở UBND xã Trần Đề            | Hết ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Liễu          | 500     |
|       |                                               | Giáp ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Khánh    | Hết ranh Nhà ông Dư Văn Lập (Đường huyện 34) | 500     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                        | Đoạn đường                                             |                                               | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                                              | Từ                                                     | Đến                                           | VT1     |
| 45.44     | Đường đal                                    | Giáp ranh Nhà thờ Bầy Giá (Nhà ông Tây)                | Hết ranh đất Nhà ông Năm Mẫn                  | 600     |
|           |                                              | Cầu 30 Tháng 4                                         | Cổng Tầm Vu                                   | 600     |
|           |                                              | Đường Quân Khu                                         | Đường nhựa vào Nhà thờ                        | 600     |
|           |                                              | Đê ngăn mặn từ Cổng Bầy Giá                            | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Hướng Mỏ Ó) | 600     |
|           |                                              | Đập Ngan Rô (cũ)                                       | Miếu Bà                                       | 550     |
|           |                                              | Kênh Bồn Bồn qua đầu cầu Chợ                           | Cầu Nhà Ông Mỏ                                | 600     |
|           |                                              | Cầu Thanh Niên (Kênh Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)) | Kênh 1                                        | 600     |
|           |                                              | Ngã ba Kênh Tiếp Nhựt                                  | Chùa Đon Kđôn                                 | 600     |
|           |                                              | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                       | Chùa Đon Kđôn                                 | 600     |
|           |                                              | Đường tỉnh 934                                         | Chùa Đon Kđôn                                 | 550     |
| 45.45     | Đường N2                                     | Suốt tuyến                                             |                                               | 1.000   |
| <b>46</b> | <b>Xã An Thạnh</b>                           |                                                        |                                               |         |
| 46.1      | Quốc lộ 60 (Phà Đại Ngãi)                    | Bến phà phía sông Đại Ngãi                             | Bến phà phía sông Trà Vinh                    | 2.000   |
| 46.2      | Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi)                    | Cầu Đại Ngãi 1 (Thuộc ấp Đặng Trung Tiến)              | Cầu Đại Ngãi 2 (Thuộc ấp An Phú A)            | 2.000   |
| 46.3      | Đường tỉnh 933B                              | Bến phà Kênh Đào                                       | Đường giao thông nông thôn Rạch Su            | 1.800   |
|           |                                              | Đường giao thông nông thôn Rạch Su                     | Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)               | 1.680   |
|           |                                              | Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)                        | Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)            | 1.500   |
|           |                                              | Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)                     | Đường Hùng Vương                              | 1.500   |
| 46.4      | Đường huyện 10                               | Ngã ba Đường tỉnh 933B (Nhà bà Lê Thị Nguyệt)          | Hết ranh đất Cơ sở giáo dục Cồn Cát           | 900     |
|           |                                              | Cầu Cồn Cát                                            | Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Cầu Khém Sâu)       | 450     |
| 46.5      | Đường nhựa dẫn ra đê Tả Hữu (Đường huyện 10) | Đường huyện 10 (Cồn Cát)                               | Đê Tả Hữu                                     | 450     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính | Đoạn đường                                             |                                                        | Giá đất |
|-------|-----------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|
|       |                       | Từ                                                     | Đến                                                    | VT1     |
| 46.6  | Đường huyện 11        | Nhà ông Mạnh Ngọc Phong                                | Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)                            | 750     |
|       |                       | Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)                            | Cầu Ông Út Quận + 80m                                  | 600     |
|       |                       | Cầu ông Út Quận + 80m                                  | Cầu Rạch Giữa                                          | 500     |
|       |                       | Cầu Rạch Giữa                                          | Cầu Tư Giáo (Ông Thầy Nhỏ)                             | 450     |
| 46.7  | Đường huyện 12A       | Cầu Đoàn Thế Trung                                     | Cầu Bần Cầu (giáp xã Cù Lao Dung)                      | 850     |
| 46.8  | Đường huyện 12B       | Đường Hùng Vương                                       | Cầu Bến Bạ                                             | 1.800   |
|       |                       | Cầu Bến Bạ                                             | Đường huyện 11                                         | 1.300   |
|       |                       | Ngã ba ấp Trương Công Nhựt                             | Cầu Lòng Đàm                                           | 1.000   |
| 46.9  | Đường huyện 13        | Đường huyện 11                                         | Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Sông Bến Bạ)                 | 450     |
| 46.10 | Đường Đồng Khởi       | Đường Xóm Cũi                                          | Hết ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)     | 3.800   |
|       |                       | Giáp ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)    | Đường huyện 12B                                        | 3.400   |
|       |                       | Đường Xóm Cũi                                          | Cầu Bến Bạ nhỏ                                         | 3.800   |
| 46.11 | Đường Xóm Cũi         | Đường Đồng Khởi                                        | Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài | 3.400   |
|       |                       | Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài | Đường số 1                                             | 1.400   |
| 46.12 | Đường Đoàn Thế Trung  | Chợ Bến Bạ                                             | Ngã tư giao Đường Hùng Vương                           | 4.200   |
|       |                       | Ngã tư giao Đường Hùng Vương                           | Cầu Đoàn Thế Trung                                     | 3.700   |
| 46.13 | Đường Hùng Vương      | Đường tỉnh 933B                                        | Đường 3 Tháng 2                                        | 1.500   |
|       |                       | Đường 3 Tháng 2                                        | Hết ranh đất Cây xăng Lê Vũ                            | 3.000   |
|       |                       | Giáp ranh đất Cây xăng Lê Vũ                           | Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp xã Cù Lao Dung)                | 2.200   |
| 46.14 | Đường 30 Tháng 4      | Đường Hùng Vương                                       | Hết ranh đất Bệnh viện mới                             | 1.000   |
|       |                       | Giáp ranh đất Bệnh viện mới                            | Sông Cồn Tròn                                          | 600     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                      | Đoạn đường                                    |                                                                    | Giá đất |
|-------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------|
|       |                                                            | Từ                                            | Đến                                                                | VT1     |
| 46.15 | Đường 3 Tháng 2                                            | Đường Đồng Khởi                               | Đường Hùng Vương                                                   | 1.800   |
| 46.16 | Đường số 1                                                 | Đường Đoàn Thế Trung                          | Đường Đoàn Văn Tố                                                  | 2.100   |
| 46.17 | Đường Lương Định Của<br>(Đường 20 Tháng 11) (cũ)           | Đường 3 Tháng 2                               | Đường Đoàn Văn Tố                                                  | 1.400   |
|       |                                                            | Đường Đoàn Văn Tố                             | Ngã ba giao Đường đal<br>với Đường Xóm Cũi                         | 1.400   |
| 46.18 | Đường Đoàn Văn Tố                                          | Đường Đồng Khởi                               | Đường Hùng Vương                                                   | 1.800   |
| 46.19 | Đường Nguyễn Trung<br>Trực                                 | Đường Đoàn Thế Trung                          | Hết ranh đất Trường Tiểu<br>học Cù Lao Dung                        | 700     |
| 46.20 | Đường hai bên hông Chợ<br>Bến Bạ                           | Suốt tuyến                                    |                                                                    | 6.000   |
| 46.21 | Đường N2                                                   | Đường Đoàn Thế Trung                          | Giáp ranh đất Đình<br>Nguyễn Trung Trực                            | 650     |
| 46.22 | Đường N4                                                   | Đường Nguyễn Trung Trực<br>nối dài            | Đường 30 Tháng 4                                                   | 650     |
| 46.23 | Đường N6                                                   | Đường 3 Tháng 2                               | Hết ranh đất Nhà mẹ Việt<br>Nam Anh Hùng Phan Thị<br>Tinh (Ấp Chợ) | 1.635   |
| 46.24 | Đường D3                                                   | Đường tỉnh 933B                               | Đường Rạch Lá                                                      | 1.635   |
| 46.25 | Đường D4                                                   | Đường tỉnh 933B                               | Đường 1 Tháng 5                                                    | 1.635   |
| 46.26 | Đường Xóm 5                                                | Đường Đoàn Thế Trung                          | Đường huyện 12B                                                    | 1.400   |
| 46.27 | Đường 1 Tháng 5                                            | Đường 3 Tháng 2                               | Đường Hùng Vương                                                   | 700     |
|       |                                                            | Cầu Bến Bạ nhỏ                                | Ngã ba Đường 1 Tháng 5                                             | 550     |
| 46.28 | Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt<br>- Rạch Sung                     | Đường 1 Tháng 5                               | Rạch Sung                                                          | 600     |
|       |                                                            | Ngã ba Đường nhánh rẽ<br>Rạch Vẹt - Rạch Sung | Đê sông Bến Bạ                                                     | 500     |
| 46.29 | Đường đal (Đất Nhà ông<br>Út Phiếu)                        | Đường bên hông Chợ Bến<br>Bạ                  | Rạch Thông Hảo                                                     | 2.100   |
| 46.30 | Hẻm (Đất ông Mau)                                          | Đường Đoàn Thế Trung                          | Rạch Thông Hảo                                                     | 1.500   |
| 46.31 | Hẻm (Đất ông 9 Mỹ)                                         | Đường Đoàn Thế Trung                          | Rạch Thông Hảo                                                     | 1.500   |
| 46.32 | Hẻm (Đất ông Diệp<br>Thanh Tùng)                           | Đường Đoàn Thế Trung                          | Rạch Thông Hảo                                                     | 1.500   |
| 46.33 | Đường giao thông nông<br>thôn (Đường 3 Tháng 2<br>nối dài) | Đường Hùng Vương                              | Sông Cồn Tròn                                                      | 700     |
| 46.34 | Đường Rạch Lá                                              | Đường 3 Tháng 2                               | Đường Rạch Già lớn                                                 | 600     |
| 46.35 | Đường đal (Cầu Bến Bạ -<br>Trại của Ông Diệu)              | Cầu Bến Bạ                                    | Hết ranh đất Trại của Ông<br>Diệu                                  | 2.100   |
|       |                                                            | Giáp ranh đất Trại của Ông<br>Diệu            | Kênh Đình Trụ                                                      | 1.600   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                | Đoạn đường                                           |                                              | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|       |                                                                      | Từ                                                   | Đến                                          | VT1     |
| 46.36 | Đường Rạch Già Lớn                                                   | Đường Hùng Vương                                     | Sông Cồn Tròn                                | 500     |
| 46.37 | Đường giao thông nông thôn Kênh Đào - Đầu Cù Lao                     | Cầu Kênh Đào (Đầu ranh đất ông Hồ Văn Mạnh)          | Đê Tả Hữu                                    | 1.100   |
| 46.38 | Khu tái định cư An Thạnh Tây                                         | Đường trong Khu tái định cư                          |                                              | 1.803   |
| 46.39 | Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai | Đường trong Khu tái định cư                          |                                              | 940     |
| 46.40 | Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai | Đường trong Khu tái định cư                          |                                              | 868     |
| 46.41 | Đường giao thông nông thôn Rạch Đồi                                  | Đường tỉnh 933B (Nhà Hà Văn Thoàn)                   | Đê Tả Hữu                                    | 600     |
| 46.42 | Đường đal Rạch Trầu                                                  | Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Hồng Văn Y)            | Đê Tả Hữu                                    | 600     |
| 46.43 | Đường đal Rạch Su                                                    | Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Tư Kiệt)               | Đê Tả Hữu                                    | 600     |
| 46.44 | Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)                                    | Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Lê Quốc Tùng)      | Quốc lộ 60                                   | 800     |
| 46.45 | Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía dưới)                                    | Đường tỉnh 933B (Cầu Phong Lưu)                      | Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)            | 800     |
| 46.46 | Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (Phía trên)                     | Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh Quốc Hoàng)  | Đê Tả Hữu                                    | 600     |
| 46.47 | Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (Phía dưới)                     | Đường tỉnh 933B (Nhà ông Trần Văn Hùng)              | Đê Tả Hữu                                    | 600     |
| 46.48 | Đường đal Xóm Chùa                                                   | Đầu đất ông Đào Văn Oanh                             | Đường huyện 10 (chợ Long Ân)                 | 600     |
| 46.49 | Đường giao thông nông thôn Mương Cui                                 | Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền) | Hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Kịch          | 600     |
|       |                                                                      | Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền) | Hết ranh đất Nhà ông Đào Văn Quyện           | 600     |
| 46.50 | Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía trên)                      | Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Cẩn) | Đê Tả Hữu (Hết đất Nhà ông Nguyễn Văn Trong) | 550     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                               | Đoạn đường                                     |                                              | Giá đất |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                     | Từ                                             | Đến                                          | VT1     |
| 46.51     | Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía dưới)                                     | Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất bà Tự)           | Cầu Rạch Trê (hết đất ông On)                | 600     |
| 46.52     | Đường giao thông nông thôn Rạch Ông Cột                                             | Đường tỉnh 933B (Cầu Rạch Ông Cột)             | Hết ranh đất ông Võ Văn Phong                | 450     |
| 46.53     | Đường giao thông nông thôn Rạch Sâu                                                 | Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh)       | Giáp ranh Cầu nhà Út Gia                     | 850     |
| 46.54     | Đường Rạch sâu (Lộ giao thông nông thôn Rạch Sâu)                                   | Đường tỉnh 933B (nhà ông Trương Hoàng Vân)     | Cầu Chín Khánh                               | 700     |
| 46.55     | Đường đal trước UBND xã An Thạnh Đông cũ                                            | Đường huyện 11 (Cầu Lồng Đầm)                  | Hết ranh đất Trạm Y tế xã An Thạnh Đông (cũ) | 550     |
| 46.56     | Đường đền thờ Bác                                                                   | Đường huyện 11 (Cầu Lồng Đầm)                  | Hết ranh đất Đền thờ Bác                     | 550     |
| 46.57     | Lộ Tẻ Vàm Tắc                                                                       | Đường huyện 11 (Cầu Lồng Đầm)                  | Bến phà Vàm Tắc                              | 400     |
| 46.58     | Đường nhánh rẽ Quốc lộ 60 - Rạch Su                                                 | Quốc lộ 60 (Đầu ranh đất ông Thịnh)            | Đường giao thông nông thôn Rạch Su           | 750     |
| 46.59     | Đường nối giữa đường Đoàn Thế Trung với đường 3 Tháng 2 qua nhà Sinh hoạt cộng đồng | Đường Đoàn Thế Trung                           | Đường 3 Tháng 2                              | 500     |
| 46.60     | Đường Bình Linh - Đầu Lá                                                            | Đường Bình Linh phía dưới                      | Đường Rạch Đầu Lá                            | 500     |
| 46.61     | Đường Rạch Đầu Lá                                                                   | Đường tỉnh 933B (Chín Lâm)                     | Út Xứ                                        | 450     |
| 46.62     | Đường Bình Linh (Phía trên)                                                         | Đường tỉnh 933B                                | Bến đò Bình Linh                             | 450     |
| 46.63     | Đường vào Bến đò Bình Linh                                                          | Đường Cồn Chính Liên Vai trước (Nhà Mười Huru) | Bến đò Bình Linh                             | 450     |
| <b>47</b> | <b>Xã Cù Lao Dung</b>                                                               |                                                |                                              |         |
| 47.1      | Đường tỉnh 933B                                                                     | Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp ranh xã An Thạnh)      | Đường tỉnh 933                               | 1.500   |
|           |                                                                                     | Đường tỉnh 933                                 | Đường đal ông Sáu                            | 1.200   |
|           |                                                                                     | Đường đal Ông Sáu                              | Cầu Rạch Tráng                               | 2.000   |
|           |                                                                                     | Cầu Rạch Tráng                                 | Đê biển                                      | 850     |
|           |                                                                                     | Cầu Rạch Tráng                                 | Cầu Năm Lèn                                  | 900     |
|           |                                                                                     | Cầu Năm Lèn                                    | Đê biển                                      | 1.000   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                | Đoạn đường                         |                                                                     | Giá đất |
|-----------|------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                      | Từ                                 | Đến                                                                 | VT1     |
| 47.2      | Đường tỉnh 933                                       | Đường tỉnh 933B                    | Bến phà Đại Ân 1                                                    | 860     |
| 47.3      | Tuyến tránh Đường tỉnh 933B                          | Ngã ba Vòng xuyên (Giáp UBND xã)   | Đường tỉnh 933B                                                     | 1.000   |
| 47.4      | Đường huyện 10                                       | Cầu Khém Sâu                       | Rạch Đôi                                                            | 700     |
|           |                                                      | Rạch Đôi                           | Đê bao Tả Hữu (Đường huyện 10)                                      | 500     |
|           |                                                      | Cầu Mười Kính                      | Đê bao Tả Hữu                                                       | 820     |
| 47.5      | Đường huyện 12A                                      | Đường huyện 10                     | Giáp ranh xã An Thạnh (Cầu Bần Cầu)                                 | 820     |
| 47.6      | Đường huyện 13                                       | Đường huyện 10                     | Đê bao sông Cồn Tròn                                                | 820     |
|           |                                                      | Đường huyện 10                     | Đê bao sông Bến Bạ                                                  | 670     |
| 47.7      | Đường huyện 14                                       | Đường huyện 10                     | Đê bao Tả Hữu                                                       | 820     |
|           |                                                      | Đường tỉnh 933B                    | Đường huyện 10                                                      | 560     |
| 47.8      | Đường bên hông chợ Rạch Tráng                        | Đầu ranh đất Nhà ông Út Nhịn       | Hết ranh đất Nhà ông Trang Văn Gầm                                  | 2.400   |
|           |                                                      | Đầu ranh đất Nhà ông Ứng           | Hết ranh đất Nhà ông Lương Hoàng Thiện                              | 2.400   |
| 47.9      | Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng | Đầu ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Ân | Hết ranh đất Nhà ông Được                                           | 2.400   |
| 47.10     | Đường đal mé sông                                    | Đầu ranh đất Nhà ông Sáu Cứng      | Xẻo Ông Đồng                                                        | 2.100   |
| 47.11     | Đường giao thông nông thôn                           | Cầu Sáu Cứng                       | Hết ranh đất Nhà ông Gầm                                            | 1.800   |
|           |                                                      | Giáp ranh đất Nhà ông Gầm          | Đường tỉnh 933B                                                     | 1.300   |
| 47.12     | Đường đal                                            | Cầu Mười Kính                      | Đê bao Tả Hữu                                                       | 500     |
|           |                                                      | Đường đal Trạm Y tế                | Đường tỉnh 933B (Rạch Mương Cột)                                    | 750     |
| 47.13     | Đường đal Trạm Y tế                                  | Đường tỉnh 933B (Rạch Tráng)       | Rạch Mương Cột                                                      | 1.500   |
| 47.14     | Đường đal Ông Tám                                    | Đường tỉnh 933B                    | Cầu Bà Hời                                                          | 650     |
| 47.15     | Đường giao thông nông thôn Ba Hùm                    | Đường tỉnh 933B                    | Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng                | 550     |
| <b>48</b> | <b>Xã Phong Năm</b>                                  |                                    |                                                                     |         |
| 48.1      | Đường huyện 1                                        | Giáp ranh đất Tổ Điện lực          | Bến phà đầu còn hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Khoa, ấp Phong Thạnh | 400     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                       | Đoạn đường                                     |                                                             | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                             | Từ                                             | Đến                                                         | VT1     |
| 48.2      | Khu vực xã                                  | Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã                    | Hết ranh đất Tổ Điện lực (Qua Ngã ba Trường THCS Phong Nẫm) | 450     |
|           |                                             | Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã                   | Hết ranh đất Tư Suôi                                        | 450     |
|           |                                             | Giáp ranh đất Tư Suôi                          | Cầu Bà Xe                                                   | 500     |
|           |                                             | Ngã ba Trường THCS Phong Nẫm                   | Cầu Bà Xe                                                   | 450     |
| <b>49</b> | <b>Xã Mỹ Phước</b>                          |                                                |                                                             |         |
| 49.1      | Đường tỉnh 939 (Đường Lâm Trường Phước Thọ) | Suốt tuyến                                     |                                                             | 500     |
| 49.2      | Đường huyện 81                              | Đường huyện 84                                 | Giáp ranh xã Long Hưng                                      | 500     |
| 49.3      | Đường huyện 82                              | Kênh số 3 (Giáp ranh xã Mỹ Tú)                 | Hết ranh đất Trạm Y tế                                      | 600     |
|           |                                             | Giáp ranh đất Trạm Y tế                        | Cầu Ba Trí                                                  | 750     |
|           |                                             | Cầu Ba Trí                                     | Giáp ranh phường Ngã Năm                                    | 600     |
| 49.4      | Đường huyện 84                              | Suốt tuyến                                     |                                                             | 350     |
| 49.5      | Khu vực chợ                                 | Các Đường bên dãy nhà lồng chợ                 |                                                             | 700     |
| 49.6      | Đường vào Khu căn cứ                        | Đường huyện 82                                 | Khu căn cứ                                                  | 500     |
| 49.7      | Đường Bắc Quản lộ Nhu Gia                   | Suốt tuyến                                     |                                                             | 430     |
| <b>50</b> | <b>Xã Lai Hòa</b>                           |                                                |                                                             |         |
| 50.1      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)            | Giáp ranh tỉnh Cà Mau                          | Đầu ranh đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương     | 2.800   |
|           |                                             | Nhà ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương | Cổng Xẻo Cốc                                                | 3.500   |
|           |                                             | Cổng Xẻo Cốc                                   | Giáp ranh phường Vĩnh Phước                                 | 2.100   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính             | Đoạn đường                                                     |                                                                | Giá đất |
|-------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------|
|       |                                   | Từ                                                             | Đến                                                            | VT1     |
| 50.2  | Đường huyện 48                    | Giáp ranh tỉnh Cà Mau                                          | Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy | 850     |
|       |                                   | Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy | Hết ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phưol           | 1.800   |
|       |                                   | Giáp ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phưol          | Giáp ranh phường Vĩnh Phước                                    | 850     |
| 50.3  | Đường huyện 47C                   | Đường huyện 40 (Đê sông)                                       | Hết ranh đất Miếu Ông Bồn                                      | 600     |
|       |                                   | Giáp ranh đất Miếu Ông Bồn                                     | Hết ranh đất ông Thạch Váth                                    | 1.300   |
|       |                                   | Giáp ranh đất ông Thạch Váth                                   | Cầu Kênh KN2                                                   | 900     |
|       |                                   | Cầu Kênh KN2                                                   | Đường huyện 48                                                 | 1.300   |
| 50.4  | Đường huyện 40                    | Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)                     | Giáp ranh tỉnh Cà Mau                                          | 350     |
| 50.5  | Đường huyện 42                    | Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)                     | Đường huyện 47C                                                | 350     |
| 50.6  | Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)   | Giáp ranh phường Vĩnh Phước                                    | Giáp ranh tỉnh Cà Mau                                          | 450     |
| 50.7  | Đường đal Tà Bôn                  | Suốt tuyến                                                     |                                                                | 950     |
| 50.8  | Đường đal Khu 5 Lai Hòa           | Suốt tuyến                                                     |                                                                | 950     |
| 50.9  | Đường đal Prey Chóp - Xung Thum A | Đường huyện 47C                                                | Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)                      | 1.300   |
|       |                                   | Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)                      | Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng                                | 900     |
|       |                                   | Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng                                | Hết ranh Chùa Xung Thum                                        | 950     |
| 50.10 | Đường đal Prey Chóp - Prey Chóp A | Đường huyện 47C                                                | Hết ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl                     | 1.300   |
|       |                                   | Giáp ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl                    | Giáp ranh tỉnh Cà Mau                                          | 1.000   |
| 50.11 | Đường chợ Lai Hòa                 | Hai bên nhà lồng chợ Lai Hòa                                   |                                                                | 3.000   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính            | Đoạn đường                               |                                               | Giá đất |
|-----------|----------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                                  | Từ                                       | Đến                                           | VT1     |
| <b>51</b> | <b>Xã Vĩnh Hải</b>               |                                          |                                               |         |
| 51.1      | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | Cầu Mỹ Thanh                             | Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4       | 1.500   |
|           |                                  | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4 | Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải             | 1.300   |
|           |                                  | Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải        | Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3       | 1.900   |
|           |                                  | Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3 | Giáp ranh phường Vĩnh Châu                    | 1.300   |
| 51.2      | Đường tỉnh 113 (cũ)              | Miếu Hên Vũ (Đường Nam Sông Hậu)         | Hết ranh đất Công ty Ông Chái                 | 750     |
|           |                                  | Giáp ranh đất Công ty Ông Chái           | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)              | 750     |
| 51.3      | Đường huyện 43                   | Suốt tuyến                               |                                               | 820     |
| 51.4      | Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)  | Cầu Giồng Chùa                           | Cổng 17                                       | 450     |
|           |                                  | Cổng 17                                  | Khu dân cư An Lạc                             | 450     |
|           |                                  | Khu dân cư An Lạc                        | Giáp ranh phường Vĩnh Châu                    | 450     |
| 51.5      | Lộ Bà Len                        | Đường huyện 43                           | Đường Nam Sông Hậu                            | 750     |
|           |                                  | Đường Nam Sông Hậu                       | Đường đal Khu dân cư An Lạc                   | 750     |
| 51.6      | Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể         | Đường Nam Sông Hậu                       | Đường đal giáp nước                           | 700     |
|           |                                  | Đường đal giáp nước                      | Giáp Chùa Quan Âm Đông Hải                    | 500     |
| <b>52</b> | <b>Xã Hỏa Lựu</b>                |                                          |                                               |         |
| 52.1      | Quốc lộ 61                       | Cầu Rạch Gốc                             | Cầu Cái Tư                                    | 5.050   |
| 52.2      | Đường Đồng Khởi                  | Cầu Xáng Hậu                             | Cầu Vườn Cò                                   | 1.695   |
| 52.3      | Đường Giải Phóng                 | Cầu Vườn Cò                              | Đường Phạm Hùng                               | 1.800   |
| 52.4      | Đường Rạch Gốc (Kênh mới)        | Quốc lộ 61                               | Kênh Đê                                       | 1.100   |
| 52.5      | Đường Phạm Hùng                  | Quốc lộ 61                               | Cầu Hốc Hỏa                                   | 1.140   |
|           |                                  | Cầu Hốc Hỏa                              | Đường Kênh 5                                  | 1.000   |
| 52.6      | Đường Thanh Niên                 | Đường Kênh 5                             | Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2) | 880     |
| 52.7      | Đường Độc Lập                    | Đường Thanh Niên                         | Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2) | 750     |
| 52.8      | Đường Nguyễn Chí Thanh           | Kênh Xáng Hậu                            | Quốc lộ 61C                                   | 2.750   |
| 52.9      | Khu dân cư xã Tân Tiến (cũ)      | Đường số 1, 2                            |                                               | 2.800   |
|           |                                  | Đường số 3                               |                                               | 2.000   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                      | Đoạn đường                                |                              | Giá đất |
|-----------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------|---------|
|           |                                            | Từ                                        | Đến                          | VT1     |
| 52.10     | Quốc lộ 61C                                | Giáp ranh phường Vị Thanh                 | Quốc lộ 61                   | 2.880   |
| 52.11     | Quốc lộ 61 (cũ)                            | Quốc lộ 61                                | Bến phà Cái Tư (cũ)          | 2.550   |
| 52.12     | Khu dân cư nông thôn mới và chợ xã Hỏa Lựu | Đường số 1, số 2, số 3, số 4              | Đường Phạm Hùng              | 2.100   |
| 52.13     | Đường Sông Cái Lớn                         | Quốc lộ 61 (cũ)                           | Đường Phạm Hùng              | 1.000   |
| 52.14     | Đường Hóc Hỏa                              | Cầu Hóc Hỏa                               | Cầu Hai Tường                | 625     |
| <b>53</b> | <b>Xã Vị Thủy</b>                          |                                           |                              |         |
| 53.1      | Quốc lộ 61C                                | Kênh Ba Liên                              | Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông | 3.500   |
|           |                                            | Kênh Ba Liên                              | Ranh xã Vị Thanh 1           | 2.640   |
| 53.2      | Đại lộ Võ Nguyên Giáp                      | Giáp ranh phường Vị Tân                   | Vòng xoay cầu Mương Lộ       | 5.200   |
| 53.3      | Quốc lộ 61                                 | Giáp ranh phường Vị Tân (Đường 3 Tháng 2) | Vòng xoay cầu Mương Lộ       | 5.200   |
|           |                                            | Vòng xoay Cầu Mương Lộ                    | Cầu thủy lợi                 | 4.480   |
|           |                                            | Cầu thủy lợi                              | Cổng Hai Lai                 | 3.600   |
|           |                                            | Đường 3 Tháng 2                           | Giáp ranh phường Long Bình   | 4.800   |
| 53.4      | Đường tỉnh 925D                            | Cầu Thủ Bồn                               | Giáp ranh xã Vĩnh Tường      | 1.998   |
| 53.5      | Đường 30 Tháng 4                           | Cổng Hai Lai                              | Hết ranh Trạm Biến Điện      | 4.050   |
|           |                                            | Giáp ranh Trạm Biến Điện                  | Cầu Nàng Mau                 | 8.475   |
|           |                                            | Cầu Nàng Mau                              | Đường 3 Tháng 2              | 4.050   |
| 53.6      | Đường Ngô Quốc Trị                         | Đường Nguyễn Huệ                          | Đường Nguyễn Chí Thanh       | 6.525   |
| 53.7      | Đường Hùng Vương                           | Đường Ngô Quốc Trị                        | Đường Nguyễn Tri Phương      | 6.525   |
| 53.8      | Đường Lê Quý Đôn                           | Đường Nguyễn Huệ                          | Đường Nguyễn Trung Trực      | 5.000   |
|           |                                            | Đường Nguyễn Chí Thanh                    | Đường Nguyễn Trung Trực      | 5.600   |
| 53.9      | Đường Nguyễn Tri Phương                    | Đường Nguyễn Huệ                          | Đường Nguyễn Chí Thanh       | 4.575   |
| 53.10     | Đường Lê Hồng Phong                        | Đường Nguyễn Huệ                          | Đường Nguyễn Trung Trực      | 4.200   |
|           |                                            | Đường Nguyễn Trung Trực                   | Đường Nguyễn Chí Thanh       | 4.125   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính             | Đoạn đường                                     |                                                | Giá đất |
|-------|-----------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------|
|       |                                   | Từ                                             | Đến                                            | VT1     |
| 53.11 | Đường Nguyễn Huệ                  | Đường Ngô Quốc Trị                             | Đường Nguyễn Tri Phương                        | 4.200   |
| 53.12 | Đường Nguyễn Trung Trực           | Đường Ngô Quốc Trị                             | Đường Nguyễn Tri Phương                        | 4.200   |
| 53.13 | Đường 3 Tháng 2                   | Đường 30 Tháng 4                               | Cầu Kênh Hậu                                   | 3.375   |
|       |                                   | Cầu Kênh Hậu                                   | Cầu Nàng Mau 2                                 | 3.750   |
|       |                                   | Cầu Nàng Mau 2                                 | Đường 30 Tháng 4                               | 2.550   |
| 53.14 | Đường Nguyễn Công Trứ             | Đường Nguyễn Tri Phương                        | Đường Lê Hồng Phong                            | 4.125   |
| 53.15 | Đường Nguyễn Du                   | Đường Nguyễn Tri Phương                        | Đường Lê Quý Đôn                               | 3.342   |
| 53.16 | Đường Phan Bội Châu               | Đường Nguyễn Công Trứ                          | Đường Nguyễn Du                                | 3.342   |
| 53.17 | Đường Phan Chu Trinh              | Đường Nguyễn Công Trứ                          | Đường Nguyễn Du                                | 3.342   |
| 53.18 | Đường Tạ Quang Tỹ                 | Đường Nguyễn Công Trứ                          | Đường Nguyễn Đình Chiểu                        | 3.342   |
| 53.19 | Đường Nguyễn Thái Học             | Đường Nguyễn Công Trứ                          | Đường Nguyễn Đình Chiểu                        | 3.342   |
| 53.20 | Đường Nguyễn Đình Chiểu           | Đường Nguyễn Tri Phương                        | Đường Lê Hồng Phong                            | 4.125   |
| 53.21 | Đường Nguyễn Văn Trỗi (Khu A - B) | Đường Lê Quý Đôn                               | Đường Nguyễn Tri Phương                        | 5.000   |
| 53.22 | Đường Nguyễn Hữu Trí (Khu A - B)  | Đường Hùng Vương                               | Đường Nguyễn Trung Trực                        | 5.000   |
| 53.23 | Đường Trần Ngọc Quế (Khu A - B)   | Đường Hùng Vương                               | Đường Nguyễn Trung Trực                        | 5.000   |
| 53.24 | Đường Trần Văn Sơn (Khu A - B)    | Đường Hùng Vương                               | Đường Nguyễn Trung Trực                        | 5.000   |
| 53.25 | Đường Phan Đình Phùng             | Đường 30 Tháng 4                               | Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau) | 3.195   |
|       |                                   | Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau) | Cầu Thủ Bồn                                    | 2.502   |
| 53.26 | Đường Nguyễn Huệ                  | Đường Ngô Quốc Trị                             | Cầu Tư Tiềm                                    | 2.951   |
| 53.27 | Đường Võ Thị Sáu                  | Đường 30 Tháng 4                               | Đường Nguyễn Tri Phương                        | 2.951   |
| 53.28 | Đường Nguyễn Thị Định             | Đường 30 Tháng 4                               | Rạch Phong Lưu                                 | 2.400   |
| 53.29 | Đường Hùng Vương nối dài          | Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm              | Hết ranh Khu dân cư Giáo viên                  | 3.485   |
| 53.30 | Đường Kênh Lộ Làng                | Đường Nguyễn Tri Phương                        | Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông                   | 2.951   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                 | Đoạn đường                                                            |                                          | Giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------|
|       |                                                                       | Từ                                                                    | Đến                                      | VT1     |
| 53.31 | Đường Nguyễn Chí Thanh                                                | Đường Ngô Quốc Trị                                                    | Đường Nguyễn Tri Phương                  | 5.600   |
| 53.32 | Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Vị Tân)    | Đường Nguyễn Chí Thanh                                                | Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông             | 3.546   |
| 53.33 | Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình) | Kênh Xáng Nàng Mau                                                    | Đường 3 Tháng 2                          | 2.992   |
| 53.34 | Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)       | Đường 3 Tháng 2                                                       | Giáp ranh phường Long Bình               | 3.840   |
| 53.35 | Đường Ba Liên - Ông Tà                                                | Giáp ranh phường Vị Tân                                               | Kênh 9 Thước                             | 825     |
|       |                                                                       | Kênh 9 Thước                                                          | Đường tỉnh 925D                          | 616     |
| 53.36 | Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung                                   | Đường 30 Tháng 4                                                      | Đường Kênh Chín Thước                    | 2.951   |
| 53.37 | Đường vào Nông Trường Tràm                                            | Quốc lộ 61                                                            | Giáp ranh xã Vĩnh Tường                  | 2.430   |
| 53.38 | Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2                                            | Quốc lộ 61                                                            | Giáp ranh xã Vĩnh Tường                  | 2.250   |
| 53.39 | Đường công vụ Kênh Ba Liên                                            | Giáp ranh phường Vị Tân                                               | Quốc lộ 61C                              | 3.600   |
| 53.40 | Đường Kênh Chín Thước                                                 | Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung                                   | Giáp ranh xã Vĩnh Tường                  | 700     |
| 53.41 | Đoạn nối Quốc lộ 61C đến Quốc lộ 61 (cả 02 đoạn)                      | Quốc lộ 61                                                            | Quốc lộ 61C                              | 3.640   |
| 53.42 | Lộ nhựa 3,5 mét tuyến Kênh Xáng Nàng Mau                              | Đường Võ Thị Sáu                                                      | Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông             | 2.365   |
| 53.43 | Đường bờ xáng Nàng Mau                                                | Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình) | Giáp ranh xã Vĩnh Tường                  | 2.365   |
| 53.44 | Đường vào Đình Nguyễn Trung Trực                                      | Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)       | Lộ nhựa 3,5 mét tuyến kênh Xáng Nàng Mau | 875     |
| 53.45 | Tuyến đường cặp kênh 9 Thước                                          | Kênh Ba Liên                                                          | Kênh Hội Đồng                            | 875     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                                           | Đoạn đường                                                                                                            |                         | Giá đất |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|
|       |                                                                                                                                 | Từ                                                                                                                    | Đến                     | VT1     |
| 53.46 | Đường Kênh Hội Đồng                                                                                                             | Kênh Chín Thước                                                                                                       | Giáp ranh xã Vị Thanh 1 | 875     |
| 53.47 | Đường Kênh Trảng Tiền                                                                                                           | Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung                                                                                   | Cầu Năm Đẳng            | 875     |
| 53.48 | Đường Kênh Nàng Bèn                                                                                                             | Cầu Năm Đẳng                                                                                                          | Giáp ranh xã Vĩnh Tường | 875     |
| 53.49 | Dãy phố cặp nhà lồng chợ Nàng Mau (Chợ cũ)                                                                                      | Đường 30 Tháng 4                                                                                                      | Kênh Hậu                | 6.525   |
| 53.50 | Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 1)                                                                                        | Các nền mặt tiền: Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng                                                                  |                         | 5.008   |
|       |                                                                                                                                 | Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng) |                         | 4.998   |
| 53.51 | Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 2)                                                                                        | Các nền mặt tiền Đường số 11                                                                                          |                         | 6.800   |
|       |                                                                                                                                 | Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 11)                        |                         | 6.000   |
| 53.52 | Khu dân cư tự cải tạo phù hợp quy hoạch đất ở liền kề Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy                          | Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường số D1)                                              |                         | 5.600   |
|       |                                                                                                                                 | Đường số D1 (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N10)                                                         |                         | 3.342   |
| 53.53 | Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy                                                                                | Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)                                             |                         | 5.600   |
|       |                                                                                                                                 | Đường Nguyễn Tri Phương (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N8)                                              |                         | 4.583   |
|       |                                                                                                                                 | Đường số D14 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)                                                                   |                         | 5.600   |
|       |                                                                                                                                 | Đường số N8 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)                                                        |                         | 4.125   |
|       |                                                                                                                                 | Đường số N10 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số D1)                                                                   |                         | 4.125   |
|       |                                                                                                                                 | Đường số D1, D2 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)                                                                |                         | 3.342   |
| 53.54 | Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025 | Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)                                                         |                         | 5.600   |
|       |                                                                                                                                 | Đường số D14                                                                                                          |                         | 5.600   |
|       |                                                                                                                                 | Đường số N1                                                                                                           |                         | 3.008   |
|       |                                                                                                                                 | Đường số N2 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)                                                                    |                         | 3.008   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                      | Đoạn đường                       |                                                | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                            | Từ                               | Đến                                            | VT1     |
| 53.55     | Khu dân cư Giáo viên                                                       | Các Đường nội bộ trong khu       |                                                | 2.951   |
| 53.56     | Khu dân cư và tái định cư xã Vị Trung                                      | Cả khu                           |                                                | 2.685   |
| 53.57     | Tuyến Đường Ấp 5, thị trấn Nàng Mau                                        | Đường Nguyễn Thị Định            | Ngã ba Phong Lưu                               | 1.440   |
| <b>54</b> | <b>Xã Vĩnh Thuận Đông</b>                                                  |                                  |                                                |         |
| 54.1      | Tuyến Đường Nước Đục - Bến Ruộng - Đường Đào                               | Cầu Nước Đục (Nhà máy Phong Nga) | Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3 | 900     |
| 54.2      | Tuyến Đường Nước Đục - Vịnh Chèo - Đường Đào                               | Cầu Nước Đục                     | Cầu cao tốc                                    | 900     |
|           |                                                                            | Cầu cao tốc                      | Ngã năm Đường Đào                              | 900     |
| 54.3      | Chợ Vĩnh Thuận Đông                                                        | Các đường nội bộ khu vực chợ     |                                                | 2.100   |
| 54.4      | Tuyến Kênh Đồn                                                             | Kênh Đồn                         | Chợ Vĩnh Thuận Đông                            | 924     |
| 54.5      | Tuyến Đường Năm Trăm - Ấp 1                                                | Cầu 500                          | Cầu Trạm Bơm                                   | 750     |
| 54.6      | Tuyến Đường kênh Ba Doi - Quán Tấn                                         | Trạm Y tế xã Vĩnh Thuận Đông     | Cầu Sáu Thêm                                   | 750     |
| 54.7      | Tuyến Đường Cầu Trường THCS Vĩnh Thuận Đông - Trạm Bơm Bàu Năng (Phía Nam) | Cầu Trường Học                   | Ngã ba Bàu Năng (Bảy Hè)                       | 750     |
| 54.8      | Tuyến Đông Kênh Lý Nét                                                     | Cầu Lý Nét                       | Giáp ranh Ấp 7                                 | 750     |
| 54.9      | Tuyến lộ Trà Lồng                                                          | Cầu Trà Lồng                     | Cầu Hai Hoa                                    | 750     |
| 54.10     | Quốc lộ 61C                                                                | Giáp ranh xã Vị Thủy             | Giáp ranh phường Vị Thanh                      | 3.200   |
| 54.11     | Đường Kênh Lộ Làng                                                         | Giáp ranh xã Vị Thủy             | Cầu Đập Đá                                     | 900     |
| 54.12     | Đường Kênh Lò Heo                                                          | Đường tỉnh 925D                  | Kênh Hai Cừ                                    | 900     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                          | Đoạn đường                                                            |                                         | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|       |                                                                | Từ                                                                    | Đến                                     | VT1     |
| 54.13 | Tuyến Đường cấp Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)                      | Đường tỉnh 925D                                                       | Ngã tư Vườn Cò                          | 810     |
| 54.14 | Đường tỉnh 925D                                                | Giáp ranh xã Vị Thủy                                                  | Hết ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)      | 3.000   |
|       |                                                                | Giáp ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)                                   | Đường tỉnh 931                          | 2.700   |
| 54.15 | Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây                   | Đường tỉnh 925D (Trạm Y tế Vĩnh Thuận Tây cũ)                         | Cầu Kênh Trường Học                     | 4.084   |
|       |                                                                | Cầu Kênh Trường Học                                                   | Kênh Nhà Thờ                            | 3.672   |
|       |                                                                | Kênh Nhà Thờ                                                          | Kênh Giải Phóng                         | 2.225   |
| 54.16 | Tuyến Đường Trà Sắt                                            | Đường tỉnh 925D                                                       | Kênh Ngang                              | 750     |
| 54.17 | Tuyến Đường Trường học                                         | Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây                          | Kênh Ngang                              | 700     |
| 54.18 | Tuyến Đường Vàm Cái Su - Vườn Cò                               | Vàm Cái Su                                                            | Cầu Vườn Cò                             | 750     |
| 54.19 | Đường trục giữa                                                | Kênh Trường Học                                                       | Giáp ranh Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây | 3.368   |
| 54.20 | Đường đi về xã Vĩnh Thuận Đông                                 | Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3                                     | Hết Chợ xã Vĩnh Thuận Đông              | 1.540   |
|       |                                                                | Chợ xã Vĩnh Thuận Đông                                                | Giáp ranh Chợ Vĩnh Chèo                 | 1.250   |
| 54.21 | Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (hướng về phường Vị Thanh) | Ranh xã Vị Thủy                                                       | Quốc lộ 61C                             | 1.500   |
|       |                                                                | Quốc lộ 61C                                                           | Giáp ranh phường Vị Thanh               | 3.500   |
| 54.22 | Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây                                  | Lô A1, A2, A7                                                         |                                         | 4.900   |
|       |                                                                | Các lô (nền) còn lại (Không áp dụng đối với các lô (nền) tái định cư) |                                         | 3.500   |
|       |                                                                | Các lô (nền) tái định cư                                              |                                         | 2.160   |
| 54.23 | Đường tỉnh 931                                                 | Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây                          | Kênh Nhà Thờ                            | 3.370   |
|       |                                                                | Kênh Nhà Thờ                                                          | Giáp ranh phường Vị Thanh               | 2.359   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính               | Đoạn đường                                    |                                              | Giá đất |
|-------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|       |                                     | Từ                                            | Đến                                          | VT1     |
| 55    | <b>Xã Vị Thanh 1</b>                |                                               |                                              |         |
| 55.1  | Quốc lộ 61C                         | Giáp ranh xã Vị Thủy                          | Kênh 8.000                                   | 2.640   |
| 55.2  | Đường tỉnh 931B                     | Cầu Ba Liên                                   | Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)     | 3.118   |
|       |                                     | Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)     | Hết ranh đất Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)     | 4.449   |
|       |                                     | Giáp ranh Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)         | Kênh 15.000                                  | 2.673   |
|       |                                     | Kênh 15.000                                   | Kênh 13.000                                  | 4.449   |
|       |                                     | Kênh 13.000                                   | Kênh 8.000                                   | 4.000   |
| 55.3  | Đường tỉnh 927B                     | Đường tỉnh 931B                               | Quốc lộ 61C                                  | 1.646   |
|       |                                     | Quốc lộ 61C                                   | Kênh Chín thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)    | 990     |
| 55.4  | Đường tỉnh 926                      | Đê bao Ô Môn - Xà No                          | Kênh Cây Đông                                | 2.160   |
|       |                                     | Kênh Cây Đông                                 | Giáp ranh xã Trường Long Tây                 | 2.160   |
| 55.5  | Đê bao Ô Môn - Xà No                | Giáp ranh phường Vị Tân                       | Kênh 8.000                                   | 1.103   |
| 55.6  | Chợ xã Vị Đông (cũ)                 | Khu vực trong chợ                             |                                              | 2.745   |
| 55.7  | Chợ xã Vị Thanh (cũ)                | Mặt tiền Đường tỉnh 931B                      |                                              | 4.449   |
|       |                                     | Khu vực trong chợ                             |                                              | 3.294   |
| 55.8  | Đường công vụ kênh 3 Hiếu           | Đường tỉnh 931B                               | Giáp ranh xã Vị Thủy                         | 1.600   |
| 55.9  | Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Thanh (cũ) | Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927B           |                                              | 2.460   |
|       |                                     | Các lô nền còn lại                            |                                              | 2.460   |
| 55.10 | Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Đông (cũ)  | Các lô nền mặt tiền đường công vụ kênh 3 Hiếu |                                              | 2.460   |
|       |                                     | Các lô nền còn lại                            |                                              | 2.460   |
| 55.11 | Đường Kênh Ông Hai                  | Đê bao Ô Môn - Xà No                          | Kênh Ranh (ranh xã Hòa Hưng - tỉnh An Giang) | 1.000   |
| 55.12 | Đường Kênh 12.000                   | Đê bao Ô Môn - Xà No                          | Kênh Ba Thước                                | 1.000   |
| 55.13 | Đường Kênh 14.000                   | Kênh Thống Nhất                               | Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)    | 1.100   |
| 55.14 | Đường Kênh Hội Đồng                 | Đường tỉnh 931B                               | Giáp ranh xã Vị Thủy                         | 1.500   |
| 55.15 | Đường Kênh 8.000                    | Đường tỉnh 931B                               | Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)    | 1.300   |
| 55.16 | Đường 9.500                         | Đê bao Ô Môn - Xà No                          | Đường tỉnh 926                               | 1.000   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                   | Đoạn đường                                        |                                                     | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|           |                                                         | Từ                                                | Đến                                                 | VT1     |
| <b>56</b> | <b>Xã Vĩnh Tường</b>                                    |                                                   |                                                     |         |
| 56.1      | Đường tỉnh 925D                                         | Giáp ranh xã Vị Thủy                              | Hết ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường               | 1.998   |
|           |                                                         | Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường            | Cầu Kênh Xóm Huế                                    | 2.775   |
|           |                                                         | Cầu Kênh Xóm Huế                                  | Cầu Sáu Nhân                                        | 2.002   |
|           |                                                         | Cầu Sáu Nhân                                      | Hết ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường                  | 2.775   |
|           |                                                         | Giáp ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường               | Kênh Xáng Nàng Mau 2                                | 2.002   |
| 56.2      | Đường tỉnh 927B                                         | Đường tỉnh 925D                                   | Giáp ranh xã Vị Thanh 1                             | 1.400   |
| 56.3      | Tuyến Kênh Xáng Nàng Mau (Song song Đường tỉnh 925D)    | Kênh Long Điền                                    | Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường                   | 1.300   |
| 56.4      | Chợ xã Vĩnh Tường (cũ)                                  | Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường                 | Cầu Chợ                                             | 2.916   |
|           |                                                         | Khu vực trong chợ                                 |                                                     | 2.280   |
| 56.5      | Chợ xã Vĩnh Trung (cũ)                                  | Khu vực trong chợ                                 |                                                     | 2.772   |
| 56.6      | Đường nhựa Kênh Giữa                                    | Cầu Chợ                                           | Kênh Xáng Nàng Mau 2                                | 1.400   |
| 56.7      | Tuyến Kênh 13.000 nhỏ (Song song tuyến Đường tỉnh 927B) | Kênh Ba Què                                       | Giáp ranh Trường THCS Vĩnh Trung                    | 1.300   |
| 56.8      | Đường vào Nông Trường Tràm                              | Giáp ranh xã Vị Thủy                              | Ngã tư Kênh Long Điền                               | 2.430   |
| 56.9      | Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2                              | Giáp ranh xã Vị Thủy                              | Giáp ranh Khu du lịch sinh thái Việt Úc - Hậu Giang | 2.250   |
| 56.10     | Đường Kênh Chín Thước                                   | Đường tỉnh 927B                                   | Ranh xã Vị Thủy                                     | 700     |
| 56.11     | Tuyến Kênh Hãn (Bên trái)                               | Đường tỉnh 925D                                   | Kênh 8.000                                          | 1.100   |
| 56.12     | Đường Kênh 8.000                                        | Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vị Thanh 1)         | Kênh Xáng Nàng Mau 2 (Giáp ranh xã Hòa An)          | 1.300   |
| <b>57</b> | <b>Xã Vĩnh Viễn</b>                                     |                                                   |                                                     |         |
| 57.1      | Chợ Trục Thăng                                          | Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết |                                                     | 1.260   |
| 57.2      | Chợ Thanh Thủy                                          | Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết |                                                     | 1.250   |
| 57.3      | Đường huyện 4                                           | Ngã tư Thanh Thủy                                 | Sông Nước Đục                                       | 1.400   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                           | Đoạn đường                                        |                                 | Giá đất |
|-------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
|       |                                                 | Từ                                                | Đến                             | VT1     |
| 57.4  | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh                       | Cổng Trục Thăng                                   | Cầu Thanh Thủy 1                | 900     |
| 57.5  | Đường Kênh Mười Thước B                         | Cầu Vĩnh Thuận Thôn                               | Cổng chào Ấp 9                  | 900     |
|       |                                                 | Cổng chào Ấp 9                                    | Cầu Thanh Thủy 1                | 1.200   |
| 57.6  | Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A          | Kênh Trục Thăng                                   | Đường huyện 4                   | 1.105   |
| 57.7  | Đường Tây Kênh Trục Thăng (Đường nhựa, ấp 6)    | Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A            | Giáp ranh Chợ Trục Thăng        | 1.000   |
| 57.8  | Tuyến Đường Kênh Thanh Thủy (hai bên Đông, Tây) | Sông Nước Trong                                   | Ngã tư Thanh Thủy               | 840     |
| 57.9  | Đường Đông Kênh Năm                             | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh                         | Kênh Mương Cừ                   | 840     |
| 57.10 | Đường Nam Kênh Lò Than                          | Kênh Trổ                                          | Cổng Long Mỹ 1                  | 840     |
| 57.11 | Tuyến Kênh Thủy lợi 6                           | Kênh Mười Thước                                   | Sông Nước Trong                 | 840     |
| 57.12 | Đường tỉnh 930                                  | Giáp ranh xã Xà Phiên                             | Vòng xoay Trụ sở Công an xã     | 3.825   |
|       |                                                 | Vòng xoay Trụ sở Công an xã                       | Cầu Hai Quyền                   | 3.640   |
|       |                                                 | Cầu Hai Quyền                                     | Kênh Trục Thăng                 | 3.825   |
| 57.13 | Đường Kênh Cái Nhào                             | Đường tỉnh 930                                    | Sông Nước Đục (Bến đò Năm Diên) | 2.000   |
| 57.14 | Tuyến giáp Trung tâm xã                         | Chợ Kênh 13                                       | Ngã ba Bảy Kỳ                   | 3.150   |
|       |                                                 | Chợ Kênh 13                                       | Kênh Trạm Bơm                   | 3.150   |
|       |                                                 | Kênh Trạm Bơm                                     | Nhà văn hóa ấp 11               | 2.500   |
|       |                                                 | Trường THPT Tây Đô                                | Cổng Ngăn Mặn (Sông Nước Trong) | 2.000   |
|       |                                                 | Kênh Mười Thước                                   | Sông Nước Đục (Vàm 13)          | 2.000   |
|       |                                                 | Khu di tích Chiến Thắng Chương Thiện              | Kênh Chín Quyền                 | 1.250   |
| 57.15 | Chợ Vĩnh Viễn                                   | Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng |                                 | 6.500   |
| 57.16 | Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông (Ấp 12)       | Đường nội ô Trung tâm xã                          | Giáp ranh xã Xà Phiên           | 2.000   |
| 57.17 | Tuyến Kênh Trục Thăng                           | Cầu Trục Thăng                                    | Cổng Trục Thăng                 | 1.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                       | Đoạn đường                                  |                                              | Giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|       |                                                                             | Từ                                          | Đến                                          | VT1     |
| 57.18 | Đường nội ô Trung tâm xã                                                    | Vòng xoay Trụ sở Công an xã                 | Đường tỉnh 930                               | 4.500   |
| 57.19 | Khu dân cư Thương mại xã Vĩnh Viễn                                          | Đường nội ô Trung tâm xã                    |                                              | 3.000   |
|       |                                                                             | Các tuyến đường nội bộ còn lại              |                                              | 2.450   |
| 57.20 | Đường Kênh Củ Tre                                                           | Đường nội ô Trung tâm xã                    | Đường tỉnh 930                               | 1.080   |
|       |                                                                             | Đường tỉnh 930                              | Sông Nước Đục                                | 1.000   |
| 57.21 | Đường tỉnh 931                                                              | Cầu Vĩnh Chèo                               | Cầu Trâm Bàu                                 | 4.350   |
|       |                                                                             | Cầu Trâm Bàu                                | Kênh Mười Thước                              | 3.145   |
|       |                                                                             | Kênh Mười Thước                             | Sông Nước Trong                              | 3.145   |
| 57.22 | Khu tái định cư ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn (cũ)                               | Đường số 1, lộ giới 30 mét                  |                                              | 3.648   |
|       |                                                                             | Đường số B2, lộ giới 17,5 mét               |                                              | 3.040   |
|       |                                                                             | Đường số NB1, NB2, NB3, NB4, lộ giới 13 mét |                                              | 3.040   |
| 57.23 | Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 3)                                            | Vàm Kênh 13                                 | Ngã Ba Kênh Cái Dứa                          | 1.250   |
| 57.24 | Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 2)                                            | Đầu Kênh Chín Quyền                         | Đường nuôi trồng thủy sản (Ranh xã Xà Phiên) | 1.250   |
| 57.25 | Tuyến Kênh Mười Thước                                                       | Trường THPT Tây Đô                          | Kênh Ngang                                   | 2.000   |
| 57.26 | Đường dẫn lên Cầu số 1 vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang | Suốt tuyến                                  |                                              | 3.825   |
| 57.27 | Tuyến Đường Kênh Lộ Lớn                                                     | Đường nội ô Trung tâm xã                    | Đường tỉnh 930                               | 2.700   |
| 57.28 | Tuyến Đường nuôi trồng thủy sản                                             | Kênh 13                                     | Giáp ranh xã Xà Phiên                        | 1.887   |
| 57.29 | Đường Tây Kênh Củ Tre                                                       | Đường nội ô Trung tâm xã                    | Đường tỉnh 930                               | 2.700   |
| 57.30 | Tuyến Sông Nước Đục                                                         | Cổng Kênh Trục Thăng                        | Bến đò Kênh Mới                              | 1.000   |
| 57.31 | Đường Bắc Kênh Ngang                                                        | Kênh 13                                     | Kênh Sốc Miên                                | 1.080   |
| 57.32 | Đường Nam Cây Diệp (Ấp 3)                                                   | Kênh 13                                     | Ngã tư Củ Tre                                | 1.000   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                                                                                                           | Đoạn đường                                             |                                              | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                                                                                 | Từ                                                     | Đến                                          | VT1     |
| 57.33     | Tuyến Đê Kênh Trâm Bầu                                                                                                                                                          | Ngã tư Cái Nhào                                        | Cầu Lộ Lớn                                   | 1.000   |
| 57.34     | Khu tái định cư thị trấn Vĩnh Viễn phục vụ dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam, phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 | Đường tỉnh 931 (Áp dụng trong phạm vi Khu tái định cư) |                                              | 4.341   |
|           |                                                                                                                                                                                 | Đường số 1 (Lộ giới 15 mét)                            |                                              | 4.141   |
|           |                                                                                                                                                                                 | Đường số 2 (Lộ giới 14,5 mét)                          |                                              | 3.936   |
|           |                                                                                                                                                                                 | Đường số 3, đường số 4 (Lộ giới 13 mét)                |                                              | 3.936   |
| 57.35     | Tuyến Đường Cái Dứa                                                                                                                                                             | Cầu Đầu Lá                                             | Sông Nước Đục (Đình Thần Nguyễn Trung Trực)  | 1.000   |
| 57.36     | Đường Tây Kênh Năm, ấp 7, 8                                                                                                                                                     | Cầu Kênh 5 (Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A)    | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh                    | 990     |
| <b>58</b> | <b>Xã Xà Phiên</b>                                                                                                                                                              |                                                        |                                              |         |
| 58.1      | Đường tỉnh 930                                                                                                                                                                  | Cầu Trắng                                              | Giáp ranh xã Vĩnh Viễn                       | 2.380   |
| 58.2      | Đường huyện 14                                                                                                                                                                  | Cầu Miếu, ấp 7, xã Xà Phiên                            | Giáp ranh Chợ Xà Phiên                       | 2.380   |
| 58.3      | Chợ Xà Phiên                                                                                                                                                                    | Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết             |                                              | 4.200   |
| 58.4      | Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa                                                                                                                                            | Cảng Trà Ban                                           | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Kênh Cao Hột Lớn) | 1.240   |
|           |                                                                                                                                                                                 | Cổng Hai Tho                                           | UBND xã Thuận Hòa (cũ)                       | 1.240   |
| 58.5      | Đường huyện 15                                                                                                                                                                  | Đường tỉnh 930                                         | Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa         | 1.750   |
| 58.6      | Tuyến Đường Kênh Cái Rắn                                                                                                                                                        | Cầu Trạm Y tế xã                                       | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh                    | 1.250   |
| 58.7      | Tuyến Đường Kênh Cái Rắn                                                                                                                                                        | Cầu Đình                                               | Chùa ấp 4                                    | 1.680   |
| 58.8      | Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Tây)                                                                                                                                             | Xã Đới                                                 | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh                    | 900     |
| 58.9      | Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Đông)                                                                                                                                            | Cầu Châu                                               | Sông Cái Trầu                                | 900     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                              | Đoạn đường                |                                         | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|       |                                                    | Từ                        | Đến                                     | VT1     |
| 58.10 | Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh                    | Cảng Trà Ban              | Giáp ranh xã Lương Tâm                  | 1.000   |
| 58.11 | Tuyến Đường Kênh Long Mỹ 2                         | Cầu Trạm Y tế xã          | Cầu Nhật Tảo                            | 1.250   |
|       |                                                    | Cầu Nhật Tảo              | Bến đò Xí nghiệp                        | 1.750   |
| 58.12 | Đường Đê bao nuôi trồng thủy sản                   | Cầu Sáu Phước             | Kênh Cái Nhàu                           | 1.000   |
| 58.13 | Đường Kênh Tràm Chóc                               | Đường tỉnh 930            | Cầu Thuận Hưng                          | 1.000   |
| 58.14 | Tuyến Đường Kênh Tràm Chóc (phía Tây)              | Cầu Thuận Hưng            | Sông Nước Đục                           | 1.428   |
| 58.15 | Tuyến Đường Kênh Trà Ban                           | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh | Kênh Quan Ba                            | 1.050   |
| 58.16 | Đường rẽ vào Chợ Xà Phiên tiếp nối Đường tỉnh 930B | Đường tỉnh 930B           | Chợ Xà Phiên                            | 1.600   |
| 58.17 | Tuyến Kênh Chông Mỹ                                | Đường tỉnh 930B           | Sông Cái Trầu                           | 1.680   |
| 58.18 | Tuyến Đường Kênh Cây Me                            | Đầu Kênh Cây Me Ngoài     | Chùa Ấp 5                               | 1.680   |
| 58.19 | Tuyến Đường Kênh Cây Me (Ấp 5)                     | Đầu Kênh Xẻo Địa          | Cầu Kênh Cây Me Ngoài                   | 720     |
| 58.20 | Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông                  | Đường tỉnh 930B           | Giáp ranh xã Vĩnh Viễn                  | 2.000   |
| 58.21 | Tuyến Kênh Xã Hội                                  | Đầu Kênh Giao Du          | Đầu Kênh Xã Hội                         | 720     |
| 58.22 | Tuyến Đường Kênh 4 Thước                           | Giáp ranh Ấp 4            | Cầu Kênh Cây Me                         | 720     |
| 58.23 | Tuyến Đường Kênh Giao Du                           | Cầu Đình                  | Cầu Kênh Cây Me Trong                   | 720     |
| 58.24 | Tuyến Đường Kênh Mười Thước B                      | Cầu nhà bà Lê Thị Bết     | Cầu Mười Nhiều                          | 1.000   |
| 58.25 | Tuyến Đường Kênh Xẻo Ráng                          | Cầu Tư Thuần              | Đường tỉnh 930                          | 1.428   |
| 58.26 | Truyền Đường Ba Phát                               | Cầu Ba Phát               | Cầu Trạm bơm áp 10                      | 1.428   |
| 58.27 | Đường Hội Đồng                                     | Đường tỉnh 930            | Sông Nước Đục                           | 1.428   |
| 58.28 | Đường Hậu Giang 3                                  | Cầu Tư Nhi, đầu Kênh Ngay | Tuyến Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông | 1.500   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                 | Đoạn đường                                     |                                               | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                                       | Từ                                             | Đến                                           | VT1     |
| 58.29     | Đường Kênh Cống Điền                  | Đầu Kênh Cây Me Ngoài                          | Đầu Kênh Đê ngăn mặn                          | 1.500   |
| 58.30     | Đường tỉnh 930B                       | Cầu Xà Phiên                                   | Giáp ranh xã Lương Tâm                        | 2.380   |
| <b>59</b> | <b>Xã Lương Tâm</b>                   |                                                |                                               |         |
| 59.1      | Đường tỉnh 930B                       | Giáp ranh xã Xà Phiên                          | Giáp ranh tỉnh An Giang                       | 2.800   |
| 59.2      | Đường tỉnh 931                        | Sông Nước Trong                                | Cầu Xẻo Vệt                                   | 2.800   |
| 59.3      | Đường Sông Ngan Dừa                   | Bến đò Hai Học                                 | Cống Hóc Pó                                   | 1.400   |
| 59.4      | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh             | Giáp ranh xã Xà Phiên                          | Cống Hóc Pó                                   | 1.200   |
| 59.5      | Tuyến Đường Kênh Xẻo Vệt              | Đường tỉnh 931                                 | Kênh Đê ngăn mặn                              | 1.520   |
| 59.6      | Đường về Chợ Lương Nghĩa              | Cầu Chùa, ấp 7                                 | Giáp ranh đầu Chợ Lương Nghĩa                 | 1.400   |
|           |                                       | Giáp ranh Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa | Bến đò Hai Học                                | 1.400   |
| 59.7      | Tuyến Đường Kênh Trà Ban              | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh                      | Kênh Quan Ba                                  | 1.050   |
| 59.8      | Tuyến Năm Căn (Đông)                  | Kênh Long Mỹ II                                | Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh                     | 720     |
| 59.9      | Tuyến Long Mỹ II B                    | Kênh Năm Căn                                   | Đường tỉnh 931                                | 1.680   |
| 59.10     | Tuyến Xẻo Mào Tây                     | Kênh Long Mỹ II                                | Sông Nước Trong                               | 1.680   |
| 59.11     | Tuyến Ngan Mồ - Tô Ma                 | Đường tỉnh 930B                                | Cầu Tô Ma                                     | 1.680   |
| 59.12     | Tuyến Sông Cái                        | Bến phà cũ                                     | Cầu Bàn Quý                                   | 720     |
| 59.13     | Đường Nam Thủy Lợi 3                  | Cầu Chín Trung                                 | Cầu Ba Kha                                    | 900     |
| 59.14     | Đường Đông Thủy Lợi 6                 | Cầu Xóm Tiệm                                   | Kênh Thủy Lợi 3                               | 900     |
| 59.15     | Đường Tây Thủy Lợi 6                  | Trường Tiểu học Lương Nghĩa 3                  | Kênh Thủy Lợi 3                               | 900     |
| 59.16     | Đường Nam Tô Ma                       | Đường tỉnh 930B                                | Kênh Năm Biếc                                 | 900     |
| 59.17     | Đường Kênh Ngan Mồ - Kênh Đê ngăn mặn | Kênh Long Mỹ II                                | Kênh Đê ngăn mặn                              | 900     |
| 59.18     | Đường Kênh Hóc Pó                     | Đường tỉnh 930B                                | Hết ranh Công ty TNHH Công nghệ cao Hậu Giang | 900     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                                                           | Đoạn đường                                                                               |                                                   | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                                 | Từ                                                                                       | Đến                                               | VT1     |
| 59.19     | Chợ Lương Nghĩa                                                                                                                 | Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết (Không áp dụng đối với Khu dân cư thương mại) |                                                   | 4.200   |
| 59.20     | Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa                                                                                            | Các nền vị trí mặt tiền đường cặp sông                                                   |                                                   | 4.860   |
|           |                                                                                                                                 | Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 7 mét                                           |                                                   | 4.420   |
|           |                                                                                                                                 | Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 3,5 mét                                         |                                                   | 3.664   |
| 59.21     | Khu dân cư Thương mại xã Lương Tâm                                                                                              | Các đường D1, D2, D3, D4, D5 theo quy hoạch xây dựng chi tiết                            |                                                   | 6.170   |
| 59.22     | Đường Kênh Ngan Mồ                                                                                                              | Kênh Long Mỹ II                                                                          | Kênh Đê ngăn mặn                                  | 900     |
| <b>60</b> | <b>Xã Thạnh Xuân</b>                                                                                                            |                                                                                          |                                                   |         |
| 60.1      | Quốc lộ 1A                                                                                                                      | Giáp ranh phường Cái Răng                                                                | Giáp ranh xã Đông Phước                           | 6.762   |
| 60.2      | Quốc lộ 61                                                                                                                      | Cầu Cái Tắc                                                                              | Giáp ranh ấp Láng Hàm (Hết Công ty TNHH Trí Hưng) | 6.800   |
| 60.3      | Đường Trần Hưng Đạo                                                                                                             | Giáp ranh ấp Láng Hàm C                                                                  | Cầu Ba Láng                                       | 6.100   |
| 60.4      | Đường tỉnh 925                                                                                                                  | Quốc lộ 1A                                                                               | Giáp ranh xã Đông Phước                           | 4.500   |
| 60.5      | Tuyến cặp Sông Ba Láng (Hướng về Quốc lộ 1A)                                                                                    | Cầu số 10                                                                                | Cầu Rạch Vong                                     | 1.160   |
| 60.6      | Hẻm Quán Thi Thơ                                                                                                                | Quốc lộ 1A                                                                               | Cuối hẻm                                          | 2.200   |
| 60.7      | Khu dân cư Thương mại đa chức năng Tây Đô                                                                                       | Cả khu                                                                                   |                                                   | 4.360   |
| 60.8      | Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh                                                                                        | Giáp ranh xã Đông Phước                                                                  | Hết đường                                         | 3.480   |
| 60.9      | Khu tái định cư phục vụ Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh (Nay là Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh) do DNTN Vạn Phong đầu tư | Cả khu                                                                                   |                                                   | 4.360   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                                      | Đoạn đường                         |                      | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|---------|
|       |                                                                                                                            | Từ                                 | Đến                  | VT1     |
| 60.10 | Khu tái định cư và dân cư thương mại phục vụ Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh (Công ty Cổ phần Thiên Lộc - HG làm chủ đầu tư) | Cả khu                             |                      | 4.360   |
| 60.11 | Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh                                                                                           | Đường số 5 (12 mét)                |                      | 3.500   |
|       |                                                                                                                            | Đường NB1, NB2, NB3, NB4 (12 mét)  |                      | 3.200   |
|       |                                                                                                                            | Đường NB5 (9 mét)                  |                      | 3.200   |
| 60.12 | Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2                                                                             | Đường số 4 (6,5 mét)               |                      | 3.200   |
|       |                                                                                                                            | Đường số 5 (13 mét)                |                      | 3.500   |
|       |                                                                                                                            | Đường NB3, NB4 (12 mét)            |                      | 3.300   |
| 60.13 | Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2                                                                             | Đường NB5, NB6, NB8 (13 mét)       |                      | 3.400   |
|       |                                                                                                                            | Đường NB7 (15 mét)                 |                      | 3.400   |
| 60.14 | Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Xuân (đường Nguyễn Việt Hồng)                                                             | Quốc lộ 61                         | Sông Láng Hầm        | 3.318   |
|       |                                                                                                                            | Sông Láng Hầm                      | Hết Ấp Trầu Hôi      | 2.700   |
|       |                                                                                                                            | Ấp Trầu Hôi                        | Giáp ranh xã Tân Hòa | 2.105   |
| 60.15 | Đường vào Khu di tích lịch sử “Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam tỉnh Cần Thơ”                | Suốt tuyến                         |                      | 2.105   |
| 60.16 | Lộ mới Ba Ngoan                                                                                                            | Suốt tuyến                         |                      | 2.400   |
| 60.17 | Đường Nguyễn Trung Trực                                                                                                    | Quốc lộ 61C                        | Giáp ranh xã Tân Hòa | 3.000   |
| 60.18 | Đường Huỳnh Thúc Kháng (Đường nội bộ chợ)                                                                                  | Đường Nguyễn Thị Định              | Đường Trần Hưng Đạo  | 5.985   |
| 60.19 | Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)                                                                            | Đường Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ) | Cầu Vinh 1           | 5.985   |
| 60.20 | Đường Phan Văn Trị (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)                                                                             | Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)       | Cầu Vinh 2           | 5.985   |
| 60.21 | Đường Nguyễn Thị Định (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)                                                                          | Cầu Sắt Cũ                         | Ngã ba Chợ Rạch Gòi  | 5.985   |
| 60.22 | Chợ Rạch Gòi                                                                                                               | Các đường nội bộ chưa có tên đường |                      | 2.250   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                          | Đoạn đường                                |                                             | Giá đất |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                | Từ                                        | Đến                                         | VT1     |
| 60.23     | Quốc lộ 61C                                                                    | Suốt tuyến                                |                                             | 3.000   |
| 60.24     | Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét (Tuyến cấp sông Ba Láng, bên UBND xã Tân Phú Thạnh) | Rạch Bàng (Giáp ranh phường Cái Răng)     | Cầu So Đũa Bé                               | 1.100   |
| <b>61</b> | <b>Xã Tân Hòa</b>                                                              |                                           |                                             |         |
| 61.1      | Quốc lộ 61C                                                                    | Kênh Trầu Hôi                             | Giáp ranh xã Thạnh Xuân                     | 3.000   |
|           |                                                                                | Kênh Tân Hiệp                             | Kênh 2.000                                  | 3.300   |
|           |                                                                                | Kênh 2.000                                | Kênh 8.000                                  | 3.000   |
| 61.2      | Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 926B)                                          | Giáp ranh xã Tân Bình                     | Quốc lộ 61C                                 | 2.500   |
|           |                                                                                | Quốc lộ 61C                               | Kênh Xáng Xà No                             | 2.500   |
| 61.3      | Đường tỉnh 931B                                                                | Kênh Xáng Mới                             | Kênh Trầu Hôi                               | 1.800   |
|           |                                                                                | Kênh 1.000                                | Kênh 5.000                                  | 3.500   |
| 61.4      | Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 931B)                                             | Đường Nguyễn Trung Trực                   | Đường Nguyễn Việt Dũng                      | 8.000   |
|           |                                                                                | Đường Nguyễn Việt Dũng                    | Kênh 1.000                                  | 6.300   |
| 61.5      | Đường 3 Tháng 2 (Lộ 37)                                                        | Đường Tầm Vu                              | Kênh 1.000                                  | 9.000   |
|           |                                                                                | Cầu Tân Hiệp                              | Đường Nguyễn Trung Trực                     | 8.000   |
| 61.6      | Đường 3 Tháng 2 (Đoạn nối dài)                                                 | Kênh 1.000                                | Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A) | 8.000   |
| 61.7      | Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)                                    | Đường tỉnh 931B                           | Kênh Xáng Xà No                             | 3.500   |
| 61.8      | Đường Chiêm Thành Tấn                                                          | Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A) | Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)       | 7.200   |
| 61.9      | Đường Tầm Vu                                                                   | Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A) | Đường 30 Tháng 4                            | 6.400   |
|           |                                                                                | Đường 30 Tháng 4                          | Giáp ranh xã Tân Bình                       | 5.400   |
| 61.10     | Đường Nguyễn Trung Trực (Đường Công vụ Một Ngàn)                               | Cầu Xáng Mới                              | Đường 30 Tháng 4                            | 4.640   |
|           |                                                                                | Đường 30 Tháng 4                          | Giáp ranh xã Thạnh Xuân                     | 3.520   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                | Đoạn đường                                        |                                            | Giá đất |
|-------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|       |                                                      | Từ                                                | Đến                                        | VT1     |
| 61.11 | Đường Nguyễn Việt Dũng                               | Quốc lộ 61C                                       | Đường 30 Tháng 4                           | 6.720   |
|       |                                                      | Đường 30 Tháng 4                                  | Đường Chiêm Thành Tấn<br>(Kênh Xáng Xà No) | 6.300   |
|       |                                                      | Kênh Xáng Xà No                                   | Giáp ranh xã Trường<br>Long Tây            | 2.560   |
|       |                                                      | Quốc lộ 61C                                       | Giáp ranh xã Tân Bình                      | 2.560   |
| 61.12 | Đường Võ Thị Sáu<br>(Đường huyện 12 cũ)              | Kênh 5.000                                        | Kênh 6.500                                 | 2.250   |
|       |                                                      | Kênh 6.500                                        | Kênh 7.000                                 | 3.300   |
| 61.13 | Đê bao Ô Môn - Xà No                                 | Kênh Mương Đình                                   | Kênh Xẻo Trầm                              | 1.680   |
|       |                                                      | Kênh Xẻo Trầm                                     | Kênh 1.000                                 | 2.100   |
|       |                                                      | Kênh 1.000                                        | Kênh 8.000                                 | 1.680   |
| 61.14 | Đường huyện 12                                       | Kênh 7.000                                        | Kênh 8.000                                 | 3.750   |
|       |                                                      | Đường Nguyễn Việt Dũng<br>(Cầu Bốn Tổng)          | Kênh 5.000                                 | 1.600   |
| 61.15 | Đường Nguyễn Việt Hồng                               | Đường tỉnh 931B                                   | Giáp ranh xã Thạnh Xuân                    | 2.200   |
| 61.16 | Đường Công Vụ 4.000                                  | Kênh Xà No                                        | Quốc lộ 61C                                | 1.250   |
| 61.17 | Đường Võ Minh Thiết                                  | Đường 3 Tháng 2                                   | Đường 30 Tháng 4                           | 4.200   |
| 61.18 | Đường dẫn ra Quốc lộ<br>61C (Bến xe Châu Thành<br>A) | Quốc lộ 61C                                       | Đường Tầm Vu                               | 3.000   |
| 61.19 | Đường Cách Mạng Tháng<br>Tám (Đường tỉnh 931B<br>cũ) | Kênh 5.000                                        | Kênh 8.000                                 | 5.500   |
| 61.20 | Đường Nguyễn An Ninh<br>(Trung tâm chợ)              | Đường Cách Mạng Tháng<br>Tám (Đường tỉnh 931B cũ) | Đường Võ Thị Sáu                           | 5.500   |
| 61.21 | Đường Nguyễn Viết Xuân<br>(Trung tâm chợ)            | Đường Cách Mạng Tháng<br>Tám (Đường tỉnh 931B cũ) | Đường Võ Thị Sáu                           | 5.500   |
| 61.22 | Đường Ngô Hữu Hạnh<br>(Trung tâm chợ)                | Đường Lê Thị Chơi                                 | Đường Nguyễn An Ninh                       | 5.500   |
| 61.23 | Đường Lý Tự Trọng<br>(Trung tâm chợ)                 | Đường Lê Thị Chơi                                 | Đường Nguyễn An Ninh                       | 5.500   |
| 61.24 | Đường Lê Thị Chơi<br>(Trung tâm chợ)                 | Đường Võ Thị Sáu                                  | Đường Lý Tự Trọng                          | 5.500   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                        | Đoạn đường                                                       |     | Giá đất |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----|---------|
|       |                                                                                                              | Từ                                                               | Đến | VT1     |
| 61.25 | Khu dân cư huyện Châu Thành A (Đường Lê Bình, Đường Trương Thị Bình, Đường Kim Đồng, Đường Nguyễn Ngọc Trai) | Cả khu                                                           |     | 3.750   |
| 61.26 | Khu vượt lũ xã Tân Hòa                                                                                       | Cả khu                                                           |     | 1.050   |
| 61.27 | Khu vượt lũ xã Nhơn Nghĩa A                                                                                  | Cả khu                                                           |     | 1.250   |
| 61.28 | Khu dân cư vượt lũ 7.000                                                                                     | Cả khu                                                           |     | 2.000   |
| 61.29 | Khu tái định cư Tân Hòa                                                                                      | Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)                                   |     | 5.000   |
|       |                                                                                                              | Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14,5 mét) |     | 4.000   |
|       |                                                                                                              | Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14,5 mét)              |     | 3.800   |
|       |                                                                                                              | Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14,5 mét)              |     | 3.600   |
|       |                                                                                                              | Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (17,5 mét) |     | 4.000   |
|       |                                                                                                              | Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (17,5 mét)              |     | 3.800   |
|       |                                                                                                              | Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (17,5 mét)              |     | 3.600   |
|       |                                                                                                              | Đường D3 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14 mét)   |     | 4.000   |
|       |                                                                                                              | Đường D3 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14 mét)                |     | 3.800   |
|       |                                                                                                              | Đường D3 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14 mét)                |     | 3.600   |
|       |                                                                                                              | Đường N1 (14 mét)                                                |     | 4.000   |
|       |                                                                                                              | Đường N2 (14 mét)                                                |     | 3.800   |
|       |                                                                                                              | Đường N3 (14 mét)                                                |     | 3.600   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                                                       | Đoạn đường                                                      |                              | Giá đất |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                                             | Từ                                                              | Đến                          | VT1     |
| 61.30 | Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 | Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)                                  |                              | 5.000   |
|       |                                                                                                                                             | Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (6,5 mét) |                              | 3.000   |
|       |                                                                                                                                             | Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (6,5 mét)              |                              | 2.850   |
|       |                                                                                                                                             | Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (6,5 mét)              |                              | 2.700   |
|       |                                                                                                                                             | Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (13 mét)  |                              | 4.000   |
|       |                                                                                                                                             | Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (13 mét)               |                              | 3.800   |
| 61.31 | Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 | Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (13 mét)               |                              | 3.600   |
|       |                                                                                                                                             | Đường N1 (14 mét)                                               |                              | 4.000   |
|       |                                                                                                                                             | Đường N2 (14 mét)                                               |                              | 3.800   |
|       |                                                                                                                                             | Đường N3 (14 mét)                                               |                              | 3.600   |
| 61.32 | Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 4.000 ấp 3B, 5B                                                                                               | Kênh Xáng Xà No                                                 | Giáp ranh xã Trường Long Tây | 900     |
| 61.33 | Lộ nông thôn 3,5 mét thuộc ấp Nhơn Xuân                                                                                                     | Kênh Xáng Xà No                                                 | Kênh Trà Ếch                 | 900     |
|       |                                                                                                                                             | Kênh Trà Ếch                                                    | Giáp ranh xã Nhơn Ái         | 900     |
| 61.34 | Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 5.500 (Ấp 2A)                                                                                                 | Quốc lộ 61C                                                     | Giáp ranh xã Tân Bình        | 900     |
| 61.35 | Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 7.000 (Ấp 3B)                                                                                                 | Kênh Xáng Xà No                                                 | Giáp ranh xã Trường Long Tây | 900     |
| 61.36 | Lộ nông thôn 3,5 cặp Kênh 2.000 (Ấp 1B)                                                                                                     | Kênh Xáng Xà No                                                 | Giáp ranh xã Trường Long Tây | 900     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                          | Đoạn đường                                                                            |                                                                      | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                | Từ                                                                                    | Đến                                                                  | VT1     |
| <b>62</b> | <b>Xã Trường Long Tây</b>                                      |                                                                                       |                                                                      |         |
| 62.1      | Đường ô tô về trung tâm xã Trường Long Tây (Đường tỉnh 926 cũ) | Cầu 1.000                                                                             | Giáp ranh xã Trường Long Tây (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo) | 1.750   |
|           |                                                                | Giáp ranh xã Trường Long A cũ (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)                 | Kênh 5.500                                                           | 1.500   |
|           |                                                                | Cầu 4.000                                                                             | Cầu 5.500                                                            | 1.250   |
|           |                                                                | Kênh 5.500                                                                            | Kênh 8.000 (Giáp ranh xã Vị Bình cũ)                                 | 1.000   |
| 62.2      | Đường Bốn Tổng Một Ngàn                                        | Giáp ranh xã Tân Hòa                                                                  | Kênh Bờ Tràm                                                         | 2.500   |
|           |                                                                | Kênh Bờ Tràm                                                                          | Kênh KH9                                                             | 2.500   |
|           |                                                                | Kênh KH9                                                                              | Giáp ranh xã Trường Xuân                                             | 2.500   |
| 62.3      | Khu vượt lũ xã Trường Long Tây                                 | Cả khu                                                                                |                                                                      | 1.200   |
| 62.4      | Khu vực Chợ Trường Long Tây                                    | Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000 (Các nền đầu giá quyền sử dụng đất) |                                                                      | 2.500   |
|           |                                                                | Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000; Đường từ đường 926 đến Kênh KH9    |                                                                      | 1.700   |
|           |                                                                | Đường số D1, lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)                                               |                                                                      | 1.540   |
|           |                                                                | Đường số 4, lộ giới 12 mét (3 - 6 - 3)                                                |                                                                      | 1.540   |
|           |                                                                | Đường số 5, lộ giới 12 mét (3,5 - 7 - 3,5)                                            |                                                                      | 1.540   |
| 62.5      | Khu vượt lũ Trường Long A                                      | Phân đất sinh lợi                                                                     |                                                                      | 1.947   |
|           |                                                                | Cả khu (Trừ phân đất sinh lợi)                                                        |                                                                      | 1.200   |
| 62.6      | Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long Tây                  | Các tuyến                                                                             |                                                                      | 1.000   |
| 62.7      | Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long A                    | Các tuyến                                                                             |                                                                      | 1.000   |
| <b>63</b> | <b>Xã Châu Thành</b>                                           |                                                                                       |                                                                      |         |
| 63.1      | Đường Hùng Vương                                               | Giáp ranh xã Đông Phước                                                               | Mốc 1,5 km                                                           | 6.160   |
|           |                                                                | Mốc 1,5 km                                                                            | Ngã tư Cái Dầu                                                       | 11.250  |
|           |                                                                | Ngã tư Cái Dầu                                                                        | Cầu Ngã Cạy                                                          | 6.600   |
|           |                                                                | Cầu Ngã Cạy                                                                           | Cầu Cơ Ba                                                            | 5.000   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                      | Đoạn đường                                                                                                                        |                                   | Giá đất |
|-------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|       |                                                            | Từ                                                                                                                                | Đến                               | VT1     |
| 63.2  | Đường 30 Tháng 4                                           | Đường Hùng Vương                                                                                                                  | Khu dân cư (Đường Võ Thị Sáu)     | 7.920   |
| 63.3  | Đường 3 Tháng 2                                            | Đường 30 Tháng 4                                                                                                                  | Cầu Cái Dầu                       | 7.920   |
|       |                                                            | Ngã tư Cái Dầu                                                                                                                    | Cầu Cái Dầu                       | 11.250  |
|       |                                                            | Cầu Cái Dầu                                                                                                                       | Cổng chào Phú Hữu                 | 6.300   |
| 63.4  | Đường Lê Văn Tám                                           | Đường Hùng Vương                                                                                                                  | Đường Đồng Khởi                   | 6.600   |
| 63.5  | Đường Nguyễn Văn Quy                                       | Cầu Xẻo Chòi                                                                                                                      | Cầu Tràm Bông                     | 5.000   |
| 63.6  | Đường Nguyễn Việt Hồng                                     | Đường Nguyễn Văn Quy                                                                                                              | Đường 3 Tháng 2                   | 4.400   |
| 63.7  | Đường Kim Đồng                                             | Ngã ba Đường Nguyễn Việt Hồng                                                                                                     | Hết ranh Trường Mầm non Ánh Dương | 4.400   |
| 63.8  | Đường Đồng Khởi                                            | Cầu Xẻo Chòi                                                                                                                      | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa           | 6.600   |
|       |                                                            | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa                                                                                                           | Cầu Kênh Tân Quới                 | 4.375   |
| 63.9  | Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa                                    | Cầu Cái Muồng (mới)                                                                                                               | Đường Đồng Khởi                   | 6.600   |
|       |                                                            | Đường 3 Tháng 2                                                                                                                   | Đường Hùng Vương                  | 7.920   |
| 63.10 | Đường Nguyễn Việt Dũng                                     | Đường 30 Tháng 4                                                                                                                  | Đường Hùng Vương                  | 5.516   |
| 63.11 | Đường Ngô Hữu Hạnh                                         | Suốt tuyến                                                                                                                        |                                   | 5.516   |
| 63.12 | Đường Lý Tự Trọng                                          | Suốt tuyến                                                                                                                        |                                   | 5.516   |
| 63.13 | Đường Võ Thị Sáu                                           | Suốt tuyến                                                                                                                        |                                   | 5.516   |
| 63.14 | Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1                   | Cả khu                                                                                                                            |                                   | 3.600   |
|       |                                                            | Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1) |                                   | 3.600   |
| 63.15 | Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2                   | Cả khu                                                                                                                            |                                   | 3.600   |
|       |                                                            | Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2) |                                   | 3.600   |
| 63.16 | Khu dân cư - Thương mại Thiện Phúc (Gồm khu cũ và khu mới) | Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường Hùng Vương)                                                               |                                   | 7.920   |
| 63.17 | Khu tái định cư và dân cư thị trấn Ngã Sáu                 | Cả khu                                                                                                                            |                                   | 6.336   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                | Đoạn đường                                                                                                                                                               |                                                                | Giá đất |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                      | Từ                                                                                                                                                                       | Đến                                                            | VT1     |
| 63.18 | Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2                                                | Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét; Đường số 9 có lộ giới 22 mét                                                                           |                                                                | 6.170   |
|       |                                                                                      | Đường số 22 có lộ giới 19 mét                                                                                                                                            |                                                                | 4.936   |
|       |                                                                                      | Đường số 1, Đường số 2, Đường số 3 có lộ giới 13 mét                                                                                                                     |                                                                | 4.319   |
|       |                                                                                      | Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)                                              |                                                                | 4.936   |
| 63.19 | Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam | Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét                                                                                                         |                                                                | 6.170   |
|       |                                                                                      | Đường số 22 có lộ giới 19 mét; Đường Lý Tự Trọng có lộ giới 19 mét                                                                                                       |                                                                | 4.936   |
|       |                                                                                      | Đường số 1, Đường số 2, Đường số 4, Đường số 5 có lộ giới 13 mét                                                                                                         |                                                                | 4.319   |
|       |                                                                                      | Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc Nam (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2) |                                                                | 4.936   |
| 63.20 | Khu Trung tâm Thương mại Ngã Sáu                                                     | Cả khu                                                                                                                                                                   |                                                                | 7.260   |
| 63.21 | Đường về xã Phú An (Cũ)                                                              | Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)                                                                                                                                               | Giáp ranh xã Đông Phước                                        | 2.400   |
| 63.22 | Đường về xã Đông Phú                                                                 | Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)                                                                                                                                               | Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 | 2.400   |
| 63.23 | Đường ra Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Chỉ áp dụng cho lộ đal)                   | Cầu Bảy Ca                                                                                                                                                               | Cầu Cái Dầu                                                    | 1.500   |
| 63.24 | Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú                                                     | Giáp ranh xã Đông Phước                                                                                                                                                  | Cầu Cái Cui Bé                                                 | 2.400   |
| 63.25 | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                                     | Cầu Cái Cui                                                                                                                                                              | Cầu Cái Côn                                                    | 8.000   |
| 63.26 | Đường nối Ngã Sáu đến Nam Sông Hậu (Đối với các vị trí đã Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng)  | Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)                                                                                                                                               | Cầu Phú Hưng                                                   | 4.200   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                                                 | Đoạn đường                                                                                                                                                                                                                   |                                  | Giá đất |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                                       | Từ                                                                                                                                                                                                                           | Đến                              | VT1     |
| 63.27 | Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 (Đợt 1, đợt 2 và đợt 3)                                                | Các nền tiếp giáp mặt tiền Đường số 2 (Song song với Đường Nam Sông Hậu)                                                                                                                                                     |                                  | 9.040   |
|       |                                                                                                                                       | Các lô nền còn lại                                                                                                                                                                                                           |                                  | 6.216   |
| 63.28 | Khu tái định cư Đông Phú phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu                                                                             | Đường số 3, lộ giới 32 mét (Từ nền 1 - 3 của lô N1; Từ nền 1 - 3 của lô N2)                                                                                                                                                  |                                  | 4.959   |
|       |                                                                                                                                       | Đường N1, lộ giới 24 mét (Từ nền số 4 - 21 của lô N1; Từ nền số 4 - 20 của lô N2), đường N2, N3 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 58 của lô N3; Từ nền số 1 - 58 của lô N4), đường D2 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 6 của lô N5) |                                  | 4.715   |
|       |                                                                                                                                       | Đường N2, N3, D3, D4, D5, lộ giới 15 mét (Từ nền số 59 - 163 của lô N3; Từ nền số 59 - 165 của lô N4)                                                                                                                        |                                  | 4.667   |
| 63.29 | Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu đợt 2 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành (do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh làm chủ đầu tư) | Đường số 5, gồm các lô nền: A1, A2 và A3 (Từ nền số 01 đến nền số 29)                                                                                                                                                        |                                  | 7.410   |
|       |                                                                                                                                       | Đường số 4: gồm các lô nền A3 (Từ nền số 30 đến nền số 66) và A4                                                                                                                                                             |                                  | 6.216   |
| 63.30 | Đường tỉnh 927C                                                                                                                       | Giáp ranh xã Phú Hữu                                                                                                                                                                                                         | Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) | 4.720   |
| 63.31 | Khu dân cư Thương mại, dịch vụ Mái Dầm                                                                                                | Thửa mặt tiền Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)                                                                                                                                                                               |                                  | 5.342   |
|       |                                                                                                                                       | Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))                                                                                                                                                             |                                  | 3.205   |
| 63.32 | Khu tái định cư cho Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2                                                                                     | Đường số 2, 3, 4, 5, 6 có lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4)                                                                                                                                                                         |                                  | 4.712   |
|       |                                                                                                                                       | Đường số 7, 8 có lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)                                                                                                                                                                                  |                                  | 4.211   |
|       |                                                                                                                                       | Đường số 9, 10, 11, 12, 13 có lộ giới 14 mét (4 - 6 - 4)                                                                                                                                                                     |                                  | 3.823   |
| 63.33 | Trung tâm thương mại và Khu dân cư Thương mại thị trấn Mái Dầm                                                                        | Cả khu (Trừ các lô giáp Đường Nam Sông Hậu và Đường tỉnh 925)                                                                                                                                                                |                                  | 4.500   |
| 63.34 | Khu tái định cư thị trấn Mái Dầm                                                                                                      | Đường số 1 lộ giới 26 mét (4,5 - 17 - 4,5); Đường D5 lộ giới 24 mét (4 - 14 - 4)                                                                                                                                             |                                  | 4.801   |
|       |                                                                                                                                       | Đường số 2A, 3, 6, 8, 9A, D7 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4); Đường số 10 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4) và lộ giới 21 mét (5 - 11 - 5)                                                                                               |                                  | 4.712   |
|       |                                                                                                                                       | Đường N1, N2, N3, N4, N5, D1, D2, D3, D4, D6, D8 lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)                                                                                                                                                  |                                  | 4.211   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                             | Đoạn đường                                                                                                              |                                                           | Giá đất |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                   | Từ                                                                                                                      | Đến                                                       | VT1     |
| 63.35     | Đường tỉnh 925                                                    | Cầu Thông Thuyền                                                                                                        | Bến khách ngang sông Mái Dầm                              | 3.200   |
| 63.36     | Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm                               | Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925)                                                       |                                                           | 3.500   |
|           |                                                                   | Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm) |                                                           | 3.500   |
| 63.37     | Đường cặp sông Cái Dầu, Cái Muồng (Phía chợ Ngã Sáu)              | Mốc 1,5 km                                                                                                              | Cầu Cái Dầu                                               | 3.520   |
| <b>64</b> | <b>Xã Đông Phước</b>                                              |                                                                                                                         |                                                           |         |
| 64.1      | Quốc lộ 1A                                                        | Giáp ranh xã Thạnh Xuân (Cầu Rạch Vong)                                                                                 | Cầu Đất Sét                                               | 5.280   |
| 64.2      | Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)                                     | Cầu Đất Sét                                                                                                             | Hết Nhà thờ Cái Tắc                                       | 9.408   |
|           |                                                                   | Hết Nhà thờ Cái Tắc                                                                                                     | Giáp ranh xã Thạnh Hòa                                    | 7.560   |
| 64.3      | Đường Lê Văn Nhung (Quốc lộ 1A cũ)                                | Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)                                                                                    | Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)                             | 7.560   |
| 64.4      | Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)                              | Ngã ba Cái Tắc (Quốc lộ 1A)                                                                                             | Cầu Cái Tắc                                               | 9.600   |
| 64.5      | Đường tỉnh 925 (cũ) và Đường tỉnh 925 (mới)                       | Giáp ranh xã Thạnh Xuân                                                                                                 | Cầu Cái Chanh và giáp ranh phường Cái Răng                | 4.499   |
|           |                                                                   | Cầu Cái Chanh (mới) và Cầu Cái Chanh (cũ)                                                                               | Giáp ranh xã Châu Thành                                   | 3.500   |
|           |                                                                   | Trường Mẫu giáo Họa Mi                                                                                                  | Đường tỉnh 925 (Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đông Phước A cũ) | 2.400   |
| 64.6      | Đường Nguyễn Văn Quang (Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh) | Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)                                                                                           | Cầu Ba Láng                                               | 6.640   |
| 64.7      | Đường Đỗ Trọng Văn                                                | Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)                                                                                    | Cầu Mới (Đường Chùa Khmer)                                | 5.880   |
| 64.8      | Đường Đoàn Văn Chia (Đường nội bộ Chợ Cái tắc)                    | Bưu điện thị trấn Cái Tắc                                                                                               | Cầu Tàu                                                   | 6.912   |
| 64.9      | Đường nội bộ Chợ Cái Tắc                                          | Các đoạn còn lại trong Chợ Cái Tắc                                                                                      |                                                           | 6.720   |
| 64.10     | Đường Chùa Khmer                                                  | Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)                                                                                    | Cổng Cả Bảo                                               | 6.720   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                                | Đoạn đường                                 |                           | Giá đất |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|---------|
|           |                                                                                                      | Từ                                         | Đến                       | VT1     |
| 64.11     | Đường cấp sông Cái Chanh                                                                             | Đường tỉnh 925 (cũ)                        | Cầu Cái Chanh (mới)       | 1.800   |
| 64.12     | Đường về xã Đông Phước (Đường huyện 35)                                                              | Cầu Cái Chanh (cũ)                         | Đường dẫn Cầu Ông Hoạch   | 2.400   |
| 64.13     | Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú                                                                     | Đường tỉnh 925                             | Giáp ranh xã Châu Thành   | 2.400   |
| 64.14     | Đường dẫn cầu Ông Hoạch                                                                              | Đường về xã Đông Phước                     | Trụ sở UBND xã Đông Phước | 2.500   |
| 64.15     | Đường ô tô về Trung tâm xã Đông Phước A                                                              | Đường tỉnh 925                             | Trường Mẫu giáo Hòa Mi    | 1.500   |
|           |                                                                                                      | Trường Mẫu giáo Hòa Mi                     | Giáp ranh xã Thạnh Hòa    | 3.500   |
| 64.16     | Tuyến cấp sông Ba Láng (Hướng về Đường Hùng Vương)                                                   | Cầu Đất Sét (Giáp ranh xã Tân Phú Thạnh)   | Đường Hùng Vương          | 1.863   |
| 64.17     | Khu dân cư Cái Tắc (Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vạn Phát đầu tư)                          | Cả khu                                     |                           | 4.050   |
| 64.18     | Khu dân cư ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc (Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bảo Trân đầu tư) | Cả khu                                     |                           | 3.750   |
| 64.19     | Khu nhà ở kết hợp với Thương mại dịch vụ tại thị trấn Cái Tắc                                        | Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 1A) |                           | 4.050   |
| 64.20     | Đường dẫn đi vào Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc (cũ)                                               | Suốt tuyến                                 |                           | 2.000   |
| 64.21     | Tuyến Đường cấp sông Ba Láng                                                                         | Cầu Móng                                   | Cống Cả Bảo               | 2.200   |
| 64.22     | Tuyến Đường cấp sông Cái Răng (hiện trạng lộ 3,5 mét)                                                | Rạch Bà Nhen                               | Rạch Chùa                 | 1.800   |
| 64.23     | Đường vào Khu tập thể Cầu Đường                                                                      | Suốt tuyến                                 |                           | 2.400   |
| <b>65</b> | <b>Xã Phú Hữu</b>                                                                                    |                                            |                           |         |
| 65.1      | Đường tỉnh 925                                                                                       | Cổng chào Phú Hữu                          | Cầu Thông Thuyền          | 2.500   |
| 65.2      | Đường tỉnh 925B                                                                                      | Cầu Tràm Bông                              | Giáp ranh xã Thạnh Hòa    | 2.400   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                                           | Đoạn đường                          |                                    | Giá đất |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                 | Từ                                  | Đến                                | VT1     |
| 65.3      | Đường tỉnh 927C                                                                                                 | Giáp ranh phường Đại Thành          | Giáp ranh xã Châu Thành            | 2.990   |
| 65.4      | Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu                                                                              | Đường tỉnh 925                      | Đường tỉnh 927C                    | 1.495   |
| 65.5      | Đường Ngã tư Đông Sơn - Bưng Cây Sắn                                                                            | Cầu BOT Đông Phước                  | Cầu Kênh thủy lợi Phú Tân (cũ)     | 838     |
| 65.6      | Tuyến Đường bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai và xây dựng tuyến Đê bao bờ Nam sông Mái Dầm, huyện Châu Thành | Giáp ranh xã Thạnh Hòa              | Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu | 671     |
| 65.7      | Khu dân cư vượt lũ xã Đông Phước (cũ)                                                                           | Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925B |                                    | 2.400   |
|           |                                                                                                                 | Các lô nền còn lại                  |                                    | 1.680   |
| 65.8      | Cụm dân cư vượt lũ xã Phú Hữu                                                                                   | Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927C |                                    | 2.990   |
|           |                                                                                                                 | Các lô nền còn lại                  |                                    | 2.093   |
| 65.9      | Đường Căn cứ liên Tỉnh ủy                                                                                       | Cầu BOT Phú Hữu                     | Cầu Chữ Y Vàm Đường Gỗ             | 1.047   |
| 65.10     | Các tuyến Đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã                                                            | Suốt tuyến                          |                                    | 500     |
| <b>66</b> | <b>Xã Tân Bình</b>                                                                                              |                                     |                                    |         |
| 66.1      | Quốc lộ 61                                                                                                      | Cầu Ba Láng                         | Hết ranh Xí nghiệp nước đá         | 6.500   |
|           |                                                                                                                 | Giáp ranh Xí nghiệp nước đá         | Hết ranh Cây xăng Hòa Hà           | 5.750   |
|           |                                                                                                                 | Giáp ranh Cây xăng Hòa Hà           | Cổng Tám An                        | 5.000   |
|           |                                                                                                                 | Cổng Tám An                         | Hết ranh Cây xăng Hồng Quân        | 4.320   |
|           |                                                                                                                 | Giáp ranh Cây xăng Hồng Quân        | Bến xe Kinh Cùng                   | 5.000   |
|           |                                                                                                                 | Bến xe Kinh Cùng                    | Giáp ranh xã Hòa An                | 6.000   |
| 66.2      | Đường tỉnh 929 (cũ)                                                                                             | Cầu Tân Hiệp                        | Giáp ranh xã Tân Hòa               | 2.800   |
| 66.3      | Đường tỉnh 929                                                                                                  | Quốc lộ 61                          | Kênh Đường Láng                    | 2.500   |
|           |                                                                                                                 | Kênh Đường Láng                     | Giáp ranh xã Tân Hòa               | 2.500   |
| 66.4      | Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đường tỉnh 925B)                                                         | Quốc lộ 61                          | Cầu Hai Hòe                        | 1.080   |
|           |                                                                                                                 | Cầu Hai Hòe                         | Cầu Bình Thành                     | 1.175   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                                                      | Đoạn đường                                                                                                                                 |                                           | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                                                            | Từ                                                                                                                                         | Đến                                       | VT1     |
| 66.5  | Đường vào Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng, Tân Bình                                                                            | Quốc lộ 61                                                                                                                                 | Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng     | 1.880   |
|       |                                                                                                                            | Các đường nội bộ                                                                                                                           |                                           | 1.880   |
| 66.6  | Chợ Rạch Gòi                                                                                                               | Quốc lộ 61                                                                                                                                 | Cầu sắt cũ Rạch Gòi                       | 3.900   |
|       |                                                                                                                            | Cầu Ba Láng                                                                                                                                | Cầu sắt cũ Rạch Gòi                       | 2.400   |
| 66.7  | Khu tái định cư xã Bình Thành phục vụ dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 | Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đoạn từ kênh Hai Hòe đến UBND xã Bình Thành); Đường tỉnh 925B dự kiến có lộ giới 18 mét (5 - 8 - 5) |                                           | 3.804   |
|       |                                                                                                                            | Đường D1, D2 có cùng lộ giới 14 mét (3,5 - 7 - 3,5)                                                                                        |                                           | 3.623   |
|       |                                                                                                                            | Đường N1, N2 có cùng lộ giới 13 mét (3,5 - 6 - 3,5)                                                                                        |                                           | 3.450   |
| 67    | <b>Xã Hòa An</b>                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                           |         |
| 67.1  | Quốc lộ 61                                                                                                                 | Cây xăng Mỹ Tân                                                                                                                            | Hết kho vũ khí Quân sự                    | 5.000   |
|       |                                                                                                                            | Hết kho vũ khí quân sự                                                                                                                     | Giáp ranh phường Long Bình (Cầu Xẻo Trâm) | 4.200   |
| 67.2  | Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)                                                                                             | Giáp ranh xã Tân Bình                                                                                                                      | Hết Cây xăng Mỹ Tân                       | 5.700   |
| 67.3  | Đường tỉnh 927                                                                                                             | Giáp ranh xã Hiệp Hưng (Cầu Xáng Bộ)                                                                                                       | Cầu Rạch Cừ                               | 2.240   |
| 67.4  | Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)                                                                                        | Giáp ranh phường Phương Bình (Cầu Xẻo Sảnh)                                                                                                | Quốc lộ 61                                | 2.500   |
| 67.5  | Đường 26 Tháng 3 (Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú)                                                                       | Quốc lộ 61                                                                                                                                 | Cầu Kênh Bảy Chồn                         | 1.080   |
| 67.6  | Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú                                                                                          | Cầu Kênh Bảy Chồn                                                                                                                          | Đường tỉnh 927                            | 1.080   |
| 67.7  | Tuyến Kênh Nhà Nước                                                                                                        | Kênh Tổng Năng                                                                                                                             | Giáp ranh xã Phương Bình                  | 2000    |
| 67.8  | Đường vào Kênh Tám Ngàn cụt                                                                                                | Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)                                                                                                             | Cầu Kênh Tám Ngàn cụt                     | 4.810   |
| 67.9  | Đường Nguyễn Thị Thơ                                                                                                       | Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)                                                                                                             | Cầu sắt Chợ Hồng Phát                     | 4.810   |
| 67.10 | Đường Nguyễn Thị Bông                                                                                                      | Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)                                                                                                             | Cầu bê tông Chợ Hồng Phát                 | 5.920   |
| 67.11 | Đường Lâm Thị Sáu                                                                                                          | Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)                                                                                                             | Giáp Kênh Năm Phú                         | 2.000   |
| 67.12 | Tuyến Đường Lâm Thị Hai                                                                                                    | Giáp ranh xã Phụng Hiệp                                                                                                                    | Đường Kinh Cùng - Phương Phú              | 2.000   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                        | Đoạn đường                                              |                                                                           | Giá đất |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                              | Từ                                                      | Đến                                                                       | VT1     |
| 67.13     | Đường vào bãi rác Hòa An                                                     | Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)                     | Bãi rác Hòa An                                                            | 756     |
| 67.14     | Khu dân cư và Trung tâm Thương mại Hồng Phát tại thị trấn Kinh Cùng          | Đường số 29 (Từ cầu Xáng Thôi đến đường dự mở số 1)     |                                                                           | 5.115   |
|           |                                                                              | Đường số 25 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)             |                                                                           | 3.928   |
|           |                                                                              | Đường số 2 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)              |                                                                           | 3.928   |
|           |                                                                              | Đường số 3 (Từ Đường số 29 đến Đường số 6)              |                                                                           | 3.928   |
|           |                                                                              | Đường số 4 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)              |                                                                           | 3.928   |
|           |                                                                              | Đường số 5 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)              |                                                                           | 3.928   |
|           |                                                                              | Đường số 6 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)              |                                                                           | 3.928   |
| 67.15     | Khu dân cư - Tái định cư Kênh Tám Ngàn, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp | Cả khu                                                  |                                                                           | 4.810   |
| 67.16     | Chợ Kinh Cùng (Chợ thị trấn Kinh Cùng)                                       | Cả khu                                                  |                                                                           | 5.610   |
| <b>68</b> | <b>Xã Phương Bình</b>                                                        |                                                         |                                                                           |         |
| 68.1      | Đường tỉnh 928B                                                              | Giáp ranh xã Tân Phước Hưng (Cầu Ranh Án)               | Hết ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1                                     | 820     |
|           |                                                                              | Giáp ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1                  | Hết ranh Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)                    | 1.060   |
|           |                                                                              | Giáp ranh Trung Tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ) | Giáp ranh phường Long Phú 1 (Cầu Xẻo Xu)                                  | 820     |
| 68.2      | Đường tỉnh 927                                                               | Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Rạch Cừ)                       | Cầu Ông Cò                                                                | 2.240   |
|           |                                                                              | Cầu Ông Cò                                              | Cầu Cả Cường                                                              | 2.250   |
|           |                                                                              | Cầu Cả Cường                                            | Cầu Kênh Bà Bái                                                           | 2.240   |
|           |                                                                              | Cầu Kênh Bà Bái                                         | Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Sành)                                        | 1.600   |
|           |                                                                              | Kênh Bà Bái                                             | Kênh Xẻo Cao                                                              | 1.200   |
| 68.3      | Đường tỉnh 926B                                                              | Giáp ranh xã Hòa An (Cầu rạch cũ)                       | Giáp ranh phường Long Phú 1                                               | 1.200   |
| 68.4      | Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú                                            | Cầu Lâm Trường Phương Ninh                              | Giáp ranh Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (Hết ranh đất Hai Vính) | 940     |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                   | Đoạn đường                                                    |                                                     | Giá đất |
|-----------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|           |                                                         | Từ                                                            | Đến                                                 | VT1     |
| 68.5      | Đường cặp Kênh Đức Bà                                   | Cầu Đức Bà                                                    | Hết Nhà thờ Đức Bà                                  | 1.030   |
| 68.6      | Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu                            | Cầu Kênh Cây Mướp                                             | Cầu Kênh Tư So                                      | 2.000   |
|           |                                                         | Đường dẫn lên Cầu Cái Sơn                                     | Cầu Kênh Giải Phóng                                 | 2.000   |
|           |                                                         | Cầu Kênh Giải Phóng                                           | Kênh Lái Hiếu nhỏ (Giáp ranh phường Long Mỹ)        | 1.800   |
| 68.7      | Đường dẫn Cầu Cái Sơn (Hai bên cầu)                     | Đường tỉnh 927                                                | Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu                        | 940     |
| 68.8      | Tuyến Kênh Nhà Nước                                     | Cầu Cái Sơn (Giáp ranh đất Đỗ Thanh Bình)                     | Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Kênh Bờ Chuối)             | 2.000   |
| 68.9      | Chợ Cái Sơn                                             | Đường cặp Kênh Tư So                                          |                                                     | 3.381   |
|           |                                                         | Các tuyến đường nội bộ chợ                                    |                                                     | 3.000   |
| 68.10     | Khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng | Đường số 1, lộ giới 21 mét (5,5 - 10 - 5,5)                   |                                                     | 2.485   |
|           |                                                         | Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7, lộ giới 11,5 mét (3,0 - 5,5 - 3,0) |                                                     | 2.007   |
| 68.11     | Chợ Phương Phú                                          | Các tuyến đường nội bộ chợ                                    |                                                     | 1.495   |
| <b>69</b> | <b>Xã Tân Phước Hưng</b>                                |                                                               |                                                     |         |
| 69.1      | Đường Quản lộ - Phụng Hiệp                              | Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Hai Dường)                      | Kênh Cây Mận                                        | 2.100   |
|           |                                                         | Kênh Cây Mận                                                  | Giáp ranh xã Long Hưng                              | 1.862   |
| 69.2      | Đường ô tô về xã Tân Phước Hưng (Đường tỉnh 928B)       | Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Mươi Lê)                        | Đường tỉnh 928                                      | 1.175   |
| 69.3      | Đường tỉnh 928B                                         | Đường tỉnh 928                                                | Giáp ranh xã Phương Bình                            | 1.175   |
| 69.4      | Đường tỉnh 928                                          | Giáp ranh đất Trụ sở Công an xã                               | Giáp ranh xã Hiệp Hưng                              | 1.272   |
| 69.5      | Đường Chợ Búng Tàu                                      | Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu                                | Giáp ranh đất Nhị Tỷ (Đường cặp Kênh Xáng Búng Tàu) | 2.363   |
|           |                                                         | Giáp chân móng Cầu cũ Búng Tàu (Nhà anh Tiên)                 | Hết ranh đất Nhà anh Nguyễn Văn Mỹ                  | 2.363   |
|           |                                                         | Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu                                | Cầu mới Mười Biểu (Đường cặp Kênh Ngang)            | 1.760   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                         | Đoạn đường                           |                                      | Giá đất |
|-----------|-----------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|---------|
|           |                                               | Từ                                   | Đến                                  | VT1     |
| 69.6      | Hai đường song song sau Nhà lồng Chợ Búng Tàu | Ranh nhà lồng chợ                    | Ranh đất Hai Thành                   | 2.100   |
| <b>70</b> | <b>Xã Hiệp Hưng</b>                           |                                      |                                      |         |
| 70.1      | Đường tỉnh 927                                | Cầu Sậy Niều                         | Cầu Kênh Tây                         | 2.500   |
|           |                                               | Cầu Kênh 82                          | Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xáng Bộ)    | 2.240   |
| 70.2      | Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)          | Cầu Kênh Tây                         | Đường 26 Tháng 3                     | 3.640   |
|           |                                               | Đường 26 Tháng 3                     | Cầu vượt Cây Dương (Đường 3 Tháng 2) | 4.000   |
|           |                                               | Cầu vượt Cây Dương                   | Đường Đoàn Văn Chia                  | 4.800   |
|           |                                               | Đường số 5 (Đường Nguyễn Thị Điền)   | Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)   | 2.760   |
|           |                                               | Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)   | Cầu Kênh T82                         | 2.240   |
| 70.3      | Đường tỉnh 928                                | Kênh Châu Bộ                         | Giáp ranh xã Tân Phước Hưng          | 1.575   |
| 70.4      | Đường Đoàn Văn Chia (Đường tỉnh 928)          | Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ) | Đường Võ Thị Tẩu                     | 4.800   |
|           |                                               | Đường Võ Thị Tẩu                     | Kênh Trường học                      | 3.400   |
| 70.5      | Đường 3 Tháng 2                               | Đường Nguyễn Văn Nét                 | Cầu Lái Hiếu (Cầu vượt Cây Dương)    | 3.450   |
|           |                                               | Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ) | Đường Võ Thị Tẩu                     | 4.800   |
| 70.6      | Đường Nguyễn Thị Phấn (Đường số 3)            | Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ) | Đường số 1                           | 4.250   |
| 70.7      | Đường Trần Văn Sơn (Đường số 19)              | Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ) | Đường Võ Thị Tẩu                     | 4.400   |
| 70.8      | Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 17)          | Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ) | Đường Võ Thị Tẩu                     | 4.400   |
|           |                                               | Đường Võ Thị Tẩu                     | Đường số 20                          | 3.750   |
| 70.9      | Đường Nguyễn Minh Quang                       | Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ) | Đường số 1                           | 4.250   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                   | Đoạn đường                                                                                                                                             |                                                                                                                                                        | Giá đất |
|-------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|       |                                         | Từ                                                                                                                                                     | Đến                                                                                                                                                    | VT1     |
| 70.10 | Đường Nguyễn Văn Nét<br>(Đường số 9)    | Kênh Lái Hiếu                                                                                                                                          | Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 | 3.600   |
|       |                                         | Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 | Cầu Kênh Châu Bộ                                                                                                                                       | 2.700   |
| 70.11 | Đường Triệu Vĩnh Tường<br>(Đường số 30) | Đường 3 Tháng 2                                                                                                                                        | Đường số 22                                                                                                                                            | 4.800   |
| 70.12 | Đường Hùng Vương<br>(Đường số 31)       | Đường 30 Tháng 4 (Trụ sở Công an xã)                                                                                                                   | Đường 3 Tháng 2                                                                                                                                        | 4.900   |
|       |                                         | Đường 3 Tháng 2                                                                                                                                        | Đường Đoàn Văn Chia                                                                                                                                    | 5.250   |
|       |                                         | Đường Nguyễn Thị Điền                                                                                                                                  | Đường 30 Tháng 4                                                                                                                                       | 4.900   |
| 70.13 | Đường Võ Thị Tẩu                        | Đường Đoàn Văn Chia                                                                                                                                    | Đường số 22                                                                                                                                            | 4.800   |
| 70.14 | Đường Trương Thị Hoa                    | Đường Võ Thị Tẩu                                                                                                                                       | Đường số 20                                                                                                                                            | 3.750   |
| 70.15 | Khu dân cư vượt lũ thị trấn Cây Dương   | Đường 30 Tháng 4                                                                                                                                       | Hết ranh Khu dân cư                                                                                                                                    | 1.760   |
|       |                                         | Các đường nội bộ                                                                                                                                       |                                                                                                                                                        | 1.750   |
| 70.16 | Đường vào khu Bờ Trảm                   | Ranh Khu dân cư vượt lũ Cây Dương                                                                                                                      | Lộ Kênh Bờ Trảm                                                                                                                                        | 1.200   |
| 70.17 | Đường Nguyễn Thị Ba                     | Cầu Ranh Án                                                                                                                                            | Cầu Kênh Bùi Kiệm                                                                                                                                      | 1.269   |
| 70.18 | Đường ô tô về xã Hiệp Hưng              | Đường tỉnh 928                                                                                                                                         | Cầu Mười Hùng                                                                                                                                          | 1.080   |
| 70.19 | Đường số 22                             | Đường Võ Thị Tẩu                                                                                                                                       | Đường Hùng Vương                                                                                                                                       | 4.840   |
| 70.20 | Đường số 20                             | Đường Trương Thị Hoa                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Văn Quang                                                                                                                                 | 3.900   |
| 70.21 | Đường số 23                             | Đường Trương Thị Hoa                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Văn Quang                                                                                                                                 | 4.500   |
| 70.22 | Đường số 25                             | Đường Trương Thị Hoa                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Văn Quang                                                                                                                                 | 4.500   |
| 70.23 | Đường Lê Thị Bông                       | Đường Trương Thị Hoa                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Văn Quang                                                                                                                                 | 4.500   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                            | Đoạn đường                               |                              | Giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|---------|
|       |                                                                                  | Từ                                       | Đến                          | VT1     |
| 70.24 | Đường Nguyễn Văn Thép                                                            | Đường Trương Thị Hoa                     | Đường Nguyễn Văn Quang       | 4.200   |
| 70.25 | Đường Phạm Thị Dần<br>(Đường D1 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))      | Đường 3 Tháng 2                          | Đường Đoàn Văn Chia          | 4.800   |
| 70.26 | Đường Lê Thị Nương<br>(Đường D2 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))      | Đường 3 Tháng 2                          | Đường Đoàn Văn Chia          | 4.800   |
| 70.27 | Đường Bùi Thị Chăm<br>(Đường D3 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))      | Đường 3 Tháng 2                          | Đường Đoàn Văn Chia          | 4.800   |
| 70.28 | Đường Lê Thị Cảnh<br>(Đường D4 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))       | Đường D3                                 | Đường 3 Tháng 2              | 4.800   |
| 70.29 | Đường Nguyễn Thị Hóa<br>(Đường số 10 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương)) | Đường D3                                 | Đường 3 Tháng 2              | 4.800   |
| 70.30 | Đường số 1                                                                       | Đường Nguyễn Thị Điền<br>(Đường số 5)    | Đường Lê Thị Tư (Đường số 6) | 4.250   |
| 70.31 | Đường Nguyễn Thị Điền<br>(Đường số 5)                                            | Đường 30 Tháng 4                         | Hết đường nhựa               | 4.250   |
| 70.32 | Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)                                                     | Đường Hùng Vương                         | Đường số 1                   | 4.250   |
| 70.33 | Đường số 3 Khu dân cư Phụng Hiệp                                                 | Đường số 22                              | Đường số 4                   | 3.600   |
| 70.34 | Đường số 4 Khu dân cư Phụng Hiệp                                                 | Đường số 5 dự mở                         | Hết lộ nhựa                  | 3.600   |
| 70.35 | Khu tái định cư tại thị trấn Cây Dương                                           | Đường số 12 (25 mét)                     |                              | 5.300   |
|       |                                                                                  | Đường số 10 (17 mét)                     |                              | 5.035   |
|       |                                                                                  | Đường số 23 (17 mét)                     |                              | 5.035   |
|       |                                                                                  | Đường số 25 (17 mét)                     |                              | 5.035   |
|       |                                                                                  | Đường Lê Thị Bông (Đường số 27 (17 mét)) |                              | 5.035   |

| Số TT     | Tên đơn vị hành chính                                                                                                                        | Đoạn đường                        |                                                     | Giá đất |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                                              | Từ                                | Đến                                                 | VT1     |
| 70.36     | Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 | Đường số 1 (Lộ giới 18 mét)       |                                                     | 5.250   |
|           |                                                                                                                                              | Đường số 2 (Lộ giới 15 mét)       |                                                     | 4.988   |
|           |                                                                                                                                              | Đường số 3 (Lộ giới 14 mét)       |                                                     | 4.725   |
|           |                                                                                                                                              | Đường số 4 (Lộ giới 14 mét)       |                                                     | 4.725   |
|           |                                                                                                                                              | Đường số 5 (Lộ giới 14 mét)       |                                                     | 4.725   |
|           |                                                                                                                                              | Đường số 6 (Lộ giới 14 mét)       |                                                     | 4.725   |
|           |                                                                                                                                              | Đường số 7 (Lộ giới 14 mét)       |                                                     | 4.725   |
| <b>71</b> | <b>Xã Phụng Hiệp</b>                                                                                                                         |                                   |                                                     |         |
| 71.1      | Đường tỉnh 927                                                                                                                               | Cầu Sậy Niều                      | Cầu Đất Sét                                         | 2.500   |
| 71.2      | Đường tỉnh 928                                                                                                                               | Giáp ranh xã Thạnh Hòa            | Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)                     | 1.440   |
|           |                                                                                                                                              | Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)   | Cầu La Bách                                         | 1.560   |
|           |                                                                                                                                              | Cầu La Bách                       | Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ                   | 1.625   |
|           |                                                                                                                                              | Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ | Giáp ranh xã Hiệp Hưng (cầu Trường học)             | 1.575   |
| 71.3      | Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ                                                                                                            | Đường tỉnh 928                    | Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)                               | 1.080   |
| 71.4      | Đường về Trung tâm xã Phụng Hiệp                                                                                                             | Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)             | Cầu Ngã tư Đất Sét                                  | 1.020   |
|           |                                                                                                                                              | Cầu ngã tư Đất Sét                | Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu UBND phường Lái Hiếu) | 1.120   |
|           |                                                                                                                                              | Đường tỉnh 927 (Cầu Sậy Niều)     | Giáp ranh Lộ Xẻo Môn                                | 1.120   |
| 71.5      | Chợ Hòa Mỹ                                                                                                                                   | Đường tỉnh 928                    | Các đường nội ô chợ                                 | 1.679   |
| <b>72</b> | <b>Xã Thạnh Hòa</b>                                                                                                                          |                                   |                                                     |         |
| 72.1      | Quốc lộ 1A                                                                                                                                   | Giáp ranh xã Đông Phước           | Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)                        | 4.200   |
|           |                                                                                                                                              | Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)      | Giáp ranh phường Đại Thành                          | 5.640   |
| 72.2      | Quốc lộ 61                                                                                                                                   | Cầu Cái Tắc                       | Cổng Mâm Thao                                       | 5.504   |
|           |                                                                                                                                              | Cổng Mâm Thao                     | Đường rẽ vào Đường tỉnh 928                         | 5.100   |
|           |                                                                                                                                              | Đường rẽ vào Đường tỉnh 928       | Cầu Ba Láng                                         | 6.400   |
| 72.3      | Đường tỉnh 925B                                                                                                                              | Quốc lộ 1A                        | Giáp ranh xã Phú Hữu                                | 3.600   |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                                                    | Đoạn đường                         |                                                                               | Giá đất |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|
|       |                                                                                          | Từ                                 | Đến                                                                           | VT1     |
| 72.4  | Đường tỉnh 928                                                                           | Cầu Ba Láng                        | Kênh Mụ Thê                                                                   | 2.067   |
|       |                                                                                          | Kênh Mụ Thê                        | Cầu Cây                                                                       | 1.650   |
|       |                                                                                          | Cầu Cây                            | Giáp ranh xã Phụng Hiệp                                                       | 1.440   |
| 72.5  | Đường tránh Đường tỉnh 928                                                               | Quốc lộ 61                         | Đường tỉnh 928                                                                | 2.067   |
| 72.6  | Đường vào Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 2) ấp Trường Khánh 1 | Quốc lộ 1A                         | Khu tái định cư xã Thạnh Hòa (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1 | 4.733   |
| 72.7  | Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1           | Các đường nội bộ                   |                                                                               | 2.700   |
| 72.8  | Đường song song Quốc lộ 1A (Không áp dụng đối với các thửa đất mặt tiền Quốc lộ 1A)      | Cầu Cái Đình                       | Giáp ranh xã Đông Phước                                                       | 1.500   |
| 72.9  | Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Hòa (Ấp Trường Khánh 1)                                 | Quốc lộ 1A                         | Hết ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa                                             | 1.200   |
|       |                                                                                          | Giáp ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa | Ngã tư Vàm Xẻo Đon                                                            | 1.088   |
| 72.10 | Đường về xã Thạnh Hòa (Đường cũ)                                                         | Quốc lộ 1A                         | Đường về xã Thạnh Hòa                                                         | 1.200   |
| 72.11 | Đường đi xã Đông Phước                                                                   | Quốc lộ 1A                         | Giáp ranh xã Đông Phước                                                       | 1.350   |
| 72.12 | Đường về Cầu Nhị Hồng                                                                    | Kênh mương lộ Quốc lộ 1A           | Đầu Cầu Nhị Hồng                                                              | 1.914   |
| 72.13 | Đường đi Phố 10 căn                                                                      | Cầu Bà Triệu                       | Cầu Xáng Bộ                                                                   | 1.150   |
| 72.14 | Đường Tha La                                                                             | Quốc lộ 61                         | Cầu Sơn Đài                                                                   | 1.375   |
|       |                                                                                          | Cầu Sơn Đài                        | Cầu Tha La                                                                    | 1.012   |
| 72.15 | Lộ Thanh Niên                                                                            | Quốc lộ 61                         | Sông Tầm Vu                                                                   | 1.100   |
| 72.16 | Lộ Rạch Chanh - Ranh Làng                                                                | Quốc lộ 61                         | Cầu Rạch Chanh                                                                | 805     |

| Số TT | Tên đơn vị hành chính                                   | Đoạn đường                                                                          |                                           | Giá đất |
|-------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|       |                                                         | Từ                                                                                  | Đến                                       | VT1     |
| 72.17 | Đường dẫn vào Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)    | Quốc lộ 1A                                                                          | Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)    | 3.500   |
| 72.18 | Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)                  | Cả khu                                                                              |                                           | 2.700   |
| 72.19 | Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ đa chức năng Minh Trí | Các tuyến đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng                             |                                           | 3.600   |
| 72.20 | Khu Thương mại Chợ Cầu Trắng                            | Đường số 1; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)                                              |                                           | 4.600   |
|       |                                                         | Đường số 2, số 8 lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3); Đường số 9; Lộ giới 12 mét (2 - 7 - 3) |                                           | 4.400   |
|       |                                                         | Đường số 3, số 4, số 6, số 7; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)                            |                                           | 3.500   |
| 72.21 | Khu tái định cư xã Tân Long (Sạt lở)                    | Đường nhựa đầu nối vào Đường tỉnh 925B                                              |                                           | 1.625   |
| 72.22 | Chợ Thanh Hòa                                           | Các đường nội bộ trong chợ                                                          |                                           | 1.725   |
| 72.23 | Chợ Phú Khởi                                            | Các đường nội bộ trong chợ                                                          |                                           | 1.725   |
| 72.24 | Chợ Long Thạnh                                          | Quốc lộ 1A                                                                          | Cầu qua Trường Trung học cơ sở Long Thạnh | 2.400   |
|       |                                                         | Các đường nội ô trong chợ                                                           |                                           | 2.520   |
| 72.25 | Chợ Tân Long (cũ)                                       | Cả khu                                                                              |                                           | 3.070   |